HUỲNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên)
ĐỖ CÔNG NAM – PHẠM MẠNH THẮNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN DUY DŨNG – NGUYỄN NGỌC HOA ĐĂNG – TRẦN NGUYỄN QUANG HẠ
NGUYỄN TRẦN MINH HẢI – ĐỖ THỊ NGUYỆT – NGUYỄN TẤT THÀNH – BÙI THỊ XUYẾN – ĐỖ THỊ THUÝ YẾN

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

11

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BẢN MẪU

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA
THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Môn: Giáo dục kinh tế và pháp luật – Lớp 11

Họ và tên	Chức vụ Hội đồng
Ông THÁI VĨNH THẮNG	Chủ tịch
Bà NGUYỄN THỊ KHƯƠNG	Phó Chủ tịch
Bà ĐOÀN THỊ THOA	Uỷ viên, Thư kí
Ông ĐỖ XUÂN LÂN	Uỷ viên
Bà ĐINH THỊ PHƯỢNG	Uỷ viên
Bà NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Uỷ viên
Bà HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	Uỷ viên
Bà PHAN THỊ THU HIỀN	Uỷ viên
Bà TRẦN THỊ HỒNG LOAN	Uỷ viên

Chân trời sáng tạo

HUỲNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên)
ĐỖ CÔNG NAM – PHẠM MẠNH THẮNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN DUY DŨNG – NGUYỄN NGỌC HOA ĐĂNG – TRẦN NGUYỄN QUANG HẠ
NGUYỄN TRẦN MINH HẢI – ĐỖ THỊ NGUYỆT – NGUYỄN TẤT THÀNH – BÙI THỊ XUYẾN – ĐỖ THỊ THUÝ YẾN

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

11

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Là kết quả mà học sinh cần đạt được về phẩm chất và năng lực sau mỗi bài học.

MỞ ĐẦU

Giới thiệu khái quát những nội dung cơ bản và tạo hứng thú dẫn vào bài học mới.

KHÁM PHÁ

Tìm hiểu, khám phá kiến thức, hình thành năng lực qua các hoạt động đọc, quan sát, thảo luận,...

LUYỆN TẬP

Củng cố kiến thức và kĩ năng đã được khám phá, thực hành các hành động cơ bản có liên quan đến chủ đề/ bài học qua các tình huống, bài tập.

VẬN DỤNG

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn qua hoạt động xây dựng dự án, bài viết ngắn, giải quyết tình huống,...

GHI NHỚ

Là những nội dung khái quát mà học sinh cần nhớ sau mỗi bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Cuốn sách ***Giáo dục kinh tế và pháp luật 11*** được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo là sách giáo khoa dành cho hoạt động giáo dục bắt buộc trong nhà trường.

Sách ***Giáo dục kinh tế và pháp luật 11*** được thiết kế xoay quanh hai mạch nội dung chính: giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật. Sách bao gồm chín chủ đề được quy định trong chương trình môn học. Từ đó, giúp các em có cơ hội trải nghiệm và vận dụng kiến thức đã học để phân tích, đánh giá các hiện tượng, xử lí các vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống và định hướng lựa chọn ngành nghề sau Trung học phổ thông có liên quan đến lĩnh vực kinh tế, pháp luật.

Sách ***Giáo dục kinh tế và pháp luật 11***, bộ sách *Chân trời sáng tạo* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam được thiết kế phù hợp với tâm lí lứa tuổi học sinh. Nội dung bài học được hệ thống hoá một cách khoa học với những thông tin, trường hợp, tình huống minh hoạ sinh động, gần gũi. Phương pháp giáo dục, dạy học và phương pháp kiểm tra, đánh giá môn học được gợi mở trong từng bài, từng hoạt động.

Để giúp các em có thể chủ động tìm tòi, khám phá những kiến thức này, mỗi bài học cấu trúc thành bốn hoạt động ***Mở đầu***, ***Khám phá***, ***Luyện tập*** và ***Vận dụng***. Bên cạnh đó, sách còn trang bị thêm phần giải thích thuật ngữ, hỗ trợ các em trong việc tìm hiểu sâu hơn những khái niệm có liên quan trong các bài học.

Mong rằng sách giáo khoa ***Giáo dục kinh tế và pháp luật 11*** sẽ là người bạn đắc lực, đồng hành cùng các em trên hành trình trở thành những công dân có đủ trí tuệ, năng lực để tham gia những hoạt động kinh tế – xã hội phù hợp với lứa tuổi, góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Chúc các em học tập hiệu quả.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH 2
LỜI NÓI ĐẦU 3
PHẦN MỘT: GIÁO DỤC KINH TẾ 5
CHỦ ĐỀ 1: CẠNH TRANH, CUNG, CẦU TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 6
Bài 1: Cạnh tranh trong kinh tế thị trường 6
Bài 2: Cung – cầu trong kinh tế thị trường 12
CHỦ ĐỀ 2: LẠM PHÁT, THẤT NGHIỆP 19
Bài 3: Lạm phát trong kinh tế thị trường 19
Bài 4: Thất nghiệp trong kinh tế thị trường 26
CHỦ ĐỀ 3: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM 34
Bài 5: Thị trường lao động, việc làm 34
CHỦ ĐỀ 4: Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH 43
Bài 6: Ý tưởng và cơ hội kinh doanh 43
Bài 7: Năng lực cần thiết của người kinh doanh 50
CHỦ ĐỀ 5: ĐẠO ĐỨC KINH DOANH 54
Bài 8: Đạo đức kinh doanh 54
CHỦ ĐỀ 6: VĂN HOÁ TIÊU DÙNG 60
Bài 9: Văn hoá tiêu dùng 60
PHẦN HAI: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT 69
CHỦ ĐỀ 7: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN 70
Bài 10: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật 70
Bài 11: Bình đẳng giới 78
Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo 89
CHỦ ĐỀ 8: MỘT SỐ QUYỀN DÂN CHỦ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN 97
Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội 97
Bài 14: Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử 103
Bài 15: Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo 111
Bài 16: Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc 120
CHỦ ĐỀ 9: MỘT SỐ QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN 127
Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm 127
Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở 135
Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín 141
Bài 20: Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin 147
Bài 21: Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo 155
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ 161

PHẦN MỘT

GIÁO DỤC KINH TẾ

Chân trời sáng tạo

CHỦ ĐỀ 1: CẠNH TRANH, CUNG, CẦU TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

BÀI 1 CẠNH TRANH TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được khái niệm cạnh tranh.
– Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.
– Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.
– Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.

MỞ ĐẦU

Khi tham gia vào nền kinh tế, các chủ thể kinh tế vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với nhau. Kinh tế thị trường càng phát triển thì cạnh tranh càng quyết liệt. Cạnh tranh giữ vai trò là động lực trong nền kinh tế.

▶ ***Em hãy chia sẻ về một trường hợp ganh đua giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường và nêu nhận xét của bản thân***

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm cạnh tranh

▶ ***Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi***

C và P là hai doanh nghiệp sản xuất nước ngọt có gas. Vừa qua, doanh nghiệp C cho ra đời sản phẩm với hương vị mới. Ngay sau đó, doanh nghiệp P cũng sản xuất sản phẩm tương tự. Hai doanh nghiệp này còn ganh đua cả về thiết kế kiểu dáng, chiến lược quảng cáo,... nhằm tranh giành khách hàng.

– Việc ganh đua giữa doanh nghiệp C và P thể hiện như thế nào và nhằm mục đích gì?
– Em hiểu thế nào là cạnh tranh trong nền kinh tế?

2. Nguyên nhân dẫn tới cạnh tranh

▶ ***Em hãy đọc trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp 1

Thời điểm cuối năm, các doanh nghiệp phân phối ô tô đưa ra các ưu đãi nhằm kích cầu tiêu dùng, gia tăng cạnh tranh. Doanh nghiệp P giảm 50% lệ phí trước bạ đối với các mẫu xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định 103/2021/NĐ-CP, khách hàng còn có cơ hội để sở hữu các mẫu xe nhập khẩu với mức ưu đãi giảm tới 40 triệu đồng. Không kém cạnh, doanh nghiệp T có ưu đãi 100% lệ phí trước bạ với khách hàng mua các dòng xe nhập khẩu và áp dụng mức ưu đãi 20 triệu đồng cho tất cả các phiên bản của mẫu xe nhập khẩu. Các doanh nghiệp đưa ra những chương trình ưu đãi, giảm giá để tăng doanh số mùa bán hàng cuối năm.

Trường hợp 2

Công ty A và B là hai đơn vị kinh tế lớn sản xuất và cung ứng sữa tươi. Ra đời từ lâu, Công ty A xây dựng các trang trại bò sữa theo tiêu chuẩn hiện đại nhất và chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Không hề kém cạnh, dù có mặt trên thị trường, Công ty B cũng đã ứng dụng quy trình sản xuất sữa tươi khép kín từ khâu nhập giống, nuôi dưỡng đến phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng. Sự khác biệt về điều kiện sản xuất khiến cuộc cạnh tranh của hai công ty này thêm gay cấn.

Em hãy nêu nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong trường hợp trên. Ngoài ra, còn nguyên nhân nào khác dẫn đến cạnh tranh mà em biết?

3. Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế

a. Đối với người sản xuất

▶ ***Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Để cạnh tranh giành thị phần dệt may trên thị trường, doanh nghiệp P đưa ra các biện pháp chủ động, nâng cao năng lực sản xuất và trình độ tay nghề; chuyển hướng sản xuất từ hình thức nhận gia công sang hình thức tự chủ nguồn nguyên liệu, tự thiết kế và hoàn thành sản phẩm. Nhờ sự nỗ lực không ngừng đổi mới, doanh nghiệp P đã nâng cao năng suất, chất lượng, đa dạng hoá các sản phẩm để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và tăng sức cạnh tranh trên thị trường dệt may.

– Em hãy cho biết những biện pháp mà doanh nghiệp P thực hiện nhằm mục đích gì?

– Theo em, cạnh tranh có vai trò như thế nào đối với người sản xuất?

b. Đối với người tiêu dùng

▶ ***Em hãy đọc trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Để thu hút khách hàng, ngân hàng D đã phát triển nhiều sản phẩm với chương trình khuyến mãi đa dạng đi kèm để tăng tính cạnh tranh. Nhờ đó, khách hàng nhận được những dịch vụ ngày càng phong phú và chất lượng như: kết nối thanh toán trực tuyến các ví điện tử; chuyển tiền liên ngân hàng 24/7; mua vé máy bay; đóng tiền điện, nước, học phí;...

– Em hãy chỉ ra những lợi ích mà khách hàng được hưởng trong trường hợp trên.
– Em hãy cho biết vai trò của cạnh tranh đối với người tiêu dùng.

c. Đối với nền kinh tế

▶ ***Em hãy đọc các thông tin sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan và của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), xét theo kim ngạch xuất khẩu, kể từ năm 2001, Việt Nam là một trong số ba nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới. Trong năm 2020, sản lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam chiếm 12,75% thị phần xuất khẩu gạo thế giới, đứng sau Ấn Độ (35,61%) và Thái Lan (15,1%). Việt Nam đã mở rộng, đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, đã và đang giúp gạo Việt Nam được biết đến nhiều hơn, góp phần gia tăng giá trị cho gạo Việt Nam.

(Theo Tạp chí Tài chính, kì 2, *Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu gạo Việt Nam*, 6 – 2022)

– Em hãy cho biết, việc xuất khẩu gạo sang các nước trên thế giới đã đem lại những lợi ích gì cho nền kinh tế nước ta?
– Theo em, cạnh tranh có vai trò như thế nào đối với nền kinh tế?

4. Cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp, thông tin sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp 1

Trên thị trường cung ứng trứng gà tươi, các công ty cạnh tranh bằng chính tiềm năng và thực lực để thu hút khách hàng sử dụng sản phẩm của mình. Công ty H đã thực hiện hoàn chỉnh chuỗi an toàn vệ sinh thực phẩm từ trang trại đến bàn ăn với các trang trại nuôi gà công nghệ cao và xây dựng nhà máy xử lí trứng. Công ty D thực

hiện mô hình khép kín từ nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại chỗ và một nhà máy chế biến thực phẩm. Công ty P liên kết kí hợp đồng và chuyển giao công nghệ nuôi gà lấy trứng cho các hộ nông dân. Các công ty không làm trái những quy định của pháp luật khi kinh doanh.

Trường hợp 2

Doanh nghiệp D và Q đều sản xuất điện thoại thông minh. Để lôi kéo khách hàng về phía mình nhằm thu được nhiều lợi nhuận, doanh nghiệp D đã đưa những thông tin sai, xuyên tạc sự thật về chất lượng hàng hoá của doanh nghiệp Q.

Trường hợp 3

Hai công ty T và P chuyên về sản xuất máy lọc nước. Trong quá trình kinh doanh, hai công ty này đang cạnh tranh nhằm giành thị phần. Gần đây, Công ty P vừa ra mắt một loạt ấn phẩm quảng cáo cố ý đưa những thông tin so sánh với sản phẩm Công ty T theo hướng có lợi cho doanh nghiệp của mình cho khách hàng.

– *Em hãy nêu biểu hiện của cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh trong các trường hợp trên.*

– *Em hiểu thế nào là cạnh tranh không lành mạnh? Hãy nêu các biểu hiện khác của cạnh tranh không lành mạnh mà em biết.*

– Khái niệm cạnh tranh: Cạnh tranh là sự ganh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm giành lấy những điều kiện thuận lợi trong sản xuất hay lưu thông hàng hoá, dịch vụ để thu được nhiều lợi ích nhất cho mình.

– Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh: Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do trong sản xuất, kinh doanh; có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

– Vai trò của cạnh tranh:

+ Đối với người sản xuất: Cạnh tranh thúc đẩy người sản xuất đưa ra các biện pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

+ Đối với người tiêu dùng: Cạnh tranh tạo điều kiện cho người tiêu dùng thoả mãn nhu cầu của mình.

+ Đối với nền kinh tế: Cạnh tranh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và khai thác tối đa mọi nguồn lực của quốc gia.

– Cạnh tranh không lành mạnh là hành vi của doanh nghiệp trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác trong kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác.

– Một số biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh:

+ Xâm phạm thông tin, bí mật trong kinh doanh;

+ Cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác;

+ Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác;

+ Lôi kéo khách hàng một cách bất chính.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Bên cạnh sự hợp tác, các chủ thể sản xuất phải cạnh tranh với nhau khi tham gia vào thị trường.

b. Do điều kiện sản xuất và lợi ích giống nhau nên các chủ thể kinh tế cạnh tranh với nhau.

c. Cạnh tranh là hoạt động nhằm tranh giành thị trường, lôi kéo khách hàng về phía mình của các chủ thể kinh tế, do đó, cạnh tranh chỉ diễn ra trong cơ chế thị trường.

2. Em có nhận xét gì về hành vi của chủ thể kinh tế trong các trường hợp sau:

a. Để cạnh tranh với các nhà sản xuất cung ứng sản phẩm kẹo dừa, doanh nghiệp H đã áp dụng công nghệ, đầu tư máy móc hiện đại, tìm tòi và đưa ra các sản phẩm mới, chưa có trên thị trường.

b. Anh T là kĩ sư làm việc cho doanh nghiệp A chuyên sản xuất nước uống đóng chai. Biết anh T nắm giữ quy trình sản xuất của doanh nghiệp A, doanh nghiệp B đã tìm mọi cách để mời anh T về làm việc và hứa sẽ trả một số tiền lớn nếu anh chia sẻ quy trình sản xuất của doanh nghiệp A cho họ.

c. Ngành Hàng không đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ khi xuất hiện ngày càng nhiều hãng hàng không và sự cạnh tranh diễn ra ngày càng khốc liệt. Nếu hãng Q hướng đến phân khúc khách hàng cao cấp, lấy chất lượng dịch vụ làm điểm mạnh thì hãng G hướng đến tiêu chí cạnh tranh về giá, phù hợp với nhu cầu và khả năng thanh toán của khách hàng.

3. Từ thông tin dưới đây, em hãy phân tích vai trò của cạnh tranh đối với các chủ thể kinh tế

Để giành thị phần khách hàng, ba doanh nghiệp viễn thông đều đưa ra gói cước tương ứng với nhiều ưu đãi, thu hút được lượng người dùng lớn. Nhờ đó, đã đem lại nhiều quyền lợi cho người tiêu dùng. Bên cạnh đó, ba doanh nghiệp viễn thông này còn tập trung triển khai hạ tầng, nâng cao chất lượng mạng lưới, áp dụng công nghệ tự động kiểm soát nhằm xây dựng vị thế tốt hơn trên thị trường cũng như có thể cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

4. Gia đình ông H có cửa hàng bán bánh ngọt ở thị trấn. Vừa qua, trên mạng Internet xuất hiện thông tin cửa hàng nhà ông sử dụng phụ gia không rõ nguồn gốc. Ông H cho biết, cả thị trấn chỉ có ba cửa hàng làm bánh ngọt, đối thủ tung tin như vậy để khách hàng quay lưng với cửa hàng.

– Em có nhận xét gì về hành vi cạnh tranh trong trường hợp trên?
– Theo em, gia đình ông H cần làm gì để bảo vệ quyền lợi của mình?

VẬN DỤNG

Em hãy cùng các bạn trong nhóm xây dựng một tiểu phẩm phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường

Chân trời sáng tạo

BÀI 2

CUNG – CẦU TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung.
– Nêu được khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu.
– Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế.
– Phân tích được quan hệ cung – cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.

MỞ ĐẦU

Quan hệ cung – cầu phản ánh sự tác động qua lại giữa phía cung – người sản xuất, kinh doanh và phía cầu – người tiêu dùng. Cung – cầu có mối quan hệ với nhau và ảnh hưởng đến giá cả hàng hoá. Hiểu được mối quan hệ cung – cầu và vai trò của nó trong nền kinh tế sẽ giúp các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định đúng đắn trong quá trình sản xuất, tiêu dùng.

▶ ***Em hãy đọc thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi***

Thông thường, những phiên chợ quê chỉ họp vào buổi sáng hoặc theo phiên. Nhưng vào dịp Tết, đặc biệt từ ngày 23 tháng Chạp trở đi, do nhu cầu mua sắm tăng cao nên chợ có thể họp cả ngày. Nhiều mặt hàng nông sản của bà con từ vườn nhà hoặc từ các chợ đầu mối đổ về như: gạo nếp, lá dong, dưa hành, những nải chuối, buồng cau,... tất cả đều làm cho chợ quê ngày Tết thêm phong phú. Phần lớn các sản phẩm đều do người dân tự làm ra, mang đi bán để nâng cao thu nhập. Những đôi quang gánh nhiều khi chỉ vài củ su hào, rau mùi thơm hay những quả bưởi,... đều được người nông dân mang ra chợ, giá rẻ hơn so với thành thị.

(Theo Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chợ quê – Nét văn hoá truyền thống dịp Tết đến, Xuân về*, ngày 04 – 2 – 2022)

Em có nhận xét gì về số lượng hàng hoá, dịch vụ được cung ứng và nhu cầu mua sắm của người dân vào dịp Tết?

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung

a. Cung trong nền kinh tế

▶ ***Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Vào tết Trung thu, Công ty bánh kẹo H sản xuất số lượng lớn bánh trung thu với nhiều chủng loại, hương vị khác nhau sẵn sàng cung ứng trên thị trường. Dòng sản phẩm bánh trung thu truyền thống được công ty sản xuất hơn 2 000 chiếc, có giá dao động từ 40 000 – 120 000/chiếc. Bên cạnh đó, công ty còn sản xuất 500 chiếc thuộc dòng bánh trung thu cao cấp với giá dao động từ 200 000 – 650 000/chiếc, có mẫu mã đa dạng để khách hàng lựa chọn mua dùng hoặc mang biếu người thân, bạn bè.

?

– *Công ty bánh kẹo H đưa ra thị trường các sản phẩm với số lượng và giá cả như thế nào để đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng vào dịp tết Trung thu?*

– *Em hiểu thế nào là cung?*

b. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp, thông tin sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp 1

Doanh nghiệp T chuyên sản xuất, kinh doanh những thực phẩm chế biến từ thịt lợn. Gần đây, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp gặp khó khăn do giá của các yếu tố đầu vào (con giống, cám,...) tăng khiến chi phí sản xuất và giá bán sản phẩm bị đẩy lên cao. Số lượng các đơn đặt hàng cũng giảm sút do thị trường xuất hiện nhiều nhà cung ứng sản phẩm cùng loại.

Trường hợp 2

Các công ty thuỷ sản ở tỉnh P đã ứng dụng công nghệ trong sản xuất và cung ứng nhiều loại con giống có giá trị kinh tế cao, phục vụ sản xuất trên địa bàn như: cá bống, cá lăng chấm, cá nheo, cá tầm,... Từ đó, đã góp phần nâng cao năng suất và thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hoá thuỷ sản tập trung, quy mô lớn.

THÔNG TIN

Trước tình hình biến động của giá dầu thế giới tăng cao, Chính phủ đã thực hiện chính sách giảm mức thuế bảo vệ môi trường đối với các mặt hàng xăng, dầu. Điều đó sẽ góp phần giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, giúp các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh tăng lượng cung.

– Em hãy xác định các nhân tố ảnh hưởng đến cung trong các thông tin, trường hợp trên.

– Theo em, cung hàng hoá trên thị trường còn chịu ảnh hưởng bởi những nhân tố nào khác?

2. Khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu

a. Cầu trong nền kinh tế

▶ ***Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Kì nghỉ hè năm nay, gia đình anh T muốn đi du lịch biển. Anh đã tìm hiểu các chuyến du lịch với các mức giá khác nhau. Dựa vào nguồn tài chính của gia đình, anh thấy có khả năng và sẵn sàng thanh toán cho chuyến du lịch trọn gói ở Phú Quốc.

– Theo em, việc anh T tìm hiểu các chuyến du lịch với mức giá khác nhau có ý nghĩa như thế nào? Khi anh T sẵn sàng thanh toán cho chuyến du lịch ở Phú Quốc có được gọi là cầu không?

– Em hiểu thế nào là cầu?

b. Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp 1

Tại các thành phố lớn, khách hàng dưới 35 tuổi có nhu cầu mua nhà ngày càng tăng. Tuy nhiên, để mua được một căn nhà là điều không dễ dàng vì giá nhà cao so với thu nhập của khách hàng. Ngoài ra, quỹ đất dùng cho nhà ở xã hội và số lượng các căn hộ hạn chế trong khi dân số luôn gia tăng ở các thành phố lớn khiến cho cơ hội mua được nhà càng khó khăn hơn.

Trường hợp 2

Chất lượng cuộc sống càng cao thì nhu cầu về an toàn trong chế độ ăn uống càng được quan tâm. Hiện nay, việc lựa chọn thực phẩm an toàn được người tiêu dùng đặc biệt lưu ý. Người tiêu dùng đã tìm mua các sản phẩm rau hữu cơ, rau thuỷ canh phù hợp với túi tiền. Nắm bắt thị hiếu đó, các cửa hàng rau sạch, an toàn xuất hiện ngày càng nhiều.

– *Em hãy xác định các nhân tố ảnh hưởng đến cầu trong các trường hợp trên.*

– *Em hãy nêu một số nhân tố khác ảnh hưởng đến cầu mà em biết.*

3. Mối quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế

▶ ***Em hãy quan sát bảng, biểu đồ, đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Giá cà phê (USD/tấn)	Lượng cung (tấn)	Lượng cầu (tấn)
60	14	22
80	16	20
100	18	18

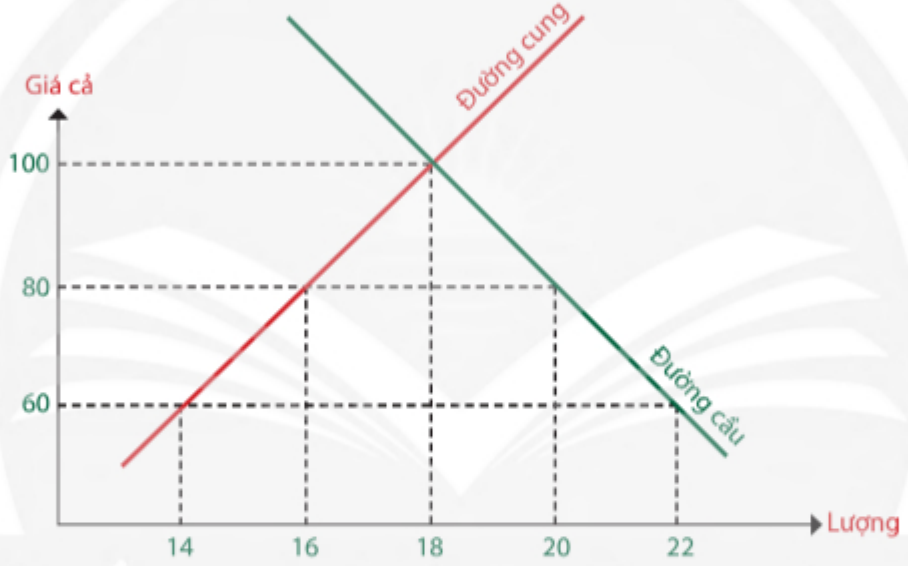

Biểu đồ thể hiện ảnh hưởng của giá cả đến cung – cầu của mặt hàng cà phê trên thị trường A

THÔNG TIN 1

Trước thềm năm học mới, tại các cửa hàng, nhà sách và siêu thị trên địa bàn thành phố H, không khí mua sắm sách vở cũng như dụng cụ học tập cho học sinh trở nên nhộn nhịp. Để đáp ứng nhu cầu mua sắm của khách hàng, các cửa hàng đã nhập số lượng lớn đồ dùng học tập với nhiều chủng loại, kiểu dáng phong phú, đa dạng.

THÔNG TIN 2

Nhiều doanh nghiệp xuất khẩu gỗ, sản xuất thép,... gặp nhiều khó khăn do sức mua ở các thị trường xuất khẩu như: EU, Nhật Bản, Trung Quốc,... giảm mạnh. Do đó, các doanh nghiệp phải tiến hành những

biện pháp giảm thiểu khắc phục như: giảm quy mô sản xuất, chuyển đổi mặt hàng, chuyển đổi thị trường,...

Trường hợp

Quốc gia T xuất khẩu cà phê đứng đầu thế giới. Do đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào sản xuất nên sản lượng cà phê của quốc gia này tăng lên. Trong khi đó, một số đối tác nhập khẩu vẫn còn lượng tồn kho đã khiến giá thu mua cà phê ở quốc gia này giảm mạnh.

– Từ bảng, biểu đồ, em hãy cho biết giá cả ảnh hưởng như thế nào đến cung – cầu

– Khi cầu tăng hoặc giảm thì cung thay đổi như thế nào trong các thông tin trên?

– Khi cung – cầu thay đổi sẽ tác động đến giá cả như thế nào trong các trường hợp trên?

4. Vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Trường hợp 1

Khi hàng xuất khẩu sang thị trường châu Âu và Mỹ giảm mạnh, doanh nghiệp dệt may P quyết định chỉ sản xuất các đơn hàng đã được kí kết từ trước. Dù đã tìm nhiều biện pháp nhưng doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất và cắt giảm nhân công.

Trường hợp 2

Nhận thấy mặt hàng sữa bột quen dùng tăng giá so với trước đây, chị H cân nhắc và quyết định lựa chọn sản phẩm sữa khác có giá thấp hơn, thắt chặt chi tiêu để cân đối tài chính trong gia đình.

– Doanh nghiệp dệt may P và chị H đã làm gì trước biến động của quan hệ cung – cầu?

– Theo em, quan hệ cung – cầu có vai trò như thế nào đối với người sản xuất và người tiêu dùng?

– Khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung:

+ Cung là số lượng hàng hoá, dịch vụ mà người bán có khả năng và sẵn sàng bán ở các mức giá khác nhau trong một thời kì nhất định.

+ Các nhân tố ảnh hưởng đến cung: công nghệ, giá của các yếu tố sản xuất đầu vào, chính sách của Nhà nước,...

– Khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu:

+ Cầu là số lượng hàng hoá, dịch vụ mà người mua có khả năng và sẵn sàng mua ở các mức giá khác nhau trong một thời kì nhất định.

+ Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu: thu nhập của người tiêu dùng, giá của các mặt hàng liên quan, dân số, thị hiếu,...

– Quan hệ cung – cầu:

+ Cung – cầu tác động lẫn nhau: Khi cầu tăng, sản xuất mở rộng, lượng cung tăng; khi cầu giảm, sản xuất thu hẹp, lượng cung giảm.

+ Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả: Khi cung lớn hơn cầu, giá cả giảm; khi cung nhỏ hơn cầu, giá cả tăng; khi cung bằng cầu, giá cả ổn định.

+ Giá cả ảnh hưởng đến cung – cầu:

- Về phía cung, khi giá cả tăng lên trong khi giá cả của các yếu tố sản xuất đầu vào không tăng, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, lượng cung tăng lên và ngược lại.
- Về phía cầu, khi giá cả giảm xuống trong khi giá cả của các yếu tố sản xuất đầu vào không tăng, cầu có xu hướng tăng lên và ngược lại.

– Vai trò của quan hệ cung – cầu:

+ Người sản xuất đưa ra quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.

+ Người tiêu dùng lựa chọn mua hàng hoá phù hợp với nhu cầu và đem lại hiệu quả kinh tế.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Cầu là nhu cầu mà người tiêu dùng cần mua hàng hoá, dịch vụ trong một thời kì nhất định.

b. Công nghệ càng tiến bộ sẽ dẫn đến sản xuất hàng hoá giảm và lượng cung cũng giảm.

c. Quy mô dân cư càng lớn thì lượng cầu hàng hoá tăng và ngược lại.

d. Khi hàng hoá sản xuất ra đáp ứng được các đòi hỏi về sở thích, tâm lí, thị hiếu của người tiêu dùng thì cầu hàng hoá sẽ giảm xuống và ngược lại.

e. Giá của các yếu tố sản xuất giảm sẽ dẫn tới giá thành sản phẩm giảm và nhà sản xuất sẽ mở rộng sản xuất nhiều hơn.

2. Em hãy phân tích quan hệ cung – cầu trên thị trường trong các thông tin sau:

a. Khi thấy giá mua giảm, nhiều hộ trồng hồ tiêu đã chặt bỏ một phần diện tích và chuyển sang trồng các loại cây ăn trái khác như sầu riêng, bơ, nhãn,…

b. Các trang bán hàng trực tuyến xuất hiện ngày càng nhiều khi nhu cầu mua hàng của người tiêu dùng tăng cao.

c. Giá tôm tăng khi sản lượng thu hoạch sụt giảm làm nguồn cung khan hiếm.

3. Em hãy cho biết các nhân tố ảnh hưởng đến cung và cầu trong các trường hợp sau:

a. Địa phương T đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như phát triển các sản phẩm rau, quả theo tiêu chuẩn VietGAP, mô hình nuôi cá nước ngọt bằng lồng bè,… mang lại năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.

b. Thời gian qua, giá nguyên liệu giấy tái chế tăng cao khiến doanh nghiệp sản xuất giấy và bao bì H gặp khó khăn. Doanh nghiệp phải tự bù lỗ, vừa lo thiếu vốn để dự trữ nguyên liệu, vừa lo đơn hàng xuất khẩu giảm nếu nâng giá để bù đắp chi phí…

c. Hiện nay, chị Q quan tâm lựa chọn sản phẩm an toàn, tốt cho sức khoẻ. Chị Q đã tìm mua các sản phẩm dầu gội đầu, sữa tắm có nguồn gốc tự nhiên để sử dụng.

d. Sau khi tính toán thu nhập và cân đối nguồn tài chính của gia đình, anh P quyết định mua xe ô tô của hãng D để thuận tiện cho việc kinh doanh và đi lại.

4. Từ các trường hợp sau, em hãy phân tích vai trò của quan hệ cung – cầu

a. Trong những năm qua, nhiều thị trường xuất khẩu lớn đều hạn chế hoặc cấm sử dụng sản phẩm túi nhựa dùng một lần. Trước tình hình đó, doanh nghiệp nhựa M chuyển sang tập trung sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng như tấm, phiến, màng nhựa; sản phẩm nhựa gia dụng; vải bạt.

b. Mỗi khi đến dịp lễ 20 – 10, nhu cầu mua hoa tươi cao khiến giá mặt hàng này tăng. Anh G quyết định chuyển sang mua nến thơm- món quà vừa có ý nghĩa, vừa thiết thực.

VẬN DỤNG

Hãy lựa chọn một loại hàng hoá thiết yếu mà em và gia đình thường dùng hằng ngày và phân tích mối quan hệ cung – cầu của mặt hàng đó.

CHỦ ĐỀ 2: LẠM PHÁT, THẤT NGHIỆP

BÀI 3

LẠM PHÁT TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được khái niệm lạm phát.

– Liệt kê được các loại hình lạm phát.

– Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát.

– Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội.

– Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát.

– Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát.

MỞ ĐẦU

Lạm phát là một hiện tượng gắn với kinh tế thị trường, gây tác động nhiều mặt đối với nền kinh tế và xã hội. Khi lạm phát được kiểm soát và kiềm chế sẽ giúp phục hồi, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội. Công dân ủng hộ những chủ trương, chính sách của Nhà nước trong kiểm soát và kiềm chế lạm phát là góp phần vào sự phát triển kinh tế và xã hội.

▶ ***Hãy cho biết khi giá cả hàng hoá và dịch vụ tăng lên liên tục trong một khoảng thời gian nhất định sẽ ảnh hưởng như thế nào đến đời sống kinh tế của gia đình em***

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm lạm phát

▶ ***Em hãy quan sát biểu đồ sau, đọc các thông tin và trả lời câu hỏi***

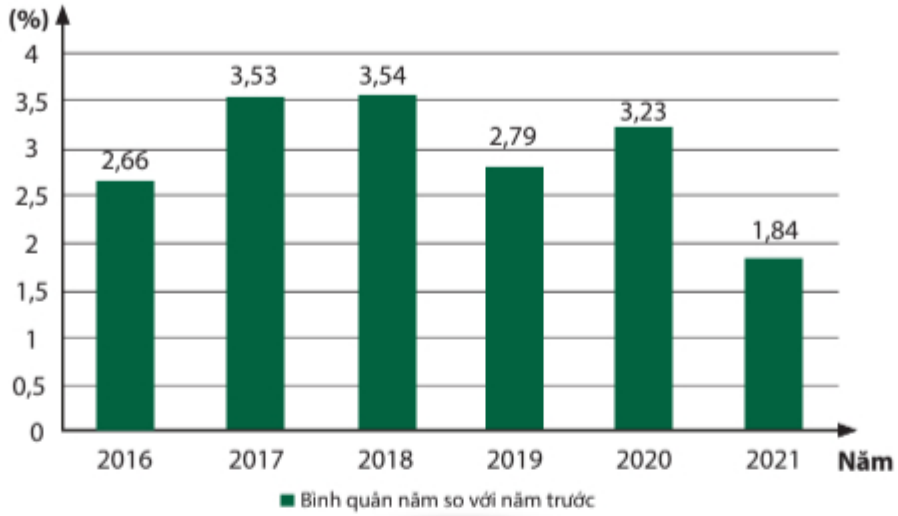

Tốc độ tăng CPI của các năm giai đoạn từ năm 2016 – 2021

(Theo Tổng cục Thống kê, *Kiểm soát lạm phát – Thành công của năm 2021 và áp lực trong năm 2022*, ngày 05 – 1 – 2022)

THÔNG TIN 1

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) là chỉ tiêu tương đối (tính bằng %) phản ánh xu hướng và mức độ biến động giá cả chung theo thời gian của các loại hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng hằng ngày của người dân. CPI bình quân Quý III/2022 tăng 3,32% so với Quý III/2021. Bình quân 9 tháng năm nay, CPI tăng 2,73% so với cùng kì năm trước; lạm phát cơ bản tăng 1,88%.

(Theo Tổng cục Thống kê, *Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9 năm 2022*, ngày 29 – 9 – 2022)

THÔNG TIN 2

Trong bối cảnh đồng tiền nhiều nước mất giá rất mạnh so với đồng USD, thì đồng tiền Việt Nam (VND) vẫn thuộc nhóm ít mất giá nhất so với khu vực và thế giới. Nếu phá giá đồng tiền Việt Nam sẽ để lại hậu quả lớn. Đó là lạm phát cơ bản tăng lên, suy giảm lòng tin vào VND, mọi người sẽ mua hàng, vàng, ngoại tệ,... Khi đó, giá đầu vào nguyên vật liệu tăng lên, khấu hao tăng, giá thành tăng, mọi thứ tăng tạo vòng xoáy lạm phát ngày càng lớn theo thời gian, bào mòn mọi thành quả tăng trưởng của nền kinh tế.

(Theo Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, *Đồng tiền Việt Nam vẫn thuộc nhóm ít mất giá nhất so với khu vực và thế giới*, ngày 22 – 9 – 2022)

?

– *Em có nhận xét gì về sự biến động của chỉ số CPI trong biểu đồ trên?*

– *Giá cả hàng hoá, dịch vụ, sức mua và giá trị đồng tiền thay đổi như thế nào trong các thông tin trên?*

– *Em hiểu thế nào là lạm phát?*

2. Các loại hình lạm phát

▶ ***Em hãy đọc thông tin, trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN 1

CPI trong tháng 3 – 2022 mới chỉ tăng 2,41%. Đây là mức tăng thấp, nếu so với mức trung bình của giai đoạn 2016 – 2021 là 2,93%. Lạm phát cơ bản tháng 3 – 2022 so với cùng kì năm 2021 cũng chỉ ở mức 1,09%, là mức thấp kể từ năm 2016 đến nay.

(Trích Tạp chí Tài chính, *Áp lực lạm phát trong năm 2022 tại Việt Nam*, Kì 1, tháng 4, 2022)

THÔNG TIN 2

Về chống lạm phát, có nhiều ý kiến đưa ra để Chính phủ xem xét, áp dụng. Về phía Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ quy định nghiêm ngặt Ngân hàng chỉ được nhận tiền mặt và cho vay, tài chính chỉ thu mà chi, không in thêm tiền. Sau một thời gian, các chính sách kinh tế và tiền tệ của Chính phủ đã phát huy hiệu quả, đặc biệt là giảm lạm phát, từ chỗ lạm phát ba con số: 774% năm 1986, giảm xuống còn hai con số: 34% năm 1989; đến năm 1992 chỉ còn 14%.

(Trích Nguyễn Xuân Phúc, *Đồng chí Đỗ Mười – Nhà lãnh đạo tài năng, Tổng Bí thư kiên định, sáng tạo trong sự nghiệp Đổi mới*, Báo Chính phủ, ngày 06 – 10 – 2018)

THÔNG TIN 3

Vào tháng 11 – 2021, Venezuela đánh dấu tròn năm thứ tư trải qua siêu lạm phát. Trong ba năm trước đó, tốc độ siêu lạm phát được ghi nhận ở quốc gia Nam Mỹ là 2 600% (năm 2017), 1 600 000% (2018), 7 300% (2019) và 3 700% (2020).

(Theo Cổng thông tin điện tử Bộ Ngoại giao, *Năm thứ tư siêu lạm phát ở Venezuela*, ngày 23 – 11 – 2021)

Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, em hãy kể ra các loại hình lạm phát được đề cập trong các thông tin trên.

3. Các nguyên nhân dẫn đến lạm phát

▶ ***Em hãy đọc các thông tin sau và giải thích nguyên nhân dẫn đến lạm phát***

THÔNG TIN 1

Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn và ngày càng có quan hệ sâu rộng với các nền kinh tế trên thế giới nên biến động giá cả hàng hoá trên thế giới có tác động nhất định đến giá cả và lạm phát trong nước, tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào tổng cầu của bên ngoài. Trong ba tháng cuối năm 2022, kinh tế trong nước có khả năng phục hồi mạnh mẽ hơn, áp lực lạm phát sẽ tiếp tục xu hướng tăng dần khi giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào trên thế giới và giá sản xuất trong nước đang ngày càng tăng cao.

(Trích Tổng Cục Thống kê, *Diễn biến của thế giới tạo áp lực rất lớn đối với kinh tế Việt Nam*, ngày 29 – 9 – 2022)

THÔNG TIN 2

Khi mất cân đối giữa tốc độ tăng cung tiền và tốc độ tăng trưởng GDP lớn thì sức ép lạm phát bắt đầu xuất hiện. Ví dụ, trong hai năm 2005 và 2006, GDP của Việt Nam tăng trưởng 17%, trong khi đó, tiền mặt trong lưu thông và tiền gửi trong ngân hàng tăng tới 73%.

(Theo Tạp chí Tài chính, *Cung tiền, lạm phát và những tác động đến kinh tế vĩ mô*, ngày 02 – 2 – 2014)

4. Hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội

▶ ***Em hãy đọc các thông tin sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN 1

Từ đầu năm 2022 đến cuối tháng 6, giá xăng dầu được điều chỉnh tăng cao dần. Vận tải là ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ cơn "bão giá" xăng dầu. Một số hãng đã buộc phải tăng giá dịch vụ vận tải. Nghề đi biển, đánh bắt hải sản cũng là một trong những ngành, nghề chịu ảnh hưởng nặng nề không kém từ cơn "bão giá" xăng dầu, thậm chí không ít ngư dân đã phải cho tàu cá nằm bờ vì chi phí dầu lên quá cao. Cùng với đó, hàng loạt hệ thống dịch vụ ăn uống phải đóng cửa, hoặc thu hẹp hoạt động do chi phí đầu vào tăng mạnh, trong khi hoạt động kinh doanh trực tuyến bị ảnh hưởng nặng do giá chuyển hàng tăng cao.

(Theo Báo Chính phủ, *Lạm phát năm 2022: Sức ép lớn, nhưng vẫn trong tầm kiểm soát*, ngày 05 – 7 – 2022)

THÔNG TIN 2

Sau Đại hội VI của Đảng ta, công cuộc đổi mới được triển khai mạnh mẽ. Nhưng tình hình diễn biến phức tạp, có lúc khó khăn tưởng chừng khó vượt qua. Ba năm liền lạm pháp ở mức ba con số; đời sống của những người hưởng lương và trợ cấp xã hội giảm sút mạnh; nhiều xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp đình đốn, thua lỗ, sản xuất cầm chừng, thậm chí phải đóng cửa; hàng chục vạn công nhân buộc phải rời xí nghiệp; hàng vạn giáo viên phải bỏ nghề; những vụ đổ vỡ quỹ tín dụng xảy ra ở nhiều nơi.

(Theo Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, *Những thành tựu nổi bật của đất nước sau 10 năm Đổi mới*, ngày 02 – 12 – 2019)

?

– Khi lạm phát xảy ra đã tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh như thế nào?

– Đời sống người lao động bị ảnh hưởng như thế nào khi lạm phát tăng?

5. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát

▶ ***Em hãy đọc thông tin dưới đây và thực hiện yêu cầu***

Từ nay đến cuối năm 2022, Chính phủ kiên định mục tiêu ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Để đạt mục tiêu trên, Chính phủ đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp sau:

– Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng, chắc chắn, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với chính sách tài khoá và các chính sách khác.

– Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội, ba chương trình mục tiêu quốc gia.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương làm tốt công tác an sinh xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân.

(Trích *Nghị quyết số 126/NQ-CP*, ngày 27 – 9 – 2022)

– *Em hãy cho biết Nhà nước có vai trò gì trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát.*

– *Hãy nêu một số chính sách kiểm soát và kiềm chế lạm phát khác của Nhà nước mà em biết.*

– Lạm phát là sự tăng lên liên tục mức giá chung của nền kinh tế trong một thời gian nhất định làm giảm giá trị và sức mua của đồng tiền.

– Dựa vào tỉ lệ lạm phát, có các loại hình lạm phát sau:

+ Lạm phát vừa phải: dưới 10% (lạm phát 1 con số);

+ Lạm phát phi mã: từ 10% đến dưới 1 000% (lạm phát 2 hay 3 con số);

+ Siêu lạm phát: từ 1 000% trở lên (lạm phát từ 4 con số trở lên).

– Các nguyên nhân dẫn đến lạm phát:

+ Do nhu cầu thị trường tăng: nhu cầu tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ của thị trường gia tăng một cách nhanh chóng khiến giá cả các mặt hàng bị đẩy lên cao dẫn đến mức giá chung của hàng hoá, dịch vụ tăng lên, làm giảm sức mua của đồng tiền.

+ Do chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng: khi giá cả của một hoặc vài yếu tố sản xuất (tiền lương, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu,...) tăng sẽ làm tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng, đẩy giá thành sản phẩm tăng và kéo giá cả của hầu hết hàng hoá, dịch vụ khác tăng theo, làm giảm sức mua của đồng tiền.

+ Do cung lượng tiền lưu thông trong nước tăng: khi ngân hàng nhà nước mua ngoại tệ, mua công trái, phát hành tiền mới làm lượng cung tiền lưu thông vượt lượng cầu tiền lưu thông, mức giá chung tăng, sức mua của đồng tiền giảm.

– Hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội:

+ Đối với nền kinh tế: doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất – kinh doanh, giảm sản lượng, lãng phí các nguồn lực sản xuất, thất nghiệp gia tăng;

+ Đối với xã hội: thu nhập thực tế của người lao động giảm, đời sống khó khăn; phân hoá giàu nghèo trong xã hội tăng lên.

– Vai trò kiểm soát và kiềm chế lạm phát của Nhà nước được thể hiện qua:

+ Chính sách phát triển sản xuất, kinh doanh: giúp doanh nghiệp khôi phục sản xuất, tăng sản lượng đáp ứng nhu cầu tăng của thị trường;

+ Chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng: bảo đảm mức cung tiền tệ hợp lí, giảm lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất;

+ Thực hiện chính sách tài khoá thắt chặt: giảm thuế, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách nhà nước để giảm lượng tiền trong lưu thông và giúp doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất.

+ Tăng cường chính sách an sinh xã hội: hỗ trợ hộ nghèo, hỗ trợ tiền thuê nhà, mua bảo hiểm cho công nhân, giúp gảm bớt khó khăn trong cuộc sống.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Mức giá chung của nền kinh tế tăng lên và sự sụt giảm giá trị đồng tiền là biểu hiện tình hình lạm phát đang tăng.

b. Khi lượng cung tiền lưu thông vượt lượng cầu tiền lưu thông, mức giá chung tăng, sức mua đồng tiền giảm.

c. Nhà nước thực hiện chính sách tiền tệ qua việc giảm 2% thuế giá trị gia tăng nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp.

d. Tình trạng lạm phát trong nền kinh tế làm cho người giàu càng giàu hơn, còn người nghèo ngày càng nghèo hơn.

e. Tỉ lệ lạm phát 774% là loại hình siêu lạm phát.

2. Em hãy phân tích nguyên nhân gây ra lạm phát trong trường hợp sau:

Tại quốc gia T, nhu cầu du lịch vào dịp cuối năm rất lớn nên nhu cầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ và giá nguyên vật liệu đầu vào tăng dần. Đồng thời, do ảnh hưởng thị trường thế giới, giá xăng trong nước cũng được điều chỉnh tăng qua nhiều lần làm tăng chi phí sản xuất của các doanh nghiệp. Điều này làm cho giá cả hàng hoá, dịch vụ đồng loạt tăng cao, tạo sức ép lớn lên tỉ lệ lạm phát ở quốc gia này.

3. Em đánh giá như thế nào về chính sách hỗ trợ sản xuất – kinh doanh để kiểm soát, kiềm chế lạm phát của Nhà nước và có nhận xét gì về việc làm của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện D trong trường hợp sau:

Nhà nước thực hiện việc hỗ trợ thúc đẩy sản xuất – kinh doanh thông qua chính quyền địa phương. Huyện D nhận kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa, gặp khó khăn do giá xăng dầu tăng cao. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện đã nhanh chóng tổ chức tổ công tác khảo sát theo đúng quy trình và trao tận tay các doanh nghiệp gặp khó khăn số tiền 1,5 tỉ đồng giúp họ theo kịp vụ cá đầu năm.

4. Lạm phát tăng gây hậu quả gì cho doanh nghiệp và người lao động trong trường hợp sau:

Doanh nghiệp A chuyên cung ứng nguyên liệu đầu vào cho doanh nghiệp M trong nhiều năm qua. Gần đây, giá nguyên liệu đầu vào tăng cao do ảnh hưởng giá nhập khẩu tăng làm cho giá cả các hàng hoá, dịch vụ đồng loạt tăng theo tạo sức ép lên tình hình lạm phát trong nước. Lo ngại cho sự đình trệ sản xuất do thiếu nguyên liệu đầu vào, doanh nghiệp M thúc giục doanh nghiệp A nhanh chóng kí hợp đồng cung ứng nguyên liệu cho sáu tháng cuối năm. Nhưng doanh nghiệp A yêu cầu tăng giá lên 40% thì hợp đồng mới thực hiện được. Chủ doanh nghiệp M buồn bã, chia sẻ: "Chắc phải tạm ngưng sản xuất thôi".

VẬN DỤNG

Em hãy tìm hiểu các chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát và chia sẻ cùng các bạn

BÀI 4

THẤT NGHIỆP TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được khái niệm thất nghiệp.
– Liệt kê được các loại hình thất nghiệp.
– Giải thích được các nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp.
– Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.
– Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.
– Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.

MỞ ĐẦU

Thất nghiệp là hiện tượng gây ra hậu quả cho nền kinh tế và xã hội, cần sự kiểm soát, kiềm chế của Nhà nước. Nâng cao trình độ chuyên môn, nắm vững công nghệ hiện đại và hiểu biết chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp sẽ giúp người lao động tìm được việc làm phù hợp năng lực.

▶ *Hãy chia sẻ một số trường hợp người lao động không có việc làm, không có thu nhập mà em biết và cho biết nguyên nhân của tình trạng này*

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm và các loại hình thất nghiệp

▶ *Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu*

Trường hợp 1

Bà A đang trong độ tuổi lao động và có kinh nghiệm trong nghề may. Hai năm qua, bà xin nghỉ việc để điều trị bệnh. Hiện tại, bà đã khỏi bệnh và chưa tìm được việc làm. Trong khi chờ kiếm được việc làm mới, bà giúp con cái chăm sóc các cháu và làm việc nhà.

Trường hợp 2

Ông M là thợ xây dựng làm việc trong một công trình lớn. Hiện nay công trình đã hoàn thành, không còn việc để làm, ông phải nghỉ việc. Ông đi tìm việc làm ở công trình nơi khác. Nhưng trong ba tháng nay, ông vẫn chưa tìm được nơi làm mới.

Trường hợp 3

Gia đình anh Q vừa chuyển nhà lên Hà Nội. Vợ anh đã nhờ người quen xin vào làm công nhân ở một xưởng may gần nhà, kinh tế gia đình khá ổn. Còn anh Q thì tạm thời chưa có việc vì anh cần thêm thời gian tìm hiểu các thông tin tuyển dụng lao động để tìm việc làm hợp với năng lực chuyên môn và tiện đường đưa đón các con đi học.

– Em hãy nhận xét về khả năng tìm việc làm, lí do chưa tìm được việc làm của mỗi chủ thể trong các trường hợp trên.

– Hãy xác định các yếu tố thể hiện tình trạng thất nghiệp và nêu cách hiểu của em về khái niệm thất nghiệp.

– Căn cứ vào lí do chưa tìm được việc làm trong các trường hợp trên, em hãy xác định các biểu hiện của thất nghiệp và các loại hình thất nghiệp.

2. Các nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp

▶ ***Em hãy đọc các thông tin sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN 1

Kinh tế số, chuyển đổi số là xu hướng tất yếu của Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới trong bối cảnh hiện nay. Nhưng để phát triển được nền kinh tế số, Việt Nam phải vượt qua một số thách thức, trong đó có thách thức về nguồn nhân lực. Kinh tế số phát triển đòi hỏi phải có nguồn nhân lực số để triển khai, tổ chức thực hiện và vận hành nền kinh tế một cách hiệu quả. Sự phát triển của khoa học, công nghệ sẽ gây ra sự bất ổn thị trường lao động, làm gia tăng nỗi lo mất việc do tự động hoá, trình độ nguồn nhân lực còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách kinh tế nói chung và chuyển đổi số nói riêng.

(Theo Tạp chí Công Thương, *Giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh nền kinh tế số tại Việt Nam*, Số 8, tháng 4, 2022)

THÔNG TIN 2

Theo kết quả khảo sát từ Báo cáo đánh giá việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2020 của Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và cung ứng nhân lực, Bộ Giáo dục và Đào tạo, có khoảng 80 – 90% sinh viên tuỳ từng cơ sở đào tạo sau khi tốt nghiệp từ ba tháng đến một năm đã có việc làm. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp

đại học nhưng chưa có việc làm và đang tìm việc chiếm gần 20%. Theo khảo sát của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh, có đến 16% số doanh nghiệp tham gia khảo sát đánh giá chương trình đào tạo Đại học hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, sinh viên không có nhiều cơ hội đạt được các kĩ năng phù hợp để cạnh tranh trên thị trường lao động, 41,6% số doanh nghiệp đánh giá sinh viên tốt nghiệp đại học đang thiếu kĩ năng mềm. Đây chính là hạn chế lớn nhất của sinh viên, tác động đến cơ hội có được việc làm và việc làm chất lượng. Đối với bản thân sinh viên tìm việc, 15,2% doanh nghiệp tham gia khảo sát đánh giá sinh viên tốt nghiệp đại học không có định hướng nghề nghiệp và do đó không có đam mê, yêu thích công việc.

(Theo Tạp chí Công Thương, *Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng xin việc làm của sinh viên sau khi ra trường*, Số 8, tháng 4, 2022)

– Em hãy chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến tình trạng thất nghiệp trong thông tin trên.

– Em hãy cho biết còn có những nguyên nhân nào khác dẫn đến tình trạng thất nghiệp của người lao động hiện nay.

3. Hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội

▶ ***Em hãy đọc các thông tin sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN 1

Năm 2020, do dịch bệnh và đứt gãy nguồn cung, tỉ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,48% (năm 2019 là 2,17%), tỉ lệ thiếu việc làm là 2,51% (năm 2019 là 1,5%). Trong Quý II – 2021, tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm của lao động lần lượt là 2,4% và 2,6%, đều tăng so với Quý I – 2021 (2,19% và 2,2%). Những con số trên phản ánh rõ tình hình hoạt động rất khó khăn của các doanh nghiệp. Năm 2020, số doanh nghiệp đăng kí thành lập mới giảm 2,3% so với năm 2019; số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể tăng 13,9%. Phần lớn các doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh và đã giải thể hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; những doanh nghiệp quy mô lớn rút lui khỏi thị trường nhiều hơn.

(Trích Vương Đình Huệ, *Một số cơ chế, chính sách cấp thiết nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, phục hồi kinh tế do tác động của đại dịch Covid-19*, Cổng thông tin điện tử Quốc hội, ngày 04 – 10 – 2021)

THÔNG TIN 2

Theo số liệu Tổng cục Thống kê, trong Quý II năm 2021, khoảng 12,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên đã bị ảnh hưởng tiêu cực, bao gồm mất việc làm, tạm nghỉ, làm việc luân phiên, giảm giờ làm, hoặc giảm thu nhập. Vào thời điểm tháng 3 năm 2021, 30% hộ gia đình có thu nhập thấp hơn so với tháng 3 năm 2020. Khoảng 12% các hộ gia đình này rơi vào tình trạng khó khăn tài chính khi họ bị mất ít nhất 50% thu nhập. Nữ giới và các hộ ở nhóm 20% có thu nhập thấp nhất trải qua quá trình phục hồi thu nhập chậm nhất.

(Theo Tổng cục Thống kê, *Họp báo công bố tình hình lao động, việc làm Quý II và 6 tháng năm 2021 và kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2020*, ngày 06 – 7 – 2021)

?

– Tình trạng thất nghiệp đã gây ra hậu quả gì cho các doanh nghiệp và người lao động trong các thông tin trên?

– Theo em, thất nghiệp đem đến hậu quả gì cho nền kinh tế và xã hội?

4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp, thông tin, kết hợp quan sát biểu đồ sau và trả lời câu hỏi***

Trường hợp 1

Tình trạng thất nghiệp làm cho cuộc sống người lao động trở nên khó khăn, đời sống tinh thần bất ổn, lo âu. Nhằm giúp người lao động vơi đi một phần khó khăn, tìm được nguồn sinh kế mới, Nhà nước thực hiện trợ cấp thất nghiệp cho người lao động, hỗ trợ người bị tạm thời ngưng việc, trợ cấp cho người bị mất kế sinh nhai.

Trường hợp 2

Thất nghiệp gia tăng làm giảm tiêu dùng xã hội, các doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất gây lãng phí nguồn lực sản xuất trong nền kinh tế. Với vai trò kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp, Nhà nước cần hỗ trợ các doanh nghiệp khôi phục, phát triển sản xuất, kinh doanh; tạo nhiều việc làm; thu hút lao động qua các chính sách tài khoá; chính sách tiền tệ.

Trường hợp 3

Nền kinh tế thực hiện quá trình chuyển đổi số sẽ làm cho một bộ phận người lao động không đáp ứng được yêu cầu của công việc mới, họ không có việc làm, không có thu nhập và gia tăng tình trạng thất nghiệp trong xã hội. Nhà nước cần hỗ trợ kinh phí đào tạo và tái đào tạo người lao động, khuyến khích và hỗ trợ khởi nghiệp tự tạo việc làm, cải thiện dịch vụ thị trường lao động.

THÔNG TIN

Quốc hội ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội. Mục tiêu của chính sách là phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, phấn đấu đạt mục tiêu của giai đoạn 2021 – 2025: tăng trưởng GDP bình quân 6,5 – 7%/năm, chỉ tiêu nợ công dưới mức cảnh báo Quốc hội cho phép tại Nghị quyết số 23/2021/QH15, tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn trong trung hạn và dài hạn.

(Theo Báo Chính phủ, *Chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội*, ngày 24 – 1 – 2022)

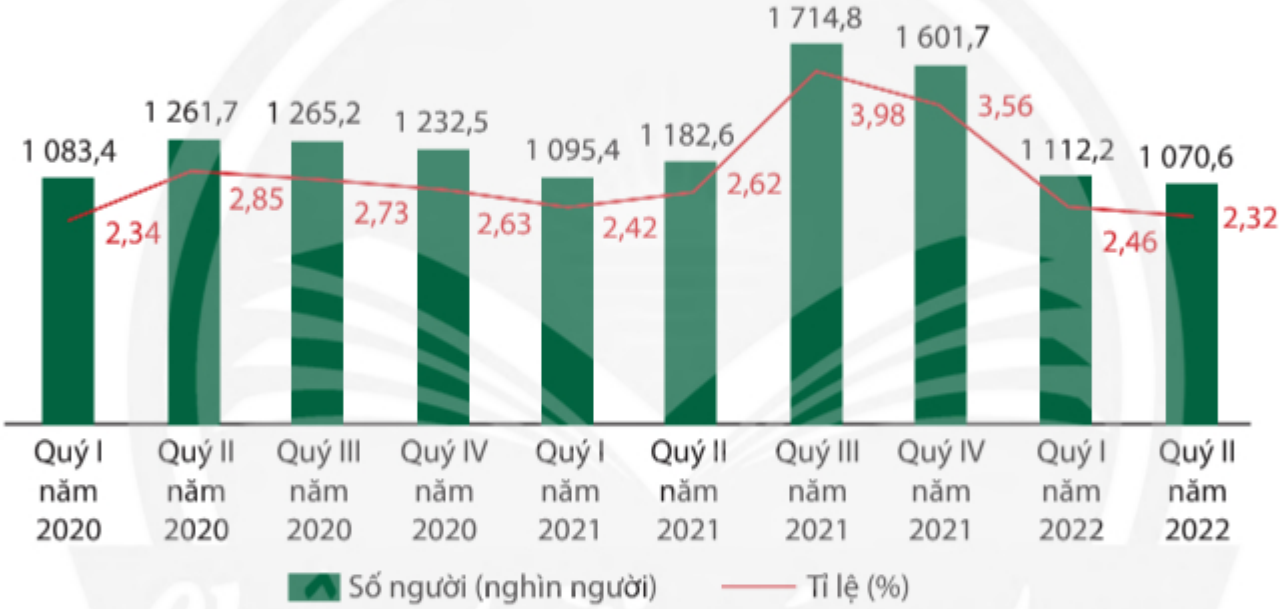

Số người và tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động theo quý 2020 – 2022

(Theo Trang thông tin điện tử Tổng cục Thống kê, *Tình hình lao động, việc làm Quý II và 6 tháng đầu năm 2022*, ngày 06 – 7 – 2022)

?

– Nhà nước thực hiện những chính sách nào để kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp?

– Theo em, Nhà nước có vai trò gì trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp?

– Từ biểu đồ trên, em có nhận xét gì về sự biến động số người và tỉ lệ thất nghiệp? Qua đó, em đánh giá như thế nào về kết quả kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp của Nhà nước?

– Thất nghiệp là tình trạng người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức lương thịnh hành.

– Các loại hình thất nghiệp:

+ Căn cứ vào tính chất của thất nghiệp có: thất nghiệp tự nguyện, thất nghiệp không tự nguyện.

+ Căn cứ vào nguyên nhân gây thất nghiệp có: thất nghiệp tạm thời, thất nghiệp cơ cấu, thất nghiệp chu kì.

– Các nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp:

+ Do sự vận động của nền kinh tế:

- Nền kinh tế đình trệ, suy thoái, sức mua xã hội giảm, doanh nghiệp giảm sản lượng, thu hẹp sản xuất, tinh giản lao động;
- Cơ cấu nền kinh tế chuyển hướng hiện đại, người lao động không đáp ứng được yêu cầu công việc mới.

+ Do bản thân người lao động:

- Yếu ngoại ngữ, thiếu chuyên môn – nghiệp vụ cùng các kĩ năng hỗ trợ công việc theo nhu cầu thị trường;
- Muốn có việc làm với mức lương cao hơn mức lương hiện hành.

– Hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội:

+ Hậu quả đối với nền kinh tế:

- Giảm tiêu dùng, thu hẹp sản xuất gây lãng phí nguồn lực sản xuất;
- Sản lượng sụt giảm, ngân sách thất thu thuế; ảnh hưởng khả năng hỗ trợ phát triển kinh tế của Nhà nước.

+ Hậu quả đối với xã hội:

- Người lao động giảm thu nhập, cuộc sống khó khăn, đời sống tinh thần bị ảnh hưởng;
- Tăng chi ngân sách giải quyết trợ cấp thất nghiệp và tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đầu tư phát triển xã hội.

– Nhà nước giữ vai trò kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp qua các chính sách như: chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế, tạo việc làm; chính sách an sinh xã hội; chính sách giải quyết việc làm.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Người lao động không tìm được việc làm do cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng hiện đại là thuộc loại hình thất nghiệp chu kì.

b. Cơ cấu nền kinh tế chuyển hướng hiện đại, nhiều ngành nghề mới xuất hiện, tạo nhiều việc làm nên người lao động sẽ không bị thất nghiệp.

c. Thất nghiệp trong xã hội càng gia tăng sẽ làm giảm tiêu dùng, thu hẹp sản xuất gây lãng phí nguồn lực sản xuất.

d. Nếu không giỏi ngoại ngữ, yếu về giao tiếp thì người lao động sẽ không tìm được việc làm.

e. Chính sách an sinh xã hội trợ cấp cho người bị mất kế sinh nhai là cần thiết cho người không có việc làm, không có thu nhập.

2. Em hãy nhận biết loại hình thất nghiệp trong các trường hợp sau:

a. Ông B không đáp ứng được yêu cầu của việc làm mới khi doanh nghiệp chuyển đổi sang quy trình sản xuất hiện đại nên phải nghỉ việc.

b. Anh M sau thời gian nghỉ việc để điều trị bệnh nay đang làm hồ sơ xin việc và vẫn chưa tìm được việc làm.

c. Doanh nghiệp A tạm ngưng sản xuất do thiếu đơn hàng, chị P phải nghỉ việc và không tìm được việc làm khác trong tình hình kinh tế thành phố đang đình trệ. Chị mong chờ doanh nghiệp A hồi phục sản xuất, tuyển dụng lại lao động tạm nghỉ việc để chị lại có được việc làm như trước.

3. Em hãy giải thích nguyên nhân gây ra thất nghiệp trong các thông tin, trường hợp sau:

a. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, nhiều ngành nghề mới ra đời, các ngành nghề cũ thiếu đơn hàng bị mai một dần. Điều này khiến cho một bộ phận người lao động rơi vào tình cảnh thất nghiệp.

b. Sau khi tốt nghiệp Đại học, anh T làm hồ sơ dự tuyển vào một công ty. Anh không được nhận vào làm việc do không đáp ứng được nhiều yêu cầu của công ty.

4. Em hãy làm rõ nguyên nhân và hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội trong các trường hợp sau:

a. Thời gian gần đây, do giá xăng dầu thế giới tăng, chi phí vận tải đường biển tăng, nguồn cung nhập khẩu bị đứt gãy, hàng loạt doanh nghiệp, xí nghiệp trong nước A phải tạm ngưng sản xuất, hàng vạn lao động phải nghỉ việc hoặc ngưng việc, thu nhập giảm xuống. Điều này làm giảm tiêu dùng, thu hẹp sản xuất trong nền kinh tế và càng khiến cho các doanh nghiệp lao đao, thua lỗ. Số xí nghiệp tạm ngưng sản xuất hoặc giải thể ngày càng tăng lên.

b. Nền kinh tế của nước B do chậm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại nên dần dần bị đình trệ sản xuất. Điều này khiến hàng triệu người lao động bị mất việc, đời sống khó khăn, ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần; mất phương hướng trong tìm kiếm sinh kế.

5. Em có nhận xét gì về việc làm của các cán bộ dưới đây:

Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động tại doanh nghiệp B, chị M tìm tới trung tâm giới thiệu việc làm ở gần nhà. Cán bộ trung tâm đã tận tình hướng dẫn cho chị thủ tục và quy trình làm hồ sơ hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp. Hồ sơ xin trợ cấp thất nghiệp của chị hội đủ điều kiện hưởng ba tháng trợ cấp thất nghiệp. Sau đó, hằng tháng, cán bộ cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện chi trả trợ cấp thất nghiệp rất thuận lợi, nhanh chóng. Nhờ đó, chị đỡ lo một phần cuộc sống và cố gắng sớm tìm được việc làm trong thời gian ba tháng.

VẬN DỤNG

Hãy sưu tầm về tấm gương một người đã vượt khó vươn lên trong học tập, tự đào tạo để không rơi vào tình trạng thất nghiệp và chia sẻ những điều em học hỏi được từ tấm gương đó

CHỦ ĐỀ 3: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM

BÀI 5

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm.

– Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.

– Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.

– Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.

MỞ ĐẦU

Lao động và việc làm là vấn đề được quan tâm hàng đầu ở các quốc gia trên thế giới. Chỉ số về lao động, việc làm phản ánh sự phát triển của nền kinh tế và mức sống dân cư của một đất nước. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, việc tìm hiểu về lao động và việc làm sẽ giúp cho công dân có được sự chuẩn bị, hoàn thiện bản thân khi tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.

▶ ***Em hãy chia sẻ hiểu biết của bản thân về các câu tục ngữ, thành ngữ dưới đây:***

– Ruộng bề bề không bằng nghề trong tay.

– Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm lao động và thị trường lao động

a. Khái niệm lao động

▶ ***Em hãy đọc thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Tỉnh B là địa phương có nghề làm muối nổi tiếng. Để sản xuất muối, diêm dân cần có sức khoẻ, kiến thức, kinh nghiệm và sử dụng thành thạo công cụ lao động của nghề muối như: cuốc, mai, trục lăn đất, xẻng, rổ, máy bơm nước,... Đầu tiên, diêm dân phải cải tạo mặt ruộng, gia cố nền, xử lí ruộng công phu. Họ sử dụng phương pháp truyền thống phơi nước dạng tĩnh, lấy nước biển từ các kênh rạch tự nhiên đến các khu chứa nước, dẫn vào đồng muối rồi phơi nước. Sau khi muối kết tinh trên ruộng, diêm dân tiến hành thu gom và bảo quản. Muối được bốc dỡ lên bờ ruộng và che đậy lại bằng tấm che. Sản phẩm muối của tỉnh có ba loại: muối bạc, muối trắng, muối đen, không có vị đắng và chát như muối ở các vùng biển khác nên đáp ứng tốt nhu cầu đời sống xã hội.

?

– Theo em, để sản xuất muối, diêm dân cần có những yếu tố nào?

– Em hiểu thế nào là lao động?

b. Khái niệm thị trường lao động

▶ ***Em hãy quan sát biểu đồ, đọc trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

(Đơn vị: Triệu người)

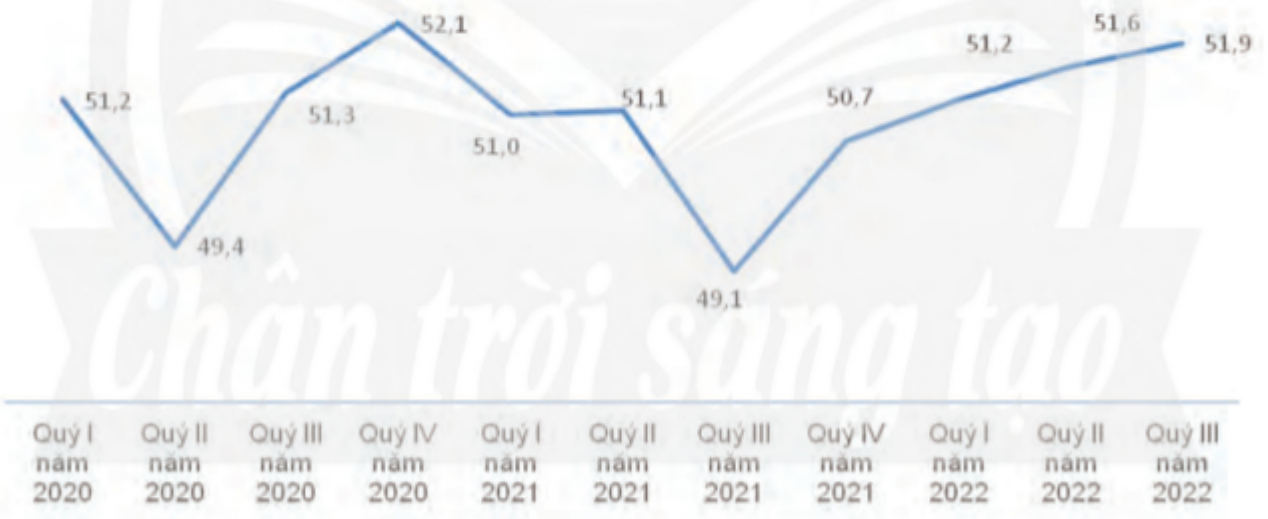

Lực lượng lao động theo quý từ năm 2020 – 2022

(Trích Tổng cục Thống kê, *Tình hình lao động việc làm Quý III và 9 tháng năm 2022*, 2022)

Trường hợp

Anh P đang thất nghiệp, anh tìm hiểu thị trường lao động và được giới thiệu đến Hội chợ việc làm. Tại đó, anh tìm được một công ty cần thuê mướn và sử dụng lao động phổ thông. Hợp đồng lao động giữa anh P với công ty đã được kí kết.

– *Qua biểu đồ, em hãy nhận xét về sự biến động của lực lượng lao động theo quý từ năm 2020 – 2022.*

– *Em hãy chỉ ra những yếu tố hình thành thị trường lao động trong trường hợp trên. Nêu cách hiểu của em về thị trường lao động.*

2. Khái niệm việc làm và thị trường việc làm

a. Khái niệm việc làm

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Điều 3 Luật Việc làm năm 2013 quy định: "Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm".

Trường hợp

Sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Xây dựng B, anh A được tuyển dụng vào làm việc tại một công ty xây dựng với mức lương 15 triệu đồng/tháng. Để có thêm thu nhập cho gia đình và trang trải cuộc sống, vợ anh cũng tham gia hoạt động lao động, chị mở một cửa hàng bán quần áo, lợi nhuận trung bình 10 triệu đồng/tháng. Khoản thu nhập hợp pháp từ tiền lương và cửa hàng đã giúp gia đình anh A có cuộc sống ổn định.

– *Dựa trên Điều 3 Luật Việc làm năm 2013, em hãy cho biết việc gia đình anh A tham gia hoạt động lao động mang lại thu nhập có được gọi là việc làm không?*

– *Em hiểu thế nào là việc làm?*

b. Khái niệm thị trường việc làm

▶ ***Em hãy quan sát biểu đồ, đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

(Đơn vị: Triệu người)

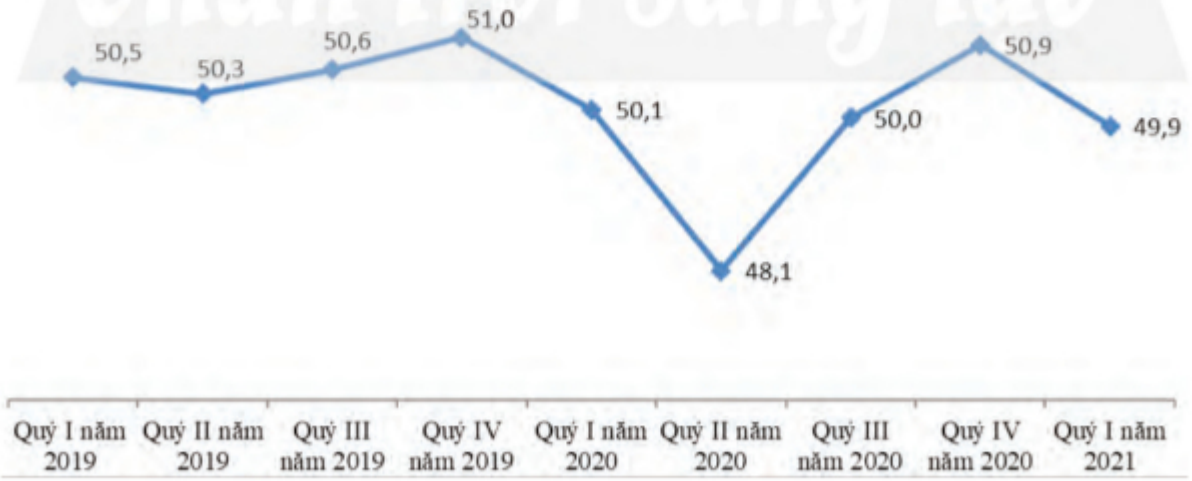

Số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm các quý từ năm 2019 – 2021

(Trích Tổng cục Thống kê, *Tình hình lao động việc làm Quý I – 2021*, 2021)

Trường hợp

Trong phiên giao dịch giới thiệu việc làm được tổ chức tại tỉnh M, có 28 cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia. Số lượng lao động cần tuyển dụng gần 1 000 người với mức lương, điều kiện làm việc, chế độ ưu đãi,... và các thoả thuận khác. Vị trí việc làm cần tuyển dụng gồm: nhân viên giao hàng, công nhân kĩ thuật, công nhân sản xuất, kế toán, nhân viên kinh doanh, nhân viên tư vấn,... Có hơn 1 200 người lao động đã đến đây tìm việc làm. Sau khi thoả thuận, các cơ sở sản xuất, kinh doanh với vai trò là người sử dụng lao động đã kí kết, xác lập hợp đồng lao động với những người lao động ứng tuyển đủ điều kiện và sẵn sàng làm việc.

– Số lao động có việc làm theo quý từ năm 2019 – 2021 biến động như thế nào qua biểu đồ trên?

– Trong trường hợp trên, thị trường việc làm được hình thành từ những yếu tố nào? Theo em, thị trường việc làm là gì?

3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp 1

Lực lượng lao động ở nước H tăng nhanh. Để ổn định đời sống của người lao động và phát triển kinh tế, Chính phủ nước này đã có những chính sách thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng quy mô hoạt động. Số việc làm tăng, tạo nhiều cơ hội cho người lao động lựa chọn việc làm phù hợp. Năng suất lao động tăng, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và thu được lợi nhuận cao hơn, tạo điều kiện cho kinh tế nước H tăng trưởng và phát triển bền vững.

Trường hợp 2

Tình hình kinh tế – xã hội ở nước B tiếp tục hồi phục nhanh ở hầu hết các ngành, lĩnh vực. Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ. Các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động vào các vị trí việc làm tăng. Số lượng lao động có cơ hội việc làm tăng, lượng người thất nghiệp trong độ tuổi lao động giảm. Đồng thời, thu nhập bình quân của người lao động tăng, đời sống ổn định, chất lượng lao động ngày càng được nâng cao.

Em hãy chỉ rõ mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm trong các trường hợp trên.

4. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường

▶ ***Em hãy đọc các thông tin sau, quan sát biểu đồ và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN 1

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Quá trình này tất yếu làm thay đổi tỉ trọng lao động của nền kinh tế Việt Nam. Phương châm của chuyển dịch cơ cấu lao động là phải phù hợp với cơ cấu kinh tế, gắn với giải quyết việc làm, nhất là cho những lao động nông nghiệp chuyển đổi nghề. Năm 2018, lao động trong khu vực nông, lâm, thuỷ sản chiếm 37,7%, giảm 24,5% so với năm 2000. Tuy nhiên, nếu so với mục tiêu, lao động trong khu vực này giảm xuống dưới 20% vào năm 2030 thì đây là một thách thức. Trong khi đó, khu vực công nghiệp, xây dựng tăng từ 13% tới 26,7% và khu vực dịch vụ tăng từ 24,8% tới 35,6% so với cùng thời kì. Số liệu còn cho thấy đã có sự chuyển dịch của lao động khu vực nông, lâm, thuỷ sản sang khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ; đưa tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp và xây dựng lên 26,7%, khu vực dịch vụ lên 35,6%, ở mức cao nhất kể từ năm 2000 đến nay. Cơ cấu lao động Việt Nam đang đứng trước ba tác động lớn có khả năng làm thay đổi căn bản cơ cấu lao động – việc làm và tác động sâu sắc đến chiến lược phát triển bền vững.

(Theo Trang thông tin điện tử Hội đồng lí luận Trung ương, *Thị trường lao động – việc làm và quan hệ lao động trong điều kiện hội nhập ở Việt Nam: Thực trạng và một số định hướng chính sách*, ngày 10 – 11 – 2021)

THÔNG TIN 2

Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030 nhằm mục tiêu tạo tiền đề vững chắc cho việc xây dựng và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường lao động, góp phần huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, bảo đảm kết nối thị trường lao động trong nước với thị trường lao động của các nước trong khu vực và trên thế giới. Chương trình đặt ra các mục tiêu cụ thể sau đây: tăng số lao động có kĩ năng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động: tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30% vào năm 2025 và đạt 35 – 40% vào năm 2030; chỉ số lao động có kiến thức chuyên môn trong Chỉ số đổi mới, sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 60 nước đứng đầu vào năm 2025 và thuộc nhóm 55 nước đứng đầu vào năm 2030; tỉ lệ lao động có các kĩ năng công nghệ thông tin đạt 80% năm 2025 và 90% năm 2030.

(Trích *Quyết định số 176/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030*, ngày 05 – 2 – 2021)

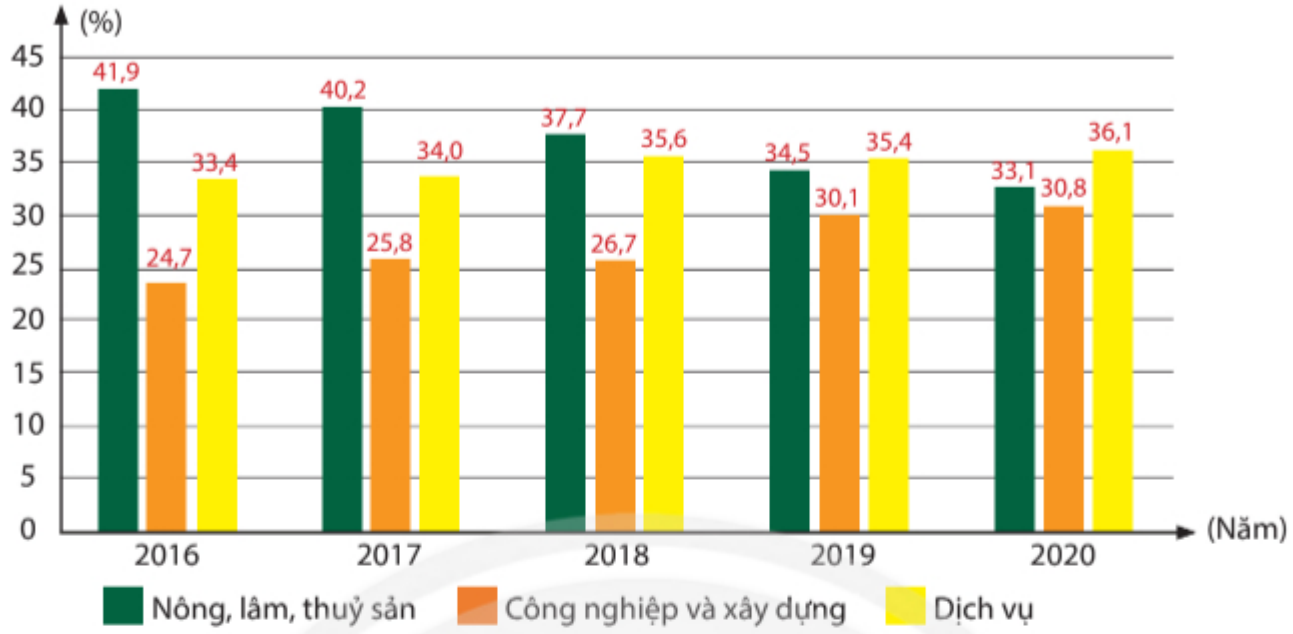

Cơ cấu lao động đang làm việc theo ba nhóm ngành kinh tế, thời kì 2016 – 2020

(Nguồn: Vụ Thống kê dân số và lao động, Tổng cục Thống kê)

– Xu hướng tuyển dụng lao động thay đổi như thế nào qua hai thông tin trên?

– Em có nhận xét gì về cơ cấu lao động theo ngành kinh tế qua biểu đồ trên?

– Khái niệm lao động và việc làm:

+ Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra hàng hoá và dịch vụ phục vụ cho nhu cầu đời sống.

+ Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.

– Khái niệm thị trường lao động và thị trường việc làm:

+ Thị trường lao động là nơi diễn ra sự thoả thuận, xác lập quan hệ lao động về việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động với người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Thị trường việc làm là nơi diễn ra sự thoả thuận, xác lập hợp đồng làm việc giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm, tiền lương và điều kiện làm việc.

– Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm: Giữa thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ với nhau, tác động lẫn nhau.

+ Thị trường lao động tăng thúc đẩy thị trường việc làm tăng.

+ Thị trường việc làm tăng thúc đẩy thị trường lao động tăng.

– Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường:

+ Theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hiện đại.

+ Chú trọng lao động chất lượng cao.

– Học sinh cần hoàn thiện bản thân, tìm hiểu, lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp với năng lực và khả năng của mình, rèn luyện những kĩ năng cần thiết để sẵn sàng tham gia thị trường lao động, việc làm.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Lao động là hoạt động thể chất và tinh thần của con người trong xã hội.

b. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh mang lại thu nhập đều được gọi là việc làm.

c. Trên thị trường lao động sẽ diễn ra sự thoả thuận về tiền lương, điều kiện và các quan hệ hợp đồng lao động.

d. Thị trường việc làm là nơi xác định mức độ tiền lương, điều kiện làm việc và mức độ có việc làm của lao động.

e. Trong nền kinh tế, xu hướng tuyển dụng lao động tất yếu phải đáp ứng sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.

g. Các nhà tuyển dụng lao động ngày càng chú trọng vào lao động có trình độ chuyên môn, có kĩ năng mềm và thái độ tốt.

2. Em hãy xác định xu hướng tuyển dụng của thị trường trong các thông tin sau:

a. Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế của Việt Nam đã kéo theo sự chuyển dịch đáng kể trên thị trường lao động. Nông nghiệp là ngành sử dụng lao động lớn nhất khi đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới. Với sự tự do hoá và đa dạng hoá kinh tế, tỉ trọng việc làm trong nông nghiệp bắt đầu giảm nhanh chóng. Sự chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, bắt đầu từ những năm 1980, đã tiếp tục thay đổi thị trường lao động trong thập kỉ qua.

b. Quá trình hội nhập quốc tế và yêu cầu chuyển đổi số nền kinh tế đã thúc đẩy các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới, sáng tạo. Nhiều doanh nghiệp đã đẩy

mạnh tự động hoá, chuyển hướng sản xuất hiện đại, cung ứng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Do đó, các doanh nghiệp tập trung nhiều hơn vào việc tuyển dụng lao động chất lượng cao. Họ ưu tiên tuyển dụng lao động đã qua đào tạo, có chuyên môn nghiệp vụ, kĩ năng và thái độ làm việc tốt.

3. Em hãy nêu rõ mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm trong các thông tin sau:

a. Thị trường lao động tiếp tục duy trì đà phục hồi. Lực lượng lao động, số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động đều tăng so với quý trước và so với cùng kì năm trước.

b. Đầu tư nước ngoài gia tăng, thị trường việc làm rộng mở, thúc đẩy lực lượng lao động tham gia thị trường ngày càng nhiều. Các nhà đầu tư đòi hỏi lực lượng lao động có chất lượng cao nên thị trường lao động ngày càng có chất lượng.

4. Em có nhận xét gì về hành động của bạn T? Theo em, để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động, học sinh cần làm những việc gì?

T là học sinh lớp 11. Em có năng khiếu hội hoạ và mong muốn trở thành kiến trúc sư. Gần đây, T thường tham gia các ngày hội hướng nghiệp dành cho học sinh Trung học phổ thông. T rất vui khi thu thập được nhiều thông tin về nghề nghiệp, cơ hội việc làm và thị trường lao động. T chia sẻ qua ngày hội, em hiểu hơn về điểm mạnh, điểm hạn chế của mình và có cái nhìn thực tế về việc chọn nghề. Quan trọng nhất, em nhận thấy mỗi học sinh cần phải xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân. Tích cực học tập, nâng cao trình độ, kĩ năng sẵn sàng để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp. Để thực hiện ước mơ của mình, T đã đăng kí tham gia các lớp học vẽ, tham gia hoạt động ở các câu lạc bộ mĩ thuật và nhiều hoạt động có liên quan khác.

5. Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và cho biết công dân cần chuẩn bị những gì để tham gia thị trường lao động

THÔNG TIN

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm thay đổi nền tảng, thúc đẩy các nền kinh tế truyền thống chuyển đổi sang kinh tế tri thức. Đổi mới, sáng tạo công nghệ làm gia tăng các yếu tố sản xuất – kinh doanh, tăng thu nhập, tiêu dùng, đầu tư cho nền kinh tế. Đồng thời, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội, tạo ra những thay đổi về việc làm, cả về cơ cấu lẫn bản chất công việc với sự xuất hiện ngày càng đông đảo các tầng lớp sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học, thiết kế, văn hoá, nghệ

thuật, giải trí, truyền thông, giáo dục, y tế,... Phân công lao động theo hướng các ngành, nghề đòi hỏi giảm thiểu các công việc chân tay, thu nhập thấp, các công việc có tính chất lặp đi, lặp lại. Nhiều lĩnh vực có khả năng tự động hoá cao, trong một số công đoạn không cần sự can thiệp của con người, đều được rô bốt thực hiện. Một bộ phận người lao động đang làm việc sẽ phải nghỉ hoặc tìm công việc khác thay thế, có thể thất nghiệp trong một thời gian dài.

(Theo Tạp chí Cộng sản, *Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến thế giới, khu vực và Việt Nam*, ngày 29 – 8 – 2022)

Trường hợp

Tham gia Ngày hội hướng nghiệp của trường, bạn B được chuyên gia tư vấn về việc chuẩn bị và lựa chọn nghề nghiệp. Trong những thập niên đầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhiều ngành nghề đào tạo cũng như nhu cầu của thị trường lao động có rất nhiều chuyển biến so với trước đây. Nhiều công việc truyền thống sẽ biến mất hoặc bị thay thế bởi máy móc, đồng thời, sẽ có nhiều công việc mới xuất hiện. Người lao động cần phải có những kiến thức, kĩ năng thích ứng mới tìm được việc làm phù hợp và thu nhập cao. Muốn thành công và hạnh phúc, học sinh cần có trách nhiệm không ngừng hoàn thiện bản thân khi tham gia thị trường lao động, tìm hiểu, lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp, có năng lực thích ứng trong môi trường, hoàn cảnh sống luôn biến đổi.

VẬN DỤNG

Hãy viết một bài viết ngắn nói về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai của em

CHỦ ĐỀ 4: Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

BÀI 6 Ý TƯỞNG VÀ CƠ HỘI KINH DOANH

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.
– Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.
– Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.
– Phân tích được ý tưởng kinh doanh của bản thân.
– Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành.

MỞ ĐẦU

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ đã tác động lớn đến các hoạt động sản xuất kinh doanh. Để tồn tại và phát triển, các chủ thể kinh tế phải không ngừng tìm tòi, sáng tạo mới có thể nắm bắt được cơ hội kinh doanh. Từ đó, tạo ra lợi thế cạnh tranh, lợi nhuận và giá trị cho doanh nghiệp cũng như xã hội.

▶ ***Em có nhận xét như thế nào về sự sáng tạo trong việc sử dụng nguyên liệu của chủ thể kinh doanh qua các hình ảnh sau?***

a. Bánh mì thanh long

b. Kẹo thanh long

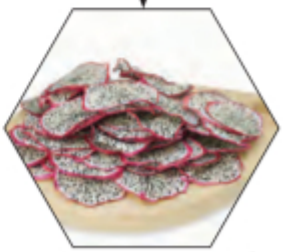

c. Thanh long sấy

KHÁM PHÁ

1. Ý tưởng kinh doanh

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Trường hợp 1

Chị T chia sẻ, hương vị của rong mơ gắn bó với chị từ những ngày còn ấu thơ. Thay vì chuẩn bị các loại nước ngọt, sữa để bố mang theo khi đi biển thì bà và mẹ của chị T thường nấu nước rong mơ. Vì thế, chị T đã ấp ủ ý tưởng làm nước rong mơ để phát huy lợi thế nguồn nguyên liệu tự nhiên ở quê nhà. Từ ý tưởng ban đầu, chị đã tự tìm tòi, sáng tạo và cho ra đời sản phẩm nước rong mơ có hương vị phù hợp với nhiều người. Không chỉ là nước uống giải khát, sản phẩm nước rong mơ của chị T còn có nhiều dưỡng chất, tốt cho sức khoẻ. Hiện nay, các nhà phân phối tại nhiều địa phương đã kết nối và sẵn sàng mua nước rong mơ với số lượng lớn để phân phối trên thị trường. Nhờ ý tưởng kinh doanh sáng tạo của chị T đã tạo ra một sản phẩm có tính vượt trội, độc đáo, chất lượng đảm bảo mà giá thành vừa phải, phù hợp với nhu cầu của nhiều người tiêu dùng.

Trường hợp 2

Sau khi tốt nghiệp đại học, anh T trở về quê nhà mở trung tâm giảng dạy vì anh hiểu được những khó khăn của các em học sinh trong việc học tiếng Anh. Để thu hút học sinh, anh T cùng các bạn luôn tìm cách nâng cao chất lượng dạy học như: thiết kế nội dung giảng dạy gắn liền với văn hoá địa phương; phối hợp với các trung tâm uy tín để hỗ trợ phát triển chương trình; tổ chức các câu lạc bộ cho học sinh tham gia,... Trung tâm của anh T được nhiều phụ huynh tin tưởng cho con em theo học. Nhờ đó, các em học sinh đã tự tin hơn trong cuộc sống và lựa chọn ngành nghề trong tương lai.

?

– *Em hãy cho biết ý tưởng kinh doanh của chị T và anh H đã mang lại lợi ích gì cho họ?*

– *Theo em, các chủ thể sản xuất muốn cạnh tranh được trên thị trường cần có ý tưởng như thế nào? Em hiểu thế nào là ý tưởng kinh doanh?*

2. Cơ hội kinh doanh

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp 1

Khi nhận thấy việc sản xuất, kinh doanh bao bì có nhiều điều kiện thuận lợi như: nhu cầu đóng gói các sản phẩm tăng cao vì các ngành tiêu dùng, thương mại điện tử,... phát triển mạnh; sản phẩm sản xuất ra có thể xuất khẩu đến nhiều nước trên thế

giới;... ông V quyết định đầu tư vào sản xuất bao bì. Ông đã lên kế hoạch và xây dựng mục tiêu để trở thành một doanh nghiệp đầu ngành. Nhờ vào các lợi thế có được, chỉ sau một thời gian ngắn, doanh nghiệp của ông V đạt được doanh thu cao. Ông lại có thêm điều kiện để tái đầu tư cho hệ thống sản xuất bao bì của mình.

Trường hợp 2

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ làm cho tuổi thọ của các sản phẩm điện tử ngày nay thường rất ngắn. Nhận thấy trong điều kiện rác thải điện tử ngày càng tăng, gây ô nhiễm môi trường; việc thu gom, xử lí còn nhiều hạn chế; trong nước chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia vào xử lí rác điện tử,... anh A nghĩ cơ hội kinh doanh đã đến và tham gia kinh doanh ngay vào lĩnh vực tái chế, xử lí rác điện tử. Sau vài năm, doanh nghiệp của anh đã mang về nguồn lợi lớn. Không những thế, anh đã đem đến cơ hội việc làm cho rất nhiều người. Đặc biệt công việc kinh doanh của anh còn góp phần vào việc nâng cao ý thức xây dựng lối sống xanh, thân thiện với môi trường cho mọi người xung quanh và phòng chống tình trạng ô nhiễm môi trường.

– Em hãy cho biết điều kiện dẫn đến cơ hội kinh doanh của ông V và anh A trong hai trường hợp trên.
– Cho biết những điều kiện cần thiết để dẫn đến một cơ hội kinh doanh. Em hiểu thế nào là cơ hội kinh doanh?

3. Tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Trường hợp 1

Sau khi khảo sát, đánh giá được nhu cầu thị trường và nguồn nguyên – vật liệu tại địa phương, anh H quyết định thành lập doanh nghiệp thủ công mĩ nghệ. Anh xây dựng ý tưởng kinh doanh, làm cơ sở định hướng cho các hoạt động như tuyển dụng nhân sự; cách thức triển khai hoạt động; kiểm tra, giám sát;… Anh dựa vào yêu cầu của sản phẩm trên thị trường để quyết định phương án đầu tư máy móc thiết bị; lên kế hoạch cho đầu ra của sản phẩm từ việc quảng bá đến hệ thống phân phối sản phẩm;... Vì vậy, anh không bị thụ động trong việc triển khai ý tưởng kinh doanh. Doanh nghiệp của anh đã thành công và mang lại nhiều giá trị cho nhà đầu tư, người lao động cũng như nền kinh tế địa phương.

Trường hợp 2

Khi thương hiệu gốm thủ công của gia đình chị A được người tiêu dùng yêu thích, nhiều đối tác đã đề nghị đầu tư vốn để chuyển đổi sang mô hình gốm công nghiệp, tạo ra sản lượng và lợi nhuận lớn. Đồng thời, các đơn vị dạy nghề cũng đề nghị chị liên kết đào tạo. Sau khi xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh, chị quyết định từ chối đầu tư. Chị lựa chọn hướng đi liên kết đào tạo vì muốn giữ gìn và phát triển nghề gốm thủ công của gia đình. Nhờ vào việc hoạch định và thực hiện tốt ý tưởng đào tạo nghề gốm, chị A đã có được những công nhân tay nghề cao, mở rộng được quy mô sản xuất. Quyết định của chị không những tạo ra sự thành công trong kinh doanh và lĩnh vực đào tạo mà còn bước đầu mở ra một làng nghề truyền thống.

– Theo em, việc xây dựng ý tưởng kinh doanh đã đem đến những kết quả gì cho anh H? Nếu anh H không xây dựng ý tưởng kinh doanh thì điều gì sẽ đến với doanh nghiệp của anh?

– Em hãy chỉ ra mối quan hệ giữa ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh trong trường hợp của chị A. Việc xác định, đánh giá đúng cơ hội kinh doanh đã đem lại lợi ích gì cho chị A và xã hội?

4. Ý nghĩa của ý tưởng kinh doanh

▶ ***Em hãy đọc trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Bưởi là loại trái cây được yêu thích trên thị trường vào dịp lễ, tết. Tuy nhiên, hằng năm giá bưởi bán tại vườn chưa cao khiến ông P rất lo lắng. Ông nảy ra ý tưởng tạo những hình thù mới lạ, có ý nghĩa cho trái bưởi. Vậy là những trái bưởi có hình hổ lô, hình vuông; trên quả có khắc đồng tiền vàng, hình Đức Phật, bản đồ Việt Nam,... đã ra đời. Ý tưởng về sự kết hợp giữa giá trị truyền thống và sức sáng tạo của con người đã tăng lợi thế cạnh tranh cho những trái bưởi của ông P trên thị trường vào dịp lễ, tết và mang lại thu nhập cao cho ông. Ông P còn hướng dẫn cho người dân để tạo nên một vùng trồng bưởi có hiệu quả kinh tế cao, góp phần vào sự phát triển kinh tế của địa phương.

– Em hãy nêu giá trị mà ông P đạt được từ ý tưởng kinh doanh của mình.

– Theo em, việc xây dựng ý tưởng kinh doanh có ý nghĩa như thế nào đối với các chủ thể kinh tế?

5. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Kinh doanh thường bắt đầu từ những trăn trở, những ý tưởng mới có thể giải quyết các vấn đề gần gũi trong cuộc sống. Chính những điều này sẽ khiến chúng ta sẽ thúc đẩy tìm tòi và sáng tạo một cách mãnh liệt. Mỗi ý tưởng kinh doanh dù nhỏ đều đáng quý bởi điều đó thể hiện sự năng động, sức sáng tạo và khát vọng vươn lên của mỗi cá nhân.

(Theo Báo điện tử Chính phủ, *Ý tưởng khởi nghiệp thể hiện khát vọng vươn lên của thế hệ trẻ*, ngày 08 – 10 – 2022)

Trường hợp

Nhu cầu về mặt hàng nấm trên thị trường thực phẩm tại Việt Nam khá cao. Với chuyên môn là kĩ sư nông nghiệp, chị C đã nảy ra ý tưởng trồng nấm. Chị phác thảo mô hình kinh doanh từ trang trại đến bàn ăn. Dù trải qua nhiều lần thất bại nhưng chị không nản chí, vẫn quyết tâm theo đuổi ý tưởng của mình. Sau bốn năm, bằng đam mê, khát vọng và sức sáng tạo dồi dào cùng nguồn vốn huy động được, chị C đã cho ra thị trường những sản phẩm nấm chất lượng cao, giá cả phải chăng. Cùng với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, sản phẩm đã có vị thế mới, tăng sức cạnh tranh cũng như cơ hội xuất khẩu sang các nước lân cận.

?

– *Nguồn nào giúp tạo ra ý tưởng kinh doanh của chị C?*

– *Em còn biết các nguồn nào khác tạo ra ý tưởng kinh doanh?*

– Khái niệm ý tưởng và cơ hội kinh doanh:

+ Ý tưởng kinh doanh là những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh.

+ Cơ hội kinh doanh là những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận).

– Tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh:

+ Là cơ sở định hướng mọi hoạt động kinh doanh như lập kế hoạch, đánh giá phương án, triển khai, giám sát,...

+ Tạo ra tính chủ động và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

– Tầm quan trọng của việc xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh:

+ Lựa chọn được cơ hội kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp.

+ Tác động đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp.

– Ý nghĩa của ý tưởng kinh doanh:

+ Tăng lợi thế cạnh tranh trong kinh doanh;

+ Đáp ứng sự biến động của thị trường.

– Các nguồn giúp tạo ra ý tưởng kinh doanh:

+ Lợi thế nội tại: đam mê, tri thức, khát vọng, sức sáng tạo, khả năng huy động các nguồn lực;

+ Cơ hội bên ngoài: nhu cầu, nguồn cung ứng, sự cạnh tranh, vị trí triển khai, chính sách vĩ mô.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Ý tưởng kinh doanh là tận dụng cơ hội thị trường nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất.

b. Ý tưởng kinh doanh là khởi điểm cho các hoạt động của doanh nghiệp.

c. Ý tưởng kinh doanh chỉ cần thiết lúc hình thành doanh nghiệp, còn khi doanh nghiệp đã kinh doanh ổn định thì chỉ cần duy trì các hoạt động kinh doanh.

d. Cơ hội kinh doanh luôn có trên thị trường, không phải cơ hội nào cũng mang tính khả thi.

e. Xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh là yếu tố quyết định thành công của doanh nghiệp.

2. Em hãy nhận xét về ý tưởng kinh doanh của chủ thể kinh tế sau:

Nhận thấy ống hút nhựa được sử dụng rất nhiều, làm gia tăng ô nhiễm môi trường, anh V có ý tưởng thay thế ống hút nhựa bằng các nguyên liệu thân thiện với môi trường. Anh bắt đầu nghiên cứu cách làm ống hút từ thân cây sậy ở quê hương của mình. Vì đây là công việc khá mới mẻ với người dân địa phương nên anh phải hướng dẫn chi tiết. Các loại máy móc lại chưa có trên thị trường nên anh V phải tự chế máy cắt, máy vệ sinh ống hút. Sản phẩm ống hút từ cây sậy của anh rất được khách hàng yêu thích. Anh tiếp tục triển khai ống hút tre, ống hút giấy để đa dạng hoá sản phẩm cạnh tranh với ống hút nhựa. Nhờ các ý tưởng sáng tạo, đổi mới sản phẩm, doanh nghiệp của anh đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần vào sự phát triển kinh tế và xã hội tại địa phương.

3. Em hãy giải thích về tầm quan trọng của việc xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh trong trường hợp sau:

Công ty A có kế hoạch ra mắt sản phẩm mới. Để xác định, đánh giá được cơ hội kinh doanh, công ty đã giới thiệu và cho khách hàng trải nghiệm một số tính năng của sản phẩm. Phản hồi của khách hàng sẽ giúp công ty xây dựng được những ý tưởng có tính vượt trội, tạo ra lợi thế cho kinh doanh. Công ty A còn yêu cầu nhân viên nghiên cứu hoạt động ra mắt sản phẩm của các doanh nghiệp khác nhằm học hỏi những ý tưởng độc đáo. Nhờ có những định hướng đúng đắn, cụ thể, cách thức tổ chức, quản lí chặt chẽ, có hệ thống,... Công ty A đã thành công với sản phẩm mới.

4. Em hãy phân tích ý tưởng kinh doanh trong trường hợp sau:

Sự bùng nổ của Internet và kỉ nguyên số đã làm cho ngành Marketing dịch chuyển từ truyền thống sang công nghệ số. Marketing trực tuyến giúp tiếp cận khách hàng một cách tốt nhất và mở ra không ít cơ hội việc làm. Doanh nghiệp đã ứng dụng Marketing trực tuyến vào hoạt động kinh doanh của mình. Đây được xem là giải pháp hiệu quả, giúp doanh nghiệp tăng sức cạnh tranh, dễ dàng tiếp cận với khách hàng tiềm năng và mang lại hiệu quả kinh doanh cao hơn. Đặc biệt, Marketing trực tuyến còn giúp các doanh nghiệp nhỏ tiếp thị sản phẩm và dịch vụ của mình trên toàn cầu. Điều này cho phép các doanh nghiệp nhỏ tìm đối tượng mới cho các sản phẩm và dịch vụ của mình. Từ cơ hội trên, chị B đã lập kế hoạch phát triển công việc Marketing trực tuyến của mình từ việc lên ý tưởng, xây dựng chiến dịch Marketing trên các công cụ trực tuyến. Chị tìm hiểu nhu cầu của khách hàng để thực hiện chiến dịch tối ưu website, đăng tải bài viết lên các trang mạng xã hội, chạy quảng cáo,… nhằm tạo hiệu quả cao nhất. Chị B còn tổng hợp dữ liệu, làm báo cáo về hiệu quả, năng suất, ưu – nhược điểm của chiến dịch Marketing, rút kinh nghiệm từ các chiến dịch đã hoàn thành. Nhờ đó, chị được nhiều đối tác tín nhiệm và kí hợp đồng.

5. Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi

Sau khi tốt nghiệp đại học, chị P xin bố mẹ một khoản vốn để kinh doanh mĩ phẩm trực tuyến. Biết lĩnh vực này sẽ có sức cạnh tranh lớn và có nhiều rủi ro nên chị đã cẩn trọng thực hiện từng bước. Đầu tiên, chị đánh giá, xác định được cơ hội kinh doanh và xây dựng, lên ý tưởng. Chị dành thời gian nghiên cứu thị trường, nguồn cung hàng hoá và xem xét điểm mạnh, điểm yếu của bản thân cũng như các cơ hội, thách thức khi tham gia lĩnh vực. Chị đã tiến hành ở quy mô nhỏ nhằm kiểm tra tính khả thi của dự án, sau đó mới thực hiện mở rộng. Nhờ vậy, chị đã đạt được thành công trong dự án kinh doanh của mình.

– *Em có nhận xét như thế nào về việc xây dựng ý tưởng kinh doanh của chị P?*

– *Từ trường hợp của chị P, em rút ra bài học gì để xây dựng ý tưởng kinh doanh của bản thân?*

6. Em hãy lên ý tưởng cho một dự án kinh doanh của bản thân và đánh giá sự thành công của ý tưởng đó

VẬN DỤNG

Em hãy tìm hiểu về một cơ hội thị trường, từ đó xây dựng ý tưởng kinh doanh và chia sẻ với các bạn

BÀI 7 NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

Yêu cầu cần đạt

– Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.
– Phân tích được năng lực kinh doanh của bản thân.

MỞ ĐẦU

Trong kinh doanh, năng lực của người kinh doanh là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Người có năng lực kinh doanh sẽ giúp doanh nghiệp vượt qua được những khó khăn, trở ngại. Vậy người kinh doanh cần có những năng lực cần thiết nào và làm sao phân tích được năng lực kinh doanh của bản thân để phát triển, tự tin bước vào lĩnh vực kinh doanh?

▶ ***Em hãy chia sẻ câu chuyện về một doanh nhân thành công. Theo em, yếu tố nào đã mang lại sự thành công của doanh nhân trong câu chuyện đó?***

KHÁM PHÁ

1. Năng lực cần thiết của người kinh doanh

▶ ***Em hãy đọc thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Năm 20 tuổi, Lương Văn Can đi thi và đỗ cử nhân tại trường thi Hương ở Hà Nội. Phụng sự Tổ quốc – đó là mục tiêu cao nhất mà danh sĩ họ Lương đặt ra. Trong khi bị đi đày sang Campuchia, Lương Văn Can đã biến cái rủi thành một cơ hội: cụ là người Việt tiên phong khai phá một thị trường bỏ ngỏ, mở đường cho một phong trào buôn bán sang Campuchia. Những đồng tiền kiếm được từ việc kinh doanh lại được đóng góp cho phong trào cách mạng.

Với những cá nhân có chí khí, họ có thể xoay chuyển tình huống, họ biết biến những yếu tố bất lợi thành một thời cơ mới. Trong thời gian kiếm kế sinh nhai tại Nam Vang, Lương Văn Can đã phát hiện ra nơi đây chính là một thị trường đầy tiềm năng còn đang bị bỏ ngỏ. Hàng hoá sơ sài và việc buôn bán cũng không mấy được chú trọng phát triển. Điều này cho ta thấy ở Lương Văn Can

một sự nhạy bén khác thường trong lĩnh vực kinh doanh. Sau những suy tính, tự vạch ra đường đi nước bước cụ thể, Lương Văn Can bí mật liên lạc với gia đình, quyết tâm thành lập một đường dây buôn bán xuyên biên giới Việt Nam – Campuchia. Để mở được đường dây buôn bán này là cả một quá trình tìm hiểu thị trường rất cặn kẽ, giá cả các mặt hàng hiếm ở Nam Vang và so sánh với giá cả hàng hoá ở Việt Nam.

Theo kế hoạch của cụ, mọi người chia nhau đi nghiên cứu thị trường rồi kín đáo liên hệ với bà Cử Can ở Hà Nội và các thương gia trong nước, thiết lập một đường dây thương mại bí mật xuyên biên giới, dùng tiếng lóng đánh điện tín về Hà Nội và Sài Gòn để đặt hàng đưa sang Nam Vang. Việc buôn bán từ đó phát triển rất nhanh.

Cụ Lương Văn Can còn chỉ ra những điểm hạn chế chính của người làm kinh doanh Việt Nam thời bấy giờ: không có thương phẩm, không có thương đạo, không có thương học, không biết giao thiệp, không biết trọng nghề, không có kiên tâm, không có tín thực,...

(Trích Nguyễn Hồng Dung, *Lương Văn Can – Xây dựng đạo đức kinh doanh cho người Việt*, NXB Trẻ, 2007)

?

– Từ thông tin trên, em hãy xác định khả năng phân tích thị trường và tầm nhìn chiến lược trong kinh doanh của cụ Lương Văn Can.

– Cụ Lương Văn Can đã tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh như thế nào?

– Người kinh doanh cần có những năng lực kinh doanh nào?

2. Đánh giá năng lực của người kinh doanh

▶ ***Em hãy quan sát mô hình, đọc trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp

Sau khi tham gia vào lĩnh vực xây dựng, ông T nhận thấy nhu cầu về lĩnh vực này ngày càng tăng. Hiện nay, vật liệu gạch có tác dụng làm vách ngăn, ít có giá trị chịu lực, cách âm, cách nhiệt và độ bền không cao. Với kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn, ông đã quyết tâm phát triển công nghệ xây dựng tường đúc sẵn. Cùng đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm lâu năm, ông T đầu tư công nghệ sản xuất, phát triển hệ thống trang web, tư vấn và hỗ trợ người tiêu dùng. Với tính ưu việt là thi công nhanh, tác dụng cách âm, cách nhiệt và chịu lực tốt nên sản phẩm được các chủ đầu tư yêu thích. Khi kinh doanh có lợi nhuận, ông thưởng cổ phần cho nhân viên xuất sắc, gắn bó lâu dài với công ty.

– Em hãy nêu những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của ông T trong kinh doanh qua trường hợp trên.

– Sử dụng mô hình SWOT, em hãy đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức khi em là một nhà kinh doanh.

– Các năng lực cần thiết của người kinh doanh:

+ Năng động, sáng tạo;

+ Chuyên môn nghiệp vụ;

+ Quản lí, lãnh đạo;

+ Thiết lập quan hệ, nắm bắt thông tin;

+ Dự báo và kiểm soát rủi ro;

+ Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực;

+ Ý chí, khát vọng đổi mới, vươn lên,...

– Đánh giá năng lực của người kinh doanh cần dựa vào điểm mạnh, điểm yếu, nắm bắt được cơ hội và giải quyết những thách thức của thị trường.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Năng lực kinh doanh phải đi cùng với nguồn vốn mới khởi nghiệp thành công.

b. Người kinh doanh có năng lực sẽ giúp doanh nghiệp thích ứng với những thay đổi của thị trường một cách tốt nhất.

c. Trong kinh doanh, chỉ cần năng động, sáng tạo, luôn dám nghĩ dám làm là đủ.

d. Người kinh doanh tự đánh giá được năng lực của bản thân sẽ đưa ra được những quyết định chính xác.

2. Em hãy đánh giá năng lực kinh doanh của từng chủ thể trong các trường hợp sau:

a. Bà H kinh doanh từ năm 16 tuổi và đã thành công trong ngành chế biến thuỷ sản. Bà mạnh dạn đầu tư xây dựng nhà máy hiện đại. Sản phẩm của doanh nghiệp không chỉ được tiêu thụ tại các siêu thị lớn, nhỏ mà còn cả hệ thống bán lẻ. Không chỉ tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, giá cả ổn định, bà còn tạo vốn cho ngư dân và các đơn vị liên kết phát triển. Bà tích cực hợp tác với các nhà khoa học để chuyển giao khoa học công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng. Bà rất quan tâm đến đời sống người lao động nữ. Bà đã được tặng nhiều bằng khen và danh hiệu vì những đóng góp của mình.

b. Anh N có ý tưởng thành lập doanh nghiệp sản xuất mĩ phẩm. Anh đã phát huy thế mạnh của bản thân về kiến thức hoá học, sinh học, dược học, cho ra các sản phẩm chất lượng và an toàn. Thông qua việc khảo sát thị hiếu của thị trường, anh lên kế hoạch kinh doanh, hướng đến các sản phẩm vì sắc đẹp, sức khoẻ người tiêu dùng. Dù phải đối diện với rất nhiều thử thách vì là doanh nghiệp mới; nguy cơ cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành; nhưng anh N tin với sự quyết tâm và kiên trì học hỏi, đi từng bước nhỏ, lên kế hoạch cụ thể, đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu thì doanh nghiệp sẽ xây dựng được thương hiệu.

3. Hãy chia sẻ tấm gương về một doanh nhân mà em yêu thích, từ đó rút ra bài học cho bản thân

VẬN DỤNG

Em hãy lập kế hoạch để phát triển năng lực kinh doanh của bản thân

CHỦ ĐỀ 5: ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

BÀI 8

ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được quan niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh.
– Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh.
– Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh.
– Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh.
– Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.

MỞ ĐẦU

Đạo đức kinh doanh là nhân tố quan trọng giúp nền kinh tế thị trường phát triển bền vững và đạt sự tín nhiệm của người tiêu dùng. Nắm vững đạo đức kinh doanh sẽ giúp doanh nghiệp hoạt động vì mục tiêu phục vụ lợi ích con người, cộng đồng, bảo vệ môi trường. Công dân hiểu biết đạo đức kinh doanh sẽ có hành vi đúng đắn khi tham gia nền kinh tế.

▶ *Hãy chia sẻ hiểu biết của em về nội dung các câu dưới đây:*

– Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi.

– Phải thì mua, vừa thì bán.

KHÁM PHÁ

1. Quan niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Ông Bạch Thái Bưởi sinh năm 1874 tại làng An Phú, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc ngoại thành Hà Nội). Ông chính là người đầu tiên khẳng định vị thế của doanh nhân Việt, người làm kinh doanh với khát vọng to lớn là cải tạo xã hội, mà cụ thể là ước vọng có thể xây dựng một Hà Nội lung linh, hoa lệ như Paris. Từ một công chức làm trong một hãng thầu công chánh của Pháp, một

dịp may đến với ông là năm 1895, Hội chợ Bordeaux được tổ chức tại Pháp, Bạch Thái Bưởi được chọn, qua đề cử của công sứ Bonnet. Trong những ngày ở Pháp, không như những người khác dành thời gian du hí đây đó, ông nỗ lực tìm hiểu, học hỏi cung cách buôn bán, cách tổ chức và quản lí sản xuất, nghệ thuật khuếch trương thương nghiệp. Trên chuyến tàu trở về nước, Bạch Thái Bưởi đã manh nha một quyết định táo bạo: xin nghỉ việc để đi vào con đường kinh doanh với quan điểm "Phải biết cung cấp cái mà người ta đang thiếu, cái mà người ta đang cần. Nhưng phải kịp thời". Ông đã hùn tiền với một người Pháp để chuyên khai thác gỗ làm tà-vẹt bán cho Sở Hoả xa Đông Dương. Trong công việc, Bạch Thái Bưởi tỏ ra rất khắc nghiệt khi nghiệm thu sản phẩm. Ông bảo: "Tiền mất đi còn có thể tìm lại được, chứ chữ tín mất đi là hỏng việc lớn sau này".

Doanh nhân Bạch Thái Bưởi (1874 – 1932)

Bạch Thái Bưởi thành công và thu hút được nhiều người tài về cùng dựng nghiệp vì ông là người rất biết cách đối đãi và tin tưởng những cộng sự của mình. Có lẽ, Bạch Thái Bưởi là nhà doanh nghiệp Việt Nam trước nhất đầu thế kỉ XX đã có ý thức vận dụng tinh thần yêu nước, khai thác tinh thần tự tôn dân tộc như một vũ khí sắc bén để chiến thắng vẻ vang đối thủ cạnh tranh của mình.

(Trích Lê Minh Quốc, *Bạch Thái Bưởi – khẳng định doanh tài nước Việt*, NXB Trẻ, 2007)

Trường hợp 1

Trong nhiều năm qua, Công ty T luôn giữ vững các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Công ty luôn đặt lợi ích và yêu cầu của khách hàng lên hàng đầu nên các loại sản phẩm luôn đạt chất lượng cao, năng lực cạnh tranh và danh tiếng của công ty lan toả rộng rãi trên thị trường trong và ngoài nước. Công ty T đã nhận được nhiều giải thưởng uy tín của quốc gia và quốc tế cho hoạt động kinh doanh vì lợi ích người tiêu dùng, cộng đồng và góp phần bảo vệ môi trường.

Trường hợp 2.

Công ty D chuyên sản xuất bột ngọt, tinh bột, nước đường. Trong quá trình sản xuất các sản phẩm này, công ty đã thiết kế và lắp đặt hệ thống đường ống kĩ thuật để bơm dịch thải lỏng của nhà máy sản xuất, xả trực tiếp vào sông không đúng với nội dung báo cáo môi trường đã được phê duyệt, gây ô nhiễm môi trường ở địa phương.

– Em hãy nhận xét việc làm của doanh nhân Bạch Thái Bưởi, Công ty T và Công ty D trong các thông tin, trường hợp trên. Những việc làm đó ảnh hưởng như thế nào đến người sản xuất, người tiêu dùng và xã hội?

– Theo em, người kinh doanh cần có những phẩm chất gì?

– Em hiểu thế nào là đạo đức kinh doanh? Đạo đức kinh doanh có vai trò gì?

2. Các biểu hiện của đạo đức kinh doanh

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp 1

Nhiều năm qua, Công ty A được bình chọn là Thương hiệu được chọn mua nhiều nhất trong năm của ngành may mặc. Người tiêu dùng tin tưởng và đánh giá cao các sản phẩm vì công ty luôn trung thực về chất lượng đã cam kết. Nhiều đối tượng khách hàng tìm được sản phẩm ưa thích của mình vì giá cả phù hợp với thu nhập và nhu cầu. Bên cạnh đó, công ty luôn chủ động lấy ý kiến phản hồi để điều chỉnh sản phẩm của mình cũng như thực hiện các chính sách chăm sóc khách hàng tận tâm, tận tụy.

Trường hợp 2

Công ty B luôn đặt chữ tín, trách nhiệm doanh nghiệp lên hàng đầu. Đồng thời, công ty áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới để vận hành phát triển và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khẳng định vị thế, xứng đáng với sự tin yêu của người tiêu dùng. Đối với người lao động, công ty thực hiện đảm bảo lợi ích chính đáng (tiền lương, điều kiện lao động, bảo hiểm, chế độ chính sách,...) theo đúng cam kết. Chính những điều đó đã làm cho các nhân viên trong công ty gắn bó lâu dài và luôn tận tâm, tận tuỵ trong công việc.

Trường hợp 3.

Công ty P chuyên sản xuất và kinh doanh mĩ phẩm. Công ty đã mua nguyên liệu, máy móc, bao bì, tem nhãn để sản xuất đóng gói mĩ phẩm ghi nhãn của một số cơ sở trong và ngoài nước để bán kiếm lời.

– Em hãy xác định các hành vi, việc làm phù hợp/ chưa phù hợp với đạo đức kinh doanh trong các trường hợp trên.

– Em hãy kể thêm các biểu hiện khác của đạo đức kinh doanh và lấy ví dụ minh hoạ.

– Em hãy liệt kê các hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh và đề xuất cách xử lí của em đối với hành vi đó.

– Đạo đức kinh doanh là một tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn và kiểm soát hành vi của các chủ thể kinh doanh.

– Vai trò của đạo đức kinh doanh:

+ Thay đổi thái độ, điều chỉnh hành vi của các chủ thể theo hướng tích cực;

+ Nâng cao danh tiếng, tạo lập niềm tin, uy tín với khách hàng;

+ Nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp;

+ Góp phần xây dựng quan hệ xã hội lành mạnh, có trách nhiệm – nghĩa tình – văn minh – hiện đại.

– Biểu hiện của đạo đức kinh doanh:

+ Giữ chữ tín, trung thực, trách nhiệm, tôn trọng và bảo vệ lợi ích của khách hàng; hướng đến lợi ích chung và có lợi cho nhiều người.

+ Thể hiện trong các mối quan hệ cụ thể:

- Giữa chủ thể sản xuất kinh doanh với khách hàng: giữ chữ tín, thực hiện đúng nghĩa vụ và cam kết; trung thực, trách nhiệm trong kinh doanh; không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng,...
- Giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh với người lao động: tôn trọng, đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động theo đúng cam kết; đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.
- Giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh với cộng đồng, xã hội: tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh với nhau: vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Đạo đức kinh doanh đòi hỏi các doanh nghiệp chỉ cần giữ gìn tính trung thực trong các hoạt động kinh tế.

b. Nhà kinh doanh trung thực, có trách nhiệm và luôn bảo đảm chất lượng sản phẩm sẽ được khách hàng đánh giá cao, doanh thu doanh nghiệp tăng lên.

c. Giữ gìn đạo đức trong kinh doanh sẽ duy trì và hoàn thiện thái độ, hành vi của nhà kinh doanh theo hướng đúng đắn, tốt đẹp, có lợi cho người tiêu dùng và xã hội.

d. Đạo đức kinh doanh giúp thay đổi thái độ, điều chỉnh hành vi theo hướng có lợi cho nhà kinh doanh.

2. Em hãy nhận xét việc làm của doanh nghiệp M và chỉ ra các biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong trường hợp sau:

Từ khi khởi nghiệp, doanh nghiệp M đã xuất phát từ nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng để chủ động đổi mới và sáng tạo trong việc tạo ra nhiều loại sản phẩm độc đáo, có chất lượng. Người tiêu dùng ngày càng tin tưởng vào các sản phẩm của doanh nghiệp, thị phần được mở rộng, năng lực cạnh tranh cùng danh tiếng của doanh nghiệp từng bước nâng cao. Đồng thời, doanh nghiệp cũng ngày càng chú trọng phát triển quan hệ, hỗ trợ cộng đồng với những việc làm có ý nghĩa thiết thực.

3. Em hãy chỉ rõ vai trò của đạo đức kinh doanh trong các trường hợp sau:

a. Bà K là giám đốc của một công ty thời trang lớn. Trong việc quản lí, bà biết thông cảm với những sai sót của nhân viên, hướng dẫn họ cách khắc phục. Những nhân viên có sáng kiến tốt, giúp tăng năng suất lao động đều nhận được khen thưởng theo chế độ đãi ngộ công minh, bình đẳng. Bà K cũng thường xuyên quan tâm, hỗ trợ những gia đình công nhân, nhân viên gặp khó khăn trong cuộc sống. Do vậy, đội ngũ công nhân viên luôn gắn bó và hết lòng cống hiến cho công ty.

b. Anh Q, Giám đốc Công ty A là một doanh nhân bản lĩnh. Với kinh nghiệm thương trường dày dặn, anh đã xác lập được mối quan hệ rộng rãi, uy tín với nhiều đối tác quan trọng. Các đối tác rất hài lòng với phong cách làm việc vừa quyết đoán, vừa linh hoạt, mềm dẻo của anh. Anh Q luôn duy trì quan hệ vừa hợp tác cùng có lợi, vừa kiên quyết cạnh tranh lành mạnh để bảo vệ các nhãn hiệu, thương hiệu với chất lượng độc đáo của công ty. Do vậy, danh tiếng và năng lực cạnh tranh của công ty luôn giữ vững trên thị trường trong và ngoài nước.

4. Em hãy chỉ ra những biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp B và nhận xét về việc làm của anh P trong tình huống sau:

Anh P có bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh và có kinh nghiệm ba năm làm trợ lí giám đốc ở nước ngoài. Vừa về nước, anh được bổ giao quyền điều hành doanh nghiệp B. Anh biết doanh nghiệp này từng bị xử phạt về vệ sinh an toàn thực phẩm và đang

gặp rất nhiều khó khăn vì đánh mất niềm tin của người tiêu dùng, cũng như các đối tác. Sau một thời gian đấu tranh với các quan điểm kinh doanh không phù hợp của ban giám đốc, anh từng bước tạo dựng niềm tin với người tiêu dùng bằng các sản phẩm chất lượng, đúng cam kết. Ngoài ra, anh chú trọng thu hút nhân viên với các chính sách đãi ngộ và học hỏi kinh nghiệm của các doanh nghiệp khác. Năm năm sau, doanh nghiệp B phát triển lớn mạnh và được đề cử giải thưởng "Doanh nghiệp hội nhập và phát triển" của tỉnh nhà. Phóng viên C của một tờ báo uy tín trong tỉnh tìm gặp và phỏng vấn anh P về nền tảng giúp doanh nghiệp từng mất uy tín trong kinh tế thị trường vươn lên thành công, anh P chia sẻ doanh nghiệp đã thực hiện việc đổi mới quan niệm kinh doanh theo hướng trung thực, giữ chữ tín về chất lượng sản phẩm và các đơn hàng. Anh biết cách dựa vào nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng để chủ động đổi mới và sáng tạo các sản phẩm phù hợp. Doanh nghiệp cũng đối xử bình đẳng và đảm bảo các quyền lợi của người lao động và của các đối tác kinh doanh.

5. Em hãy nhận xét việc làm và đưa ra lời khuyên cho bà B và ông T trong các trường hợp sau:

a. Bà B là chủ cửa hàng kinh doanh hải sản. Để bảo quản mực, tôm không bị hư hỏng và bán được lâu, bà đã ngâm những thực phẩm này vào chậu nước có chứa hoá chất. Theo bà, nếu dùng ít hoá chất sẽ không ảnh hưởng nhiều đến sức khoẻ.

b. Doanh nghiệp A có đội ngũ nhân viên nhiều kinh nghiệm. Gần đây, Ông T – giám đốc mới đã giảm lương nhân viên và cắt giảm các chế độ đãi ngộ khiến nhiều nhân viên than phiền. Nhiều nhân viên đã viết đơn xin nghỉ việc khiến ông T rất lo lắng.

VẬN DỤNG

Em hãy sưu tầm một tấm gương doanh nhân tiêu biểu, cho biết những phẩm chất đạo đức kinh doanh của nhân vật đó và chia sẻ điều em có thể học tập, vận dụng đối với bản thân

CHỦ ĐỀ 6: VĂN HOÁ TIÊU DÙNG

BÀI 9

VĂN HOÁ TIÊU DÙNG

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế.
– Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng.
– Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.
– Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá.
– Phê phán những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng, tuyên truyền vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá.

MỞ ĐẦU

Văn hoá tiêu dùng là một bộ phận quan trọng của nền văn hoá dân tộc, thể hiện các giá trị văn hoá của con người Việt Nam trong sản xuất và tiêu dùng. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế hiện nay, tìm hiểu đặc điểm và đưa ra biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng là góp phần giữ gìn và phát huy nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

▶ ***Em hãy chia sẻ cùng các bạn một số hành vi tiêu dùng có văn hoá ở Việt Nam***

KHÁM PHÁ

1. Vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Phát triển bền vững và xu hướng tiêu dùng sản phẩm xanh đang là xu hướng phổ biến trên thế giới. Việt Nam cũng không nằm ngoài dòng chảy này. Các doanh nghiệp chú trọng sản xuất xanh, tạo ra sản phẩm tốt cho sức khoẻ và lan toả lối sống xanh, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường đến cộng đồng.

(Theo Báo điện tử Chính phủ, *Tiêu dùng bền vững: Xu hướng cần được doanh nghiệp nắm bắt để phát triển*, ngày 14 – 9 – 2022)

Trường hợp

Trong quá trình phát triển, Công ty A luôn xác định mục đích của quá trình sản xuất là hướng đến người tiêu dùng. Nhận thấy nhu cầu tiêu dùng sản phẩm điện tử, thiết bị gia dụng thông minh tăng nhanh trong thời gian gần đây, công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất, cung ứng các thiết bị, phụ kiện và dịch vụ sửa chữa đi kèm. Chính việc chuyển đổi mục đích sản xuất này đã giúp công ty mang về lợi nhuận cao, đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng.

– Em hãy cho biết xu hướng tiêu dùng sản phẩm xanh trong xã hội hiện nay có vai trò như thế nào?

– Theo em, tiêu dùng có vai trò gì đối với sự phát triển kinh tế và xã hội?

2. Khái niệm văn hoá tiêu dùng

▶ ***Em hãy đọc thông tin sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN

Văn hoá có ảnh hưởng rất lớn đến tập quán, thói quen trong tiêu dùng. Những giá trị văn hoá đi sâu vào tâm lí, tạo ra các chuẩn mực, ảnh hưởng đến ý thức và hành vi tiêu dùng của cộng đồng. Khi tiêu dùng, mọi sở thích, mong muốn, tiêu chí lựa chọn hàng hoá,... đều phản ánh rõ nét những giá trị văn hoá của cộng đồng mà người đó đã và đang chịu ảnh hưởng.

Tập quán tiêu dùng biểu hiện ý nghĩa văn hoá của sự tiêu dùng: đúng – sai, tốt – xấu,... tuỳ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể. Tập quán tiêu dùng của xã hội và cá nhân trở thành văn hoá khi nó phù hợp với hoàn cảnh kinh tế – xã hội của một nhóm (cộng đồng) trong một không gian, thời gian cụ thể. Nét văn hoá này mang cả một chiều sâu triết lí, ý thức tiêu dùng bắt nguồn từ truyền thống mấy nghìn năm của dân tộc. Văn hoá tiêu dùng là một bộ phận quan trọng của nền văn hoá dân tộc, thể hiện các giá trị văn hoá của con người Việt Nam trong tiêu dùng cá nhân và trong tiêu dùng sản phẩm.

(Theo Tạp chí Lí luận chính trị, *Văn hoá tiêu dùng – một góc nhìn lí luận*, ngày 24 – 10 – 2017)

– Em hãy xác định yếu tố hình thành văn hoá tiêu dùng trong các thông tin trên.

– Em hãy nêu cách hiểu của em về văn hoá tiêu dùng.

3. Vai trò của văn hoá tiêu dùng

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Các sản phẩm và dịch vụ văn hoá không chỉ có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, thực hiện chức năng giải trí, mà còn góp phần thực hiện chức năng giáo dục, bồi đắp các giá trị thẩm mĩ, chức năng kế tục và phát triển lịch sử. Mỗi sản phẩm và dịch vụ văn hoá luôn chứa đựng giá trị văn hoá truyền thống cũng như giá trị văn hoá hiện đại của dân tộc. Vì vậy, với những sản phẩm và dịch vụ văn hoá lành mạnh, việc tiêu dùng chúng sẽ góp phần nâng cao nhận thức của bản thân người sử dụng. Đó chính là chức năng giáo dục, định hướng giá trị, giải trí,... cho người tiêu dùng của các sản phẩm và dịch vụ văn hoá.

(Theo Tạp chí Cộng sản, *Phát triển sản phẩm và dịch vụ văn hoá ở nước ta hiện nay*, ngày 13 – 12 – 2021)

Trường hợp

Nắm bắt được xu hướng tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường, có yếu tố "xanh", hữu cơ, có thể tái chế,... Công ty T đã nhanh chóng chuyển sang sản xuất, cung ứng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chí xanh, sạch, minh bạch thông tin sản phẩm. Bên cạnh đó, công ty T luôn chọn lọc kĩ yếu tố đầu vào của sản xuất, không ngừng đổi mới, sáng tạo, ứng dụng công nghệ hiện đại, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, đưa ra các chính sách khuyến mãi nhằm kích cầu tiêu dùng các sản phẩm. Điều đó góp phần bảo đảm sản xuất bền vững, thúc đẩy sự phát triển hài hoà kinh tế, văn hoá, xã hội.

?

Văn hoá tiêu dùng có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế và xã hội?

4. Một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam

▶ ***Em hãy đọc các thông tin sau, quan sát biểu đồ và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN 1

Nhắc đến Tết, không thể không nhắc đến những hoạt động khác được tổ chức xung quanh ngày Tết như các trò chơi dân gian, những phiên chợ Tết, phiên chợ hoa. Các phiên chợ Tết, chợ hoa cũng được tổ chức vào mỗi dịp xuân về để tăng thêm sự rộn ràng và hương vị của ngày Tết. Đối với người Việt Nam, ngày Tết thường diễn ra vào ba ngày chính, nhưng trước đó một tuần, người dân đã rậm rịch sắm Tết. Loài hoa đặc trưng mà người miền Bắc và miền Trung chơi Tết là hoa đào, còn người miền Nam lại chuộng hoa mai. Mâm ngũ quả cũng là một món đồ trang trí không thể thiếu của người Việt. Đây cũng là điểm khác biệt của hai miền Nam, Bắc. Bởi vì, đặc trưng mâm ngũ quả của người Bắc là bưởi, chuối, hồng, quýt và ớt. Còn miền

Nam lại là những quả mãng cầu, sung, dừa, đu đủ, xoài,... Trong những ngày này, đi đến đâu chúng ta cũng có thể thấy được không khí rộn ràng, tất bật rất đặc trưng. Đặc biệt là trẻ con, háo hức vì được đi chơi, mua sắm quần áo mới.

(Theo Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, *Giữ gìn, phát huy nét đẹp văn hoá Tết cổ truyền của dân tộc Việt Nam*, ngày 28 – 1 – 2022)

THÔNG TIN 2

Thói quen mua hàng của người tiêu dùng Việt Nam tại thị trường nội địa cũng dần dịch chuyển từ mua hàng truyền thống sang hình thức mua hàng online thông qua phương tiện điện tử. Kết quả điều tra, khảo sát của Bộ Công Thương cho thấy, tính đến năm 2020, Việt Nam có 49,3 triệu người tham gia mua sắm trực tuyến (số liệu này năm 2016 mới chỉ ghi nhận 32,7 triệu người).

(Theo Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, *Thương mại điện tử trở thành xu hướng tất yếu*, ngày 29 – 11 – 2021)

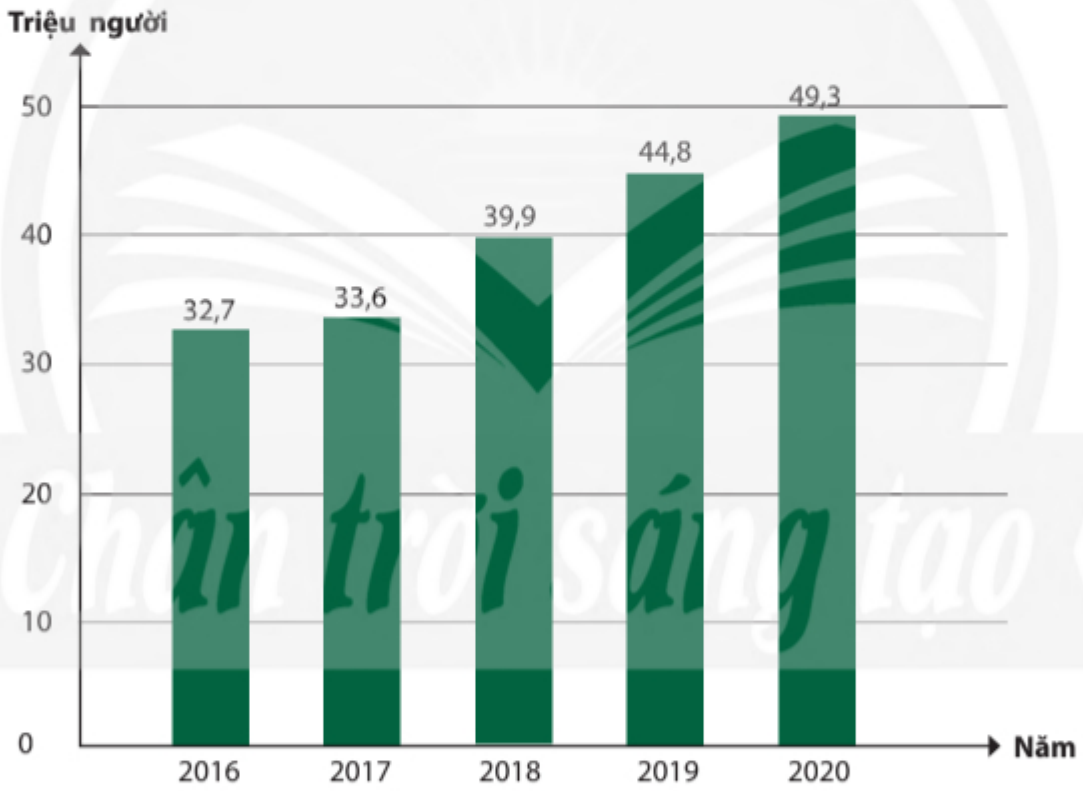

Biểu đồ thể hiện lượng người mua sắm trực tuyến qua các năm

(Nguồn: Sách trắng thương mại điện tử Việt Nam năm 2021)

Trường hợp 1

Thu nhập của anh A tăng nhanh trong những năm gần đây, tác động đến hành vi tiêu dùng. Ngoài ra, giá cả cũng là yếu tố quan trọng trong những quyết định tiêu dùng của anh. Anh A tiêu dùng ngày càng thông minh và kĩ tính hơn, quan tâm đến các thông tin về sản phẩm như nguồn gốc xuất xứ, mẫu mã, chất lượng.

Trường hợp 2

Chị T mong mỏi, tin tưởng vào hàng Việt Nam ngày càng có giá trị cao về thẩm mĩ và giá trị sử dụng, có thể cạnh tranh với sản phẩm có nguồn gốc nước ngoài. Để làm được điều đó, theo chị T, Nhà nước cần tập trung vận động phong trào "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" nhằm làm cho cầu và tiêu dùng tăng nhanh, tạo cơ hội để thúc đẩy các doanh nghiệp, nhà thương mại nói chung phát triển sản xuất, cải tiến kĩ thuật, tái cơ cấu tổ chức,...

– Quan sát biểu đồ và cho biết sự thay đổi số lượng người mua sắm trực tuyến của Việt Nam qua các năm.

– Em hãy trình bày đặc điểm của văn hoá tiêu dùng Việt Nam thể hiện qua các thông tin, trường hợp trên.

5. Biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN 1

Căn cứ Chỉ thị 03-CT/TW ngày 19 – 5 – 2021 của Ban Bí Thư Trung ương Đảng: tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ triển khai Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", đảm bảo thiết thực, hiệu quả trong tình hình mới; tạo sự thống nhất đồng bộ từ Trung ương đến các địa phương về triển khai các nội dung Cuộc vận động; tiếp tục phát huy vai trò của các doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc của người dân Việt Nam; xây dựng văn hoá sản xuất kinh doanh và tiêu dùng Việt Nam. Theo đó, nội dung trọng tâm của Cuộc vận động trong năm 2022 là tập trung vào công tác tuyên truyền; rà soát các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương. Tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường; nâng cao hiệu quả công tác giám sát, khảo sát. Tập trung vào các hoạt động thường xuyên kiểm tra, kiểm soát thị trường; xử lí nghiêm các hành vi gian lận thương mại, vận chuyển, mua bán hàng giả, hàng kém chất lượng. Đồng thời, khảo sát việc đăng kí nhãn hàng Việt Nam của các doanh nghiệp sản xuất; hoạt động tạm nhập tái xuất; việc thực hiện cam kết của các doanh nghiệp bán lẻ về tỉ lệ hàng hoá có xuất xứ Việt Nam, về tỉ trọng hàng Việt trong các trung tâm thương mại, chợ truyền thống,... Một trong những hoạt động trọng tâm khác là tổ chức các chương trình tuyên dương doanh nghiệp tiêu biểu, bình chọn sản phẩm chất lượng. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

(Trích *Chỉ thị 03-CT/TW ngày 19 – 5 – 2021 của Ban Bí Thư Trung ương Đảng*, ngày 19 – 5 – 2021)

THÔNG TIN 2

Chương trình bình chọn "Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích" là một trong những hoạt động quan trọng trong việc xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt với hàng Việt, kết nối cung cầu, thúc đẩy sản xuất tiêu thụ hàng Việt trên thị trường. Đồng thời, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp có ý thức sản xuất hàng hoá chất lượng cao, tăng khả năng cạnh tranh cho thương hiệu Việt, đẩy mạnh thực hiện thiết thực hiệu quả cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

(Theo Cổng thông tin Đảng Cộng sản Việt Nam, *Hà Nội: Tôn vinh 213 sản phẩm hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích*, ngày 12 – 11 – 2022)

Trường hợp 1

Công ty M trong quá trình sản xuất và kinh doanh luôn đặt tiêu chí chất lượng sản phẩm lên hàng đầu. Vì vậy, họ tập trung cải tiến máy móc, dây chuyền sản xuất, chọn lọc những nguồn nguyên liệu chất lượng,... Từ khi thành lập, Công ty M đã giải quyết vấn đề việc làm cho hàng nghìn người lao động. Đồng thời, ngoài việc đóng thuế, công ty luôn gắn lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội thông qua việc trích một khoản lợi nhuận để xây dựng đường xá, trường học, trao học bổng khuyến học cho những em học sinh các vùng khó khăn.

Trường hợp 2

Nhận thức được tác hại của túi ni lông với môi trường, chị T đã chuyển sang sử dụng túi vải khi đi chợ. Chị không còn mua sắm theo thói quen, sở thích. Chị ưu tiên mua và sử dụng hàng hoá do doanh nghiệp Việt Nam cung ứng, phù hợp với năng lực tài chính, nhu cầu của gia đình, tốt cho sức khoẻ, không gây hại môi trường và phù hợp chuẩn mực văn hoá chung. Bên cạnh đó, chị T còn vận động bạn bè, người thân sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

?

– *Nhà nước Việt Nam có những chính sách và biện pháp nào để xây dựng văn hoá tiêu dùng và bảo vệ người tiêu dùng?*

– *Mục đích và ý nghĩa của cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt" là gì?*

– *Chủ thể trong các trường hợp trên đã làm gì để góp phần xây dựng văn hoá tiêu dùng?*

– Vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế:

+ Tiêu dùng là mục đích, động lực của sản xuất, kích thích sản xuất, thúc đẩy kinh tế phát triển.

+ Tiêu dùng thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng, mang lại lợi nhuận cho người sản xuất.

– Khái niệm văn hoá tiêu dùng: Văn hoá tiêu dùng là tổng thể các yếu tố giá trị, chuẩn mực, tâm lí tạo nên tập quán tiêu dùng biểu hiện qua hành vi tiêu dùng của một cộng đồng nhất định.

– Vai trò của văn hoá tiêu dùng:

+ Góp phần giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống về tiêu dùng và tiếp thu các giá trị hiện đại.

+ Văn hoá tiêu dùng tác động đến chiến lược sản xuất kinh doanh của các chủ thể, đặc biệt là chiến lược về sản phẩm.

– Đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam:

+ Tính kế thừa: Trong tiêu dùng có sự kế thừa truyền thống của dân tộc, mang bản sắc văn hoá Việt Nam.

+ Tính giá trị: Tiêu dùng hướng tới các giá trị tốt đẹp.

+ Tính thời đại: Thói quen, hình thức, cách thức tiêu dùng đa dạng, phù hợp với sự phát triển của xã hội.

+ Tính hợp lí: Tiêu dùng dựa trên giá cả hàng hoá, thu nhập và nhu cầu của người tiêu dùng.

– Biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam:

+ Đối với Nhà nước: Ban hành chính sách, pháp luật bảo vệ người sản xuất và người tiêu dùng; tuyên truyền nâng cao ý thức tôn vinh hàng Việt Nam; tạo kênh kết nối giữa nhà sản xuất với người tiêu dùng.

+ Đối với doanh nghiệp: Cung ứng sản phẩm có chất lượng, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.

+ Đối với người tiêu dùng: Tiêu dùng có trách nhiệm và thực hiện tốt các hành vi tiêu dùng có văn hoá.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Khâu đầu tiên của quá trình tái sản xuất, động lực, mục đích của sản xuất là tiêu dùng.

b. Tiêu dùng chỉ có vai trò thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng.

c. Chiến lược sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp vừa hướng tới lợi nhuận, vừa phải đáp ứng các giá trị tốt đẹp.

d. Doanh nghiệp biết phát huy các giá trị truyền thống và tiếp thu các giá trị hiện đại sẽ tạo được những sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường hội nhập quốc tế.

2. Em hãy nhận xét về việc làm của chủ thể kinh tế trong các trường hợp sau:

a. Chị B vận động các bạn tích cực tham gia Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

b. Chị A ưu tiên lựa chọn sản phẩm nhựa, sử dụng một lần vì sự tiện lợi.

c. Anh P lựa chọn hình thức thanh toán không dùng tiền mặt mỗi khi mua sắm vì sự thuận tiện.

d. Doanh nghiệp M đổi mới, sáng tạo, ứng dụng công nghệ hiện đại, học hỏi kinh nghiệm của các doanh nghiệp khác trong xây dựng văn hoá tiêu dùng.

3. Em hãy xác định đặc điểm văn hoá tiêu dùng trong các trường hợp sau:

a. Gia đình chị A thường lựa chọn mua sắm hàng hoá ở các siêu thị, trung tâm thương mại. Theo chị A, ưu điểm của kênh siêu thị so với các hình thức thương mại truyền thống trước tiên là giá cả hàng hoá được niêm yết, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, nhờ đó, tạo dựng sự tin tưởng và an tâm nhất định cho khách hàng. Tiếp đến là sự đa dạng về mẫu mã, chủng loại sản phẩm từ hàng trăm, thậm chí hàng nghìn thương hiệu trong nước lẫn quốc tế, cùng các chương trình ưu đãi hấp dẫn luôn được cập nhật thường xuyên, công khai. Đây cũng chính là lí do khiến xu hướng tiêu dùng hiện đại đang có sự dịch chuyển mạnh mẽ sang các kênh siêu thị, trung tâm thương mại.

b. Trước đây, khi tiêu dùng, anh D chủ yếu quan tâm đến lợi ích đối với sức khoẻ, giá cả và niềm tin vào nhãn hàng, thì nay có thêm yếu tố "tái chế". Anh ưu tiên lựa chọn những sản phẩm có thể tái chế, sử dụng nhiều lần thay vì một lần. Mỗi ngày, anh đều chia sẻ trên trang mạng xã hội những thông tin khuyến khích mọi người nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong tiêu dùng.

4. Em hãy nhận xét về biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng của chủ thể trong các trường hợp sau:

a. Công ty A khi đưa ra chiến lược kinh doanh, quảng cáo các sản phẩm luôn chú ý đến yếu tố mang tính truyền thống, bản sắc dân tộc và sức khoẻ người tiêu dùng.

Công ty A chú trọng đầu tư, cải tiến mẫu mã, chất lượng sản phẩm và đặc biệt là chính sách chăm sóc khách hàng chu đáo.

b. Anh B cho rằng, người tiêu dùng phải biết tự bảo vệ mình; cần có kiến thức, thông tin nhất định về chất lượng, giá cả, nguồn gốc xuất xứ,... trước khi ra quyết định lựa chọn tiêu dùng sản phẩm. Khi phát hiện có dấu hiệu bất thường về sản phẩm của doanh nghiệp, chúng ta cần báo với cơ quan có liên quan để giải quyết kịp thời.

5. Em hãy xử lí các tình huống sau:

a. Em và bạn A vào nhà hàng tự chọn. bạn A có thói quen lấy nhiều thức ăn nhưng không sử dụng hết. Điều này khiến nhân viên nhà hàng rất khó chịu

b. Chị B rất thích mua sắm trên sàn thương mại điện tử. Chị thường xuyên sử dụng thẻ tín dụng thanh toán trực tuyến để mua nhiều món hàng mới lạ, độc đáo để khoe với bạn bè dù không có nhu cầu sử dụng.

– Em sẽ đưa ra lời khuyên như thế nào đối với bạn A?

– Nếu là người thân, em sẽ đưa ra lời khuyên gì cho chị B?

VẬN DỤNG

1. Em hãy sưu tầm và chia sẻ thông tin, câu chuyện về văn hoá tiêu dùng

2. Em hãy vẽ tranh tuyên truyền với chủ đề "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"

Chân trời sáng tạo

PHẦN HAI

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

CHỦ ĐỀ 7: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN

BÀI 10

QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRƯỚC PHÁP LUẬT

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí).

– Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật đối với đời sống con người và xã hội.

– Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.

– Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.

MỞ ĐẦU

Quyền bình đẳng là thành quả đấu tranh lâu dài của nhân loại tiến bộ qua những thời kì lịch sử khác nhau. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật được Nhà nước tôn trọng, bảo vệ và ghi nhận trong Hiến pháp và luật.

▶ ***Em hãy đọc thông tin sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN

Điều 1 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền năm 1948 quy định:

"Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền. Họ được ban cho lí trí và lương tâm và cần đối xử với nhau bằng tình anh em."

Em hãy cho biết ý nghĩa của quy định trên.

KHÁM PHÁ

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

a. Quy định chung về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

– Điều 15 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

2. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.

3. Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội.

4. Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác."

– Điều 16 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội."

Trường hợp

Thành phố H tiến hành cải tạo, sửa chữa vỉa hè cho người đi bộ, trong đó, tập trung xây dựng thêm đường trượt dành cho người khuyết tật đi xe lăn, lát gạch có rãnh lõm dành cho người khiếm thị. Các hoạt động này không những giúp cho người khuyết tật đi lại dễ dàng mà còn thể hiện chính sách quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ những người yếu thế trong xã hội.

?

– Vì sao Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật?

– Việc làm của thành phố H thể hiện nội dung nào trong quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật?

b. Quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN

– Khoản 1 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kì lí do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản".

– Khoản 1 Điều 8 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Trong tố tụng dân sự, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần

xã hội, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, địa vị xã hội. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân đều bình đẳng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng trước Toà án".

– Điều 17 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định:

"1. Trong tố tụng hành chính, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, địa vị xã hội.

2. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân bình đẳng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong tố tụng hành chính trước Toà án.

3. Toà án có trách nhiệm tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình."

– Điều 9 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định: "Tố tụng hình sự được tiến hành theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần và địa vị xã hội. Bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lí theo pháp luật. Mọi pháp nhân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế".

Trường hợp

Toà án nhân dân huyện X mở phiên toà xét xử vụ án dân sự về tranh chấp tài sản giữa bà A và bà B. Tại phiên toà, Thẩm phán giải thích các đương sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, có các quyền do luật định, trong đó có quyền đưa ra chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

– Em hãy cho biết quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật được quy định như thế nào trong lĩnh vực dân sự, hành chính, hình sự.

– Em hãy cho biết việc pháp luật quy định bà A và bà B có quyền đưa ra chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình có phải là biểu hiện của bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân không. Vì sao?

c. Quy định pháp luật về bình đẳng về trách nhiệm pháp lí của công dân

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

– Điểm b khoản 1 Điều 3 Luật Xử lí vi phạm Hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: "Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật".

– Điểm a, b khoản 1 Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Đối với người phạm tội:

a. Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lí nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật;

b. Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội."

Trường hợp

Theo báo cáo của Toà án nhân dân huyện Y, trong năm 2022, tất cả những vụ án, quyết định của toà án đều được xét xử khách quan, công bằng và nghiêm minh. Người phạm tội bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội. Qua đó, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Y.

?

– *Theo em, quyền bình đẳng của công dân về trách nhiệm pháp lí biểu hiện như thế nào?*
– *Theo em, người phạm tội bình đẳng trước pháp luật có phải là biểu hiện của bình đẳng về trách nhiệm pháp lí của công dân không? Vì sao?*

2. Ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

"Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc."

Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi."

(Trích *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 4*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 1)

Trường hợp

Tỉnh H thực hiện nhiều chính sách nhằm xoá bỏ khoảng cách, đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên địa bàn như: chính sách xoá đói giảm nghèo, chính sách hỗ trợ học tập, phát triển văn hoá dân tộc,... Qua năm năm thực hiện, các chính sách của tỉnh H đã góp phần giúp đỡ đồng bào các dân tộc phát triển, đem lại những kết quả tích cực về kinh tế, văn hoá, xã hội.

?

– *Quyền bình đẳng giữa các dân tộc có ý nghĩa như thế nào?*
– *Những chính sách của tỉnh H đã đem lại lợi ích gì cho sự phát triển của tỉnh này?*

3. Thực hiện pháp luật về quyền bình đẳng của công dân

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Trường hợp 1

Gia đình bà A thuộc diện hộ nghèo nên các con của bà được miễn học phí theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, Trường Trung học phổ thông C, nơi các con bà A theo học lớp 11, vẫn yêu cầu đóng học phí. Nhà trường cho rằng gia đình bà không thuộc diện miễn học phí mặc dù bà A đã xuất trình sổ hộ nghèo của gia đình.

Trường hợp 2

C (nam) và D (nữ) điều khiển xe gắn máy mà không có giấy phép lái xe. Cả hai bị cảnh sát giao thông yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Cảnh sát K chỉ nhắc nhở D, còn C bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

?

– *Việc làm của Trường Trung học phổ thông C có vi phạm quyền bình đẳng của công dân về quyền và nghĩa vụ không? Vì sao?*

– *Hành vi của cảnh sát giao thông K có vi phạm quyền bình đẳng của công dân về trách nhiệm pháp lí không? Vì sao?*

▶ ***Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Chị T mắc bệnh xương thuỷ tinh bẩm sinh. Căn bệnh khiến cuộc sống của chị gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, chị T chưa bao giờ tự ti về bản thân. Chị luôn giữ tinh thần lạc quan, hi vọng về tương lai. Nhờ chính sách của Nhà nước về hỗ trợ vốn để phát triển hoạt động kinh tế, chị đã mở lớp dạy làm đồ thủ công miễn phí cho người khuyết tật. Những sản phẩm của chị được mọi người ưa chuộng. Với những cố gắng vượt bậc, chị đã xây dựng được doanh nghiệp sản xuất đồ thủ công với thương hiệu "T Handmade". Những việc làm của chị T đã khơi dậy sự tự tin của những người khuyết tật, lan toả tinh thần tương thân, tương ái trong cộng đồng.

?

– *Chị T được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước có phải là biểu hiện của việc thực hiện quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân không? Vì sao?*

– *Em đã làm gì để góp phần thực hiện quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân?*

– Các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật:

+ Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật nghĩa là mọi công dân, không phân biệt nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

+ Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ:

- Công dân bình đẳng về việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của công dân không tách rời nhau.
- Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần và địa vị xã hội.

+ Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí: Bất kì công dân dù ở vị trí nào, làm nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lí, hành chính, dân sự, hình sự, kỉ luật về hành vi vi phạm của mình và bị xử lí theo quy định của pháp luật. Công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ như nhau thì phải chịu trách nhiệm pháp lí như nhau.

– Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống con người và xã hội; giúp đảm bảo quyền và lợi ích tối thiểu của con người; đảm bảo công bằng dân chủ; định hướng cho việc xây dựng, giải thích và áp dụng pháp luật đối với đời sống con người và xã hội.

– Công dân có trách nhiệm học tập biết được quy định về quyền bình đẳng công dân trước pháp luật; cần có ý thức tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật; tuyên truyền và vận động mọi người xung quanh cùng thực hiện.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Quyền công dân độc lập với nghĩa vụ công dân.

b. Mọi cá nhân đều phải chịu trách nhiệm pháp lí như nhau.

c. Trong mọi quan hệ pháp luật, Nhà nước và các chủ thể khác bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ pháp lí.

d. Quyền và nghĩa vụ của công dân được phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần và địa vị xã hội.

e. Công dân ở bất kì độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lí như nhau.

g. Thực hiện bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân góp phần đảm bảo công bằng dân chủ, văn minh.

2. Em hãy cho biết hành vi nào dưới đây vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

a. Công ty X buộc chị M thôi việc trong thời gian đang nuôi con tám tháng tuổi.

b. Chính sách miễn giảm học phí của Nhà nước đã tạo điều kiện giúp đỡ nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến trường.

c. Cảnh sát giao thông xử phạt người tham gia giao thông đường bộ vi phạm trật tự an toàn giao thông, bất kể người đó là ai.

d. Toà án nhân dân tỉnh T xét xử vụ án kinh tế trong tỉnh, không phụ thuộc vào người bị xét xử là cán bộ lãnh đạo hay nhân viên.

e. Công ty K đã xếp anh M được hưởng mức lương cao hơn anh N mặc dù vị trí công việc, trình độ, kinh nghiệm của cả hai giống nhau, mà không có thoả thuận lao động tập thể.

3. Em hãy thực hiện các bài tập sau:

a. Theo khoản 2 Điều 7 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 06 – 6 – 2022, các thí sinh người dân tộc thiểu số, con thương binh, con liệt sĩ khi xét tuyển Đại học sẽ được cộng hai điểm.

Quy định điểm ưu tiên trong thông tin trên có vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong học tập không? Vì sao?

b. Anh T là giám đốc doanh nghiệp tư nhân có nhiều đóng góp cho địa phương X. Một lần, do trễ giờ làm, anh đã vượt đèn đỏ, lấn vạch khi tham gia giao thông. Hành vi của anh T đã bị cảnh sát giao thông lập biên bản và xử phạt hành chính. Anh T đề nghị bỏ qua vì cho rằng mình có vị trí trong xã hội và có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương. Cảnh sát giao thông không đồng ý và yêu cầu anh T phối hợp thực hiện.

– Theo em, lời đề nghị của anh T trong trường hợp trên có phù hợp không? Vì sao?

– Cảnh sát giao thông không đồng ý với đề nghị của anh T có đảm bảo quyền bình đẳng của công dân về trách nhiệm pháp lí không? Vì sao?

c. Chị B là thư kí giám đốc của Công ty Y. Do phải thường xuyên đi công tác, chị B ít có thời gian chăm sóc gia đình. Sau khi chị kết hôn với anh T được một năm, anh T yêu cầu chị phải nghỉ việc. Anh chia sẻ, phụ nữ phải có trách nhiệm chăm lo cho gia đình. Kiếm tiền là công việc của đàn ông. Chị B không đồng ý. Anh T tuyên bố, trong gia đình, người chồng là chủ, mọi việc vợ phải nghe và làm theo lời chồng.

Việc anh T yêu cầu chị B nghỉ việc có vi phạm quyền bình đẳng của công dân không? Vì sao?

4. Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi

Hai cơ sở chế biến thực phẩm của ông T và ông K ở cạnh nhau, cùng xả chất thải chưa qua xử lí ra môi trường, gây ô nhiễm nặng. Tuy nhiên, Trưởng đoàn thanh tra chỉ lập biên bản xử phạt và đình chỉ hoạt động đối với cơ sở chế biến của ông K còn cơ sở của ông T vẫn hoạt động bình thường. Theo ông K, việc làm đó là vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. Trưởng đoàn thanh tra vẫn khẳng định mình thực hiện đúng quy định của pháp luật và yêu cầu ông hợp tác thực hiện. Ông K bức xúc vì quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật đã bị xâm phạm.

Theo em, Trưởng đoàn thanh tra có vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật không? Vì sao?

VẬN DỤNG

1. Em hãy viết đoạn văn ngắn thể hiện quan điểm của bản thân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân

2. Em hãy lấy ví dụ trong thực tiễn về một trường hợp vi phạm về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. Đánh giá hành vi vi phạm đó và rút ra bài học cho bản thân

BÀI 11

BÌNH ĐẲNG GIỚI

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, giáo dục và đào tạo, lao động, gia đình, kinh tế, xã hội.

– Nhận biết được ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống con người và xã hội.

– Đánh giá được các hành vi vi phạm bình đẳng giới trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.

– Thực hiện được quy định của pháp luật về bình đẳng giới.

MỞ ĐẦU

Bình đẳng giới là một giá trị văn minh, tiến bộ, có khả năng làm thay đổi xã hội. Pháp luật Việt Nam đã có những quy định về bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thực hiện quy định của pháp luật về bình đẳng giới sẽ góp phần tích cực vào sự phát triển của xã hội.

▶ ***Em hãy cho biết vấn đề được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập trong hai câu thơ sau:***

Đàn bà cũng được tự do,
Bất phân nam nữ cũng cho bình quyền.

(Trích *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 3*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 243)

KHÁM PHÁ

1. Quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, giáo dục và đào tạo, lao động, gia đình, kinh tế, xã hội

a. Quy định của Hiến pháp năm 2013 về bình đẳng giới

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Điều 26 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới;

2. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội;

3. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới."

Trường hợp

Thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030, huyện Y đã tổ chức các lớp tập huấn, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến bình đẳng giới. Ngoài ra, chính quyền huyện còn có các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới trên từng lĩnh vực như: bảo đảm tỉ lệ nữ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn, chính sách vay vốn, hỗ trợ đào tạo nghề cho phụ nữ, hỗ trợ các doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động nữ,... Các hoạt động này đã góp phần giúp nữ giới phát huy vai trò trong xã hội.

?

– Vì sao Hiến pháp năm 2013 có quy định về bình đẳng giới? Những quy định ấy có ý nghĩa gì?

– Bình đẳng giới được biểu hiện như thế nào trong trường hợp trên?

b. Quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

▶ ***Em hãy đọc thông tin, quan sát biểu đồ và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN

Điều 11 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định:

"1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lí nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.

2. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị, xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp.

4. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lí, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

5. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm:

a) Bảo đảm tỉ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới;

b) Bảo đảm tỉ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới."

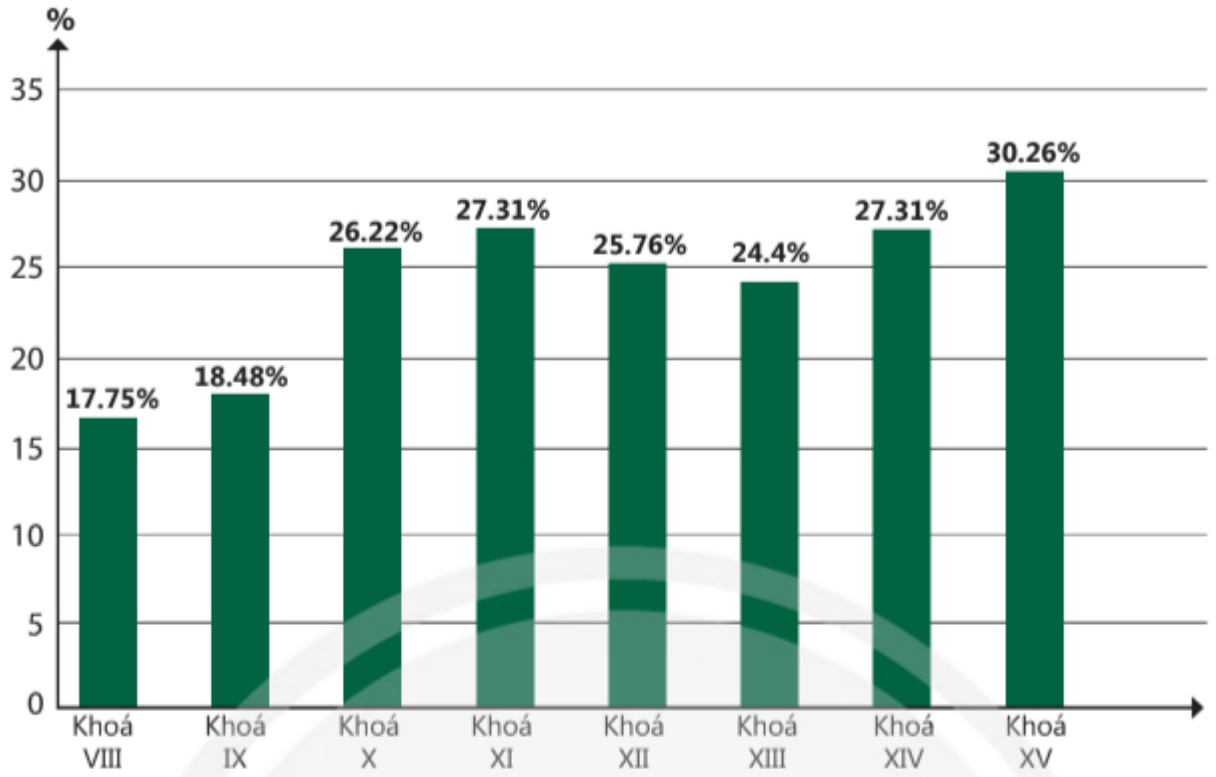

Tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội Việt Nam qua các khoá

(Theo Chuyên trang Công tác cán bộ nữ, *Nữ đại biểu qua các thời kì*, 2021)

– Em hãy giải thích về quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở thông tin trên.

– Từ thông tin, em hãy nhận xét về tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội Việt Nam qua các khoá và lấy ví dụ trong thực tiễn thực hiện về quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

c. Quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

– Điều 39 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập".

– Điều 14 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định:

"1. Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.

2. Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.

3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

5. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bao gồm:

a) Quy định tỉ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo;

b) Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật."

Trường hợp

Thực hiện chính sách bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, xã M đã tổ chức các lớp dạy nghề thêu cho phụ nữ trên địa bàn và mây tre, đan lát cho nam giới. Nhờ hoạt động này, người dân xã M có thêm công việc mới, tận dụng thời gian rảnh rỗi để tăng thêm thu nhập.

?

– Em giải thích như thế nào về quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở thông tin trên? Lấy ví dụ trong thực tiễn về thực hiện quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

– Theo em, việc làm của xã M có phải là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo không? Vì sao?

d. Quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN

Điều 13 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định:

"1. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

2. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh.

3. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động bao gồm:

a) Quy định tỉ lệ nam, nữ được tuyển dụng lao động;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ;

c) Người sử dụng lao động tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ làm việc trong một số ngành, nghề nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại."

Trường hợp

Nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong lao động, Công ty Y đã tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho lao động và quy định về tỉ lệ nam, nữ lao động

được tuyển dụng. Ngoài ra, doanh nghiệp còn thực hiện tốt các chính sách đảm bảo quyền lợi cho lao động nữ về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, chế độ thai sản, điều kiện lao động, an toàn lao động và các chế độ phúc lợi khác đối với lao động nữ.

– Em hãy giải thích về quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động ở thông tin trên và lấy ví dụ thực tiễn về việc thực hiện quyền bình đẳng giới trong lĩnh lực lao động.

– Trình bày suy nghĩ của em về việc làm của Công ty Y trong trường hợp trên.

e. Quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Điều 18 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định:

"1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.

2. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình.

3. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.

4. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.

5. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình."

Trường hợp

Gia đình anh T và chị M có ba người con. Ngoài việc lao động kiếm thu nhập cho gia đình, chị M còn phải một mình chăm sóc các con, quán xuyến công việc nhà. Biết được thông tin, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã đã cử cán bộ hội đến vận động anh T chia sẻ công việc gia đình cùng vợ. Qua công tác tuyên truyền, anh T đã hiểu về bình đẳng giới trong gia đình, chủ động chia sẻ công việc với chị M.

– Theo em, bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình được giải thích như thế nào qua thông tin trên? Cho ví dụ minh hoạ.

– Em có suy nghĩ gì về việc làm của anh T? Việc làm của Hội Liên hiệp phụ nữ xã có được coi là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không? Vì sao?

g. Quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, xã hội

▶ ***Em hãy đọc các thông tin sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN 1

– Điều 12 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định:

"1. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lí doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.

2. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế bao gồm:

a) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật;

b) Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật."

– Điều 16 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định:

"1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao.

2. Nam, nữ bình đẳng trong hưởng thụ văn hoá, tiếp cận và sử dụng các nguồn thông tin."

THÔNG TIN 2

Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2021 về Chiến lược quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 với mục tiêu tổng quát: "Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước".

Ngoài ra, chiến lược cũng đưa ra các mục tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội như: "Tỉ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030."; "Phấn đấu đạt 60% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030 dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới".

(Theo Báo điện tử Chính phủ, *Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới*, ngày 04 – 3 – 2021)

Em hãy cho biết bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, xã hội được thể hiện như thế nào qua hai thông tin trên. Lấy ví dụ minh hoạ.

2. Ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống con người và xã hội

▶ ***Em hãy đọc thông tin dưới đây và cho biết vấn đề Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập có ý nghĩa gì đối với con người và xã hội***

THÔNG TIN

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề bình đẳng của phụ nữ. Người nói: "Chị em phải cố gắng học tập. Học văn hoá, học chính trị, học nghề nghiệp. Nếu không học thì không tiến bộ.

Có quyết tâm thì nhất định học được. Đồng thời phụ nữ phải vươn lên để bình đẳng với nam giới về trình độ, về năng lực quản lí kinh tế và quản lí xã hội, chủ động quyết tâm khắc phục khó khăn, phải tự tin, tự lực, tự cường, không nên tự ti ngồi chờ Chính phủ, chờ Đảng ra chỉ thị giải phóng cho mình".

(Theo *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 12*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 301)

▶ ***Em hãy đọc trường hợp sau và nêu ý nghĩa bình đẳng giới đối với gia đình***

Anh C (là công an) và chị D (là giáo viên) cưới nhau đã lâu, có hai người con. Tuy cả hai cùng đi làm và công việc rất bận rộn, nhưng anh C lại là người quán xuyến các công việc trong gia đình, từ nội trợ đến đưa đón và chăm sóc các con, nhất là khi vợ bận việc. Anh rất vui vẻ vì điều này đã giúp anh được gần gũi con nhiều hơn, đồng thời phần nào san sẻ gánh nặng công việc với vợ. Chị D cho biết, do tính chất công việc nên chị khá bận rộn nhưng có chồng hỗ trợ công việc gia đình. Nhờ vậy, vợ chồng chị đều ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với việc giáo dục, chăm sóc con cái, các công việc gia đình. Vì vậy, gia đình anh chị rất hạnh phúc, các con chăm ngoan, học giỏi.

3. Hành vi vi phạm quy định về bình đẳng giới

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN

Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào vì lí do giới mà thực hiện hành vi dưới bất kì hình thức nào cản trở người khác tham gia hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, đã bị xử lí kỉ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5 000 000 đồng đến 50 000 000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50 000 000 đồng đến 100 000 000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Trường hợp 1

Nhằm bổ sung lao động, Công ty X đăng tin tuyển dụng nhân sự cho một số vị trí. Tuy nhiên, công ty lại áp dụng các điều kiện khác nhau trong tuyển dụng lao động

nam và lao động nữ (cùng trình độ, năng lực) ở cùng một vị trí nhân sự và ưu tiên nam giới ở một số công việc.

Trường hợp 2

Bạn D (là nữ) muốn tham gia một cuộc thi sáng tạo về khoa học – công nghệ do trường tổ chức. Bạn D muốn thành lập nhóm với bạn A (là nam), nhưng A từ chối vì cho rằng D là nữ nên sẽ hạn chế về khả năng nghiên cứu khoa học.

– Cho biết hành vi của Công ty X, bạn A có vi phạm quy định về bình đẳng giới hay không và giải thích vì sao.

– Hãy cho biết thái độ của em đối với các hành vi vi phạm về bình đẳng giới trong đời sống xã hội.

4. Thực hiện quy định của pháp luật về bình đẳng giới

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Trường hợp 1

Lãnh đạo Công ty H muốn bổ nhiệm vị trí Trưởng phòng Kinh doanh. Có hai ứng cử viên là anh B và chị D đều có năng lực, kinh nghiệm và trình độ như nhau. Tuy nhiên, một số nhân viên trong công ty không đồng tình vì chị D là nữ nên không phù hợp với vị trí này. Biết được thông tin, Giám đốc Công ty H đã triệu tập các nhân viên và giải thích việc bổ nhiệm vị trí Trưởng phòng Kinh doanh hoàn toàn dựa vào năng lực của các ứng cử viên, không có sự phân biệt nam, nữ.

Trường hợp 2

Anh A và chị C cùng được nhiều thành viên trong khu phố giới thiệu ứng cử vào vị trí Tổ trưởng Tổ dân phố. Tuy nhiên, anh A cho rằng chị C là nữ nên sẽ khó trúng cử và đảm đương được nhiệm vụ. Chị C không đồng ý. Chị chia sẻ thẳng thắn với anh A rằng nam, nữ cần có sự bình đẳng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, anh A quan niệm như thế là bất bình đẳng giới. Sau khi được giải thích, anh A đã hiểu và xin lỗi chị C.

– Em có nhận xét gì về việc làm của Giám đốc Công ty H và anh A trong các trường hợp trên?

– Thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân và xã hội?

– Các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, giáo dục và đào tạo, lao động, gia đình, kinh tế, xã hội:

+ Hiến pháp năm 2013 quy định bình đẳng giới được thực hiện trên mọi mặt của đời sống xã hội; Nhà nước có chính sách để bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới cũng như tạo cơ hội để phát huy vai trò của nữ giới.

+ Biểu hiện của bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, chính trị, giáo dục và đào tạo, lao động, gia đình, kinh tế, xã hội:

- Trong lĩnh vực chính trị: Nam, nữ bình đẳng trong các hoạt động chính trị, tham gia quản lí nhà nước, các hoạt động xã hội, bầu cử, ứng cử, đề bạt, bổ nhiệm trong các cơ quan, tổ chức.
- Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học trong thụ hưởng chính sách giáo dục, học tập, bồi dưỡng, chọn lựa ngành, nghề học tập, đào tạo.
- Trong lĩnh vực lao động: Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn tuyển dụng, bổ nhiệm, hưởng lương, thưởng, chế độ làm việc trong đề bạt, bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp.
- Trong lĩnh vực gia đình: Vợ chồng bình đẳng trong quan hệ hôn nhân, gia đình, quan hệ tài sản, chăm sóc con cái.
- Trong lĩnh vực kinh tế, xã hội: Nam, nữ bình đẳng trong hoạt động kinh doanh, văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao.

+ Để bảo đảm bình đẳng giới thực chất, Nhà nước quy định các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trên các lĩnh vực chính trị, giáo dục và đào tạo, lao động, gia đình, kinh tế, xã hội. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt, đối xử về giới.

+ Bình đẳng giới có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống, góp phần cải thiện và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội, hướng tới xã hội công bằng – dân chủ – văn minh.

+ Hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, tuỳ tính chất, mức độ vi phạm, người vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây ra thiệt hại (nếu có) thì phải bồi thường.

– Công dân cần tìm hiểu các quy định pháp luật về bình đẳng giới, thực hiện đúng quy định về bình đẳng giới, không thực hiện hành vi bị cấm trong bình đẳng giới. Có ý thức tự giác thực hiện và vận động mọi người thực hiện quy định pháp luật về bình đẳng giới, đồng thời phê phán hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Thực hiện quy định về bình đẳng giới là trách nhiệm của mỗi cá nhân.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Bình đẳng giới là nam, nữ ngang bằng nhau về mọi mặt trong đời sống xã hội.

b. Chăm sóc con cái trước hết là trách nhiệm của người mẹ.

c. Số lượng lãnh đạo nữ trong các cơ quan nhà nước bị giới hạn.

d. Lao động nữ có những quy định ưu tiên trên cơ sở đặc điểm giới.

e. Trong gia đình, vợ chồng không bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

2. Em hãy đánh giá hành vi của các nhân vật trong từng trường hợp dưới đây:

a. Bạn A (nữ, học sinh lớp 11) có ước mơ trở thành kĩ sư cơ khí và dự định sau này sẽ thi vào Khoa Cơ khí của Trường Đại học D. Biết được điều đó, B (bạn nam cùng lớp) cho rằng nghề đó chỉ dành cho nam giới, hoàn toàn không phù hợp với nữ giới. Tuy nhiên, bạn A vẫn quyết tâm thực hiện ước mơ của mình. Sau đó, bạn A đã thi đậu, trở thành sinh viên Trường Đại học D.

b. Anh D có vợ là chị B. Chị làm việc tại Công ty X, công việc khá bận rộn. Bên cạnh đó, chị còn phải chăm lo cho gia đình. Thấy vậy, anh D bàn bạc với vợ sẽ sắp xếp công việc để có thời gian cùng chị chăm sóc gia đình, giúp chị có thêm thời gian phát triển sự nghiệp. Chị B rất mừng vì anh D đã không ngại định kiến xã hội để đỡ đần công việc gia đình. Nhờ vậy, hai vợ chồng càng yêu thương nhau hơn, gia đình thêm ấm êm, hạnh phúc.

c. Sau khi xem bản tin về việc Việt Nam nằm trong nhóm các nước đứng đầu thế giới về tỉ lệ đại biểu Quốc hội là nữ, C (nữ, học sinh lớp 11) rất tâm đắc với thông tin này. Bạn đã chia sẻ với bố việc phụ nữ đã vươn lên nắm giữ những vị trí quan trọng trong xã hội, vị thế ngày càng được cải thiện, nâng cao. C mong rằng sau này mình cũng sẽ trở thành một phụ nữ tiêu biểu trong xã hội. Bố C rất đồng tình và khuyên C nên cố gắng học tập để sau này thực hiện được ước mơ. C rất vui khi được bố ủng hộ.

3. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a. Chi hội Phụ nữ khu phố M tổ chức nói chuyện về chủ đề "Vai trò của phụ nữ hiện nay". Sau khi tham gia, mọi người đã biết bình đẳng giới có ý nghĩa quan trọng đối với xã hội. Đây là động lực để xã hội phát triển bền vững, hướng tới công bằng – dân

chủ – văn minh. Ngoài ra, bình đẳng giới không chỉ giải phóng phụ nữ nhất là trong lao động, gia đình mà còn giải phóng nam giới khỏi định kiến xã hội.

– Em có nhận xét gì về nhận định "bình đẳng giới không chỉ giải phóng phụ nữ mà còn giải phóng đàn ông khỏi gánh nặng định kiến xã hội"?

– Em có suy nghĩ gì về việc làm của Chi hội Phụ nữ khu phố M trong trường hợp trên?

b. Gần đây, không khí gia đình bà A rất nặng nề vì chồng bà muốn con gái lớn (hiện đang học lớp 11) nghỉ học. Bà A tâm sự chuyện này với bà C. Bà cho biết, chồng bà quan niệm con trai mới cần học nhiều, còn con gái thì không. Biết chuyện, bà C đã vận động Hội Phụ nữ và Hội Nông dân tác động đến chồng bà A. Ông dần thay đổi suy nghĩ, không ép con gái phải nghỉ học. Nhờ vậy, bình đẳng giới trong giáo dục tại gia đình bà A được đảm bảo.

– Em có nhận xét gì về quan điểm của chồng bà A?

– Theo em, mọi người cần hành động như thế nào để thúc đẩy bình đẳng giới trong xã hội?

VẬN DỤNG

1. Em hãy viết thư thể hiện quan điểm của em về bình đẳng giới với bạn bè quốc tế

2. Em hãy cùng các bạn vẽ tranh cổ động về chủ đề bình đẳng giới (có thể chọn một trong các lĩnh vực chính trị, giáo dục và đào tạo, lao động, gia đình, kinh tế, xã hội) và giới thiệu sản phẩm trước lớp

BÀI 12 QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.
– Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo đối với đời sống con người và xã hội.
– Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.
– Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo của công dân.

MỞ ĐẦU

Việt Nam có nhiều đồng bào dân tộc, tôn giáo khác nhau. Tuy mỗi tôn giáo có giáo lí, giáo luật, lễ nghi riêng nhưng đồng bào thuộc các dân tộc, tôn giáo khác nhau luôn đoàn kết trong công cuộc đấu tranh dựng nước, giữ nước của dân tộc. Do đó, đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo là chủ trương nhất quán trong chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.

▶ ***Em hãy cho biết một số chính sách của Nhà nước thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo***

KHÁM PHÁ

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo

a. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc

▶ ***Em hãy đọc các thông tin sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN 1

Điều 5 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước."

THÔNG TIN 2

"...Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lí hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế – xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng dân tộc thiểu số. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc..."

(Trích *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, tr. 170)

– Em hãy cho biết nội dung của quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong các thông tin trên.

– Em hãy nêu ví dụ về quyền bình đẳng giữa các dân tộc về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục.

b. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

▶ ***Em hãy đọc các thông tin sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN 1

Điều 24 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật".

Khoản 1 Điều 3 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định:

"Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật."

THÔNG TIN 2

"...Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống "tốt đời đẹp đạo", đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước. Kiên quyết đấu tranh và xử lí nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc..."

(Trích *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, tr. 171)

– Em hãy nêu một số biểu hiện của quyền bình đẳng về tôn giáo trong các thông tin trên.

– Em hãy nêu một số quy định khác của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

2. Ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo đối với đời sống con người và xã hội

▶ ***Em hãy cho biết việc thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống xã hội trong trường hợp sau:***

Nhằm góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển văn hoá các dân tộc, chính quyền huyện A đã thực hiện nhiều chủ trương, chính sách về bình đẳng

giữa các dân tộc, tôn giáo. Huyện đã xây dựng mới trường phổ thông dân tộc nội trú ở trung tâm để thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của các em học sinh là người đồng bào dân tộc thiểu số. Huyện A cũng tiến hành hỗ trợ tu bổ, tôn tạo các cơ sở thờ tự tôn giáo ở địa phương phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, góp phần phục vụ sinh hoạt, hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng. Các hoạt động này của huyện A góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, tôn giáo trên địa bàn.

3. Hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, với lực lượng vũ trang nhân dân, với các tổ chức chính trị – xã hội;

b) Gây hằn thù, kì thị, chia rẽ, li khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

c) Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức chính trị – xã hội;

d) Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

Trường hợp

Vì lí do cá nhân, anh M thôi sinh hoạt tôn giáo A. Tuy nhiên, anh M lại có hành vi làm, phát tán các tài liệu có nội dung gây chia rẽ giữa những người theo tôn giáo A và những người không theo tôn giáo. Điều này làm mất an ninh trật tự tại địa phương, đi ngược lại với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

?

– Em có nhận xét gì về hành vi của anh M?

– Em biết những hành vi nào khác vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo?

4. Thực hiện quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo của công dân

▶ *Em hãy quan sát biểu đồ, đọc trường hợp và trả lời câu hỏi*

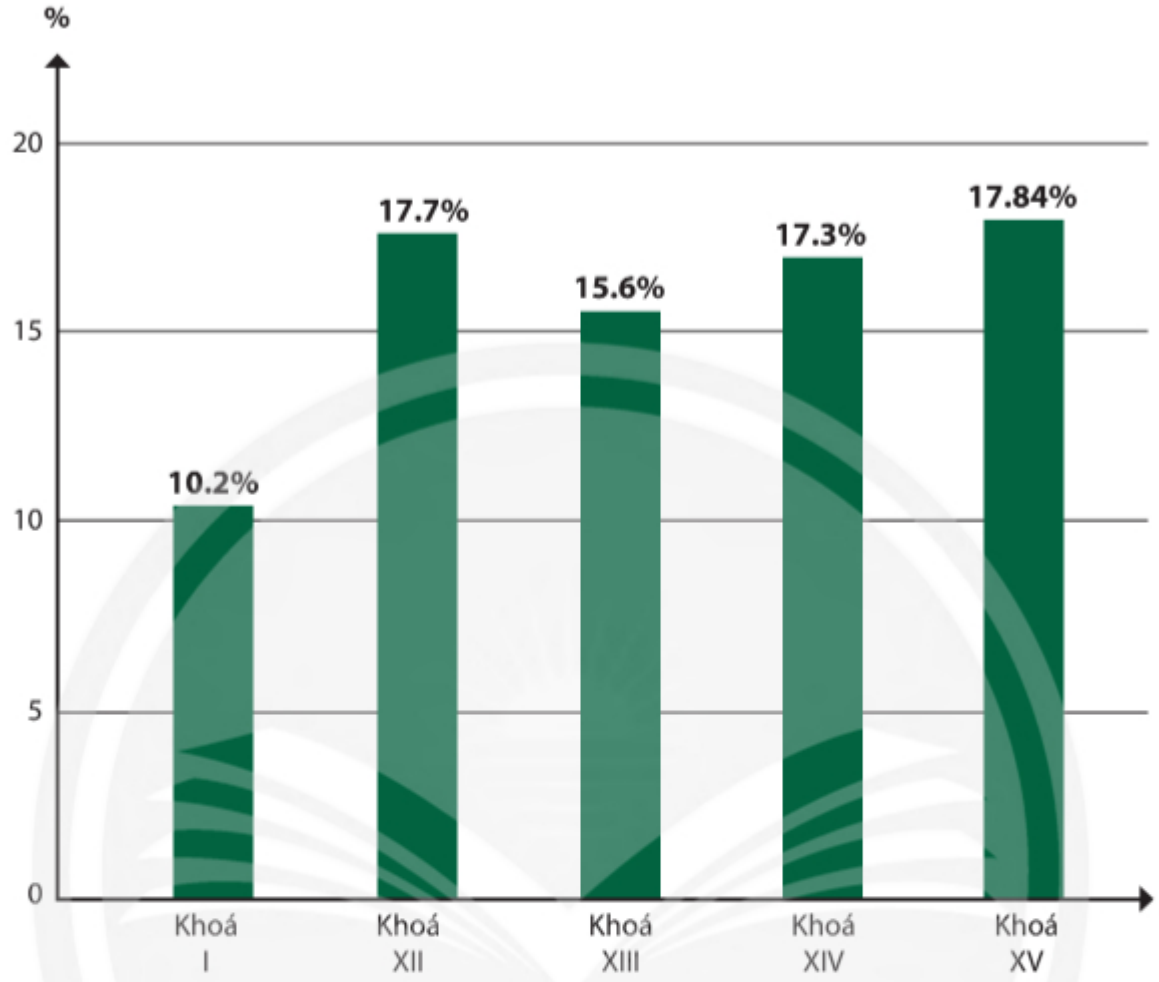

Tỉ lệ đại biểu Quốc hội Việt Nam là người đồng bào dân tộc thiểu số qua các khoá

(Theo Công thông tin điện tử Uỷ ban Dân tộc, *Bảo đảm vai trò tham gia của người dân tộc thiểu số trong Quốc hội*, ngày 11 – 5 – 2021)

Trường hợp

Với mong muốn được công nhận là tổ chức tôn giáo mới tại Việt Nam, anh B cùng với các thành viên trong một tổ chức đã chuẩn bị các điều kiện như: giáo lí, tôn chỉ, mục đích, quy chế hoạt động, người đại diện,... để được cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo, tổ chức của anh B đã thu hút được nhiều người tham gia sinh hoạt phục vụ cộng đồng, xã hội. Sau năm năm hoạt động ổn định, liên tục, có cơ cấu tổ chức, có hiến chương và đầy đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật, tổ chức của anh B đã được công nhận là tôn giáo hợp pháp.

– *Tỉ lệ đại biểu Quốc hội là người đồng bào dân tộc thiểu số qua các khoá thể hiện chính sách nào của Đảng và Nhà nước về dân tộc, tôn giáo? Chính sách đó có ý nghĩa gì?*

– *Việc làm của anh B trong trường hợp trên có phải là thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo không? Vì sao?*

– Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là các dân tộc ở Việt Nam không phân biệt đa số hay thiểu số đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển. Mọi dân tộc đều bình đẳng về chính trị, văn hoá, giáo dục.

+ Các dân tộc bình đẳng về chính trị: Các dân tộc đều có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia vào bộ máy nhà nước, tham gia thảo luận, góp ý các vấn đề chung của đất nước.

+ Các dân tộc bình đẳng về kinh tế: Trong chính sách phát triển kinh tế, không có sự phân biệt giữa các dân tộc đa số và thiểu số. Nhà nước luôn quan tâm đầu tư phát triển kinh tế đối với tất cả các vùng, đặc biệt ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Các dân tộc bình đẳng về văn hoá, giáo dục: Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình. Những phong tục, tập quán, truyền thống văn hoá tốt đẹp của từng dân tộc được giữ gìn, khôi phục, phát huy. Các dân tộc ở Việt Nam có quyền hưởng thụ một nền giáo dục của nước nhà.

– Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo là quyền hiến định:

+ Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.

+ Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được Nhà nước bảo đảm, các cơ sở tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ, nghiêm cấm việc xâm phạm.

– Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo bao gồm bình đẳng về quyền, bình đẳng về nghĩa vụ và bình đẳng về trách nhiệm pháp lí trước pháp luật.

– Công dân có nghĩa vụ tuân thủ quy định pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo; tôn trọng quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

– Bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của đất nước; bảo tồn và phát triển các giá trị văn hoá, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, tôn giáo.

– Hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo (như kì thị, chia rẽ dân tộc, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật,...) tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm, người thực hiện hành vi vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định.

– Công dân cần đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo trong đời sống thực tiễn như: gây thù hằn, chia rẽ giữa các dân tộc, gây chia rẽ giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo tôn giáo khác nhau,... để phòng tránh, không thực hiện hành vi vi phạm.

– Học sinh cần tìm hiểu các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo để thực hiện đúng các quy định pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo và tuyên truyền, vận động người khác biết và không vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Các tôn giáo đều có quyền hoạt động theo ý muốn của mình.

b. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được xây dựng dựa trên cơ sở quyền tự do, dân chủ của công dân.

c. Bình đẳng giữa các dân tộc là điều kiện để khắc phục sự chênh lệnh giữa các dân tộc về trình độ phát triển.

d. Thực hiện quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo là nghĩa vụ của công dân.

e. Nội dung của quyền bình đẳng giữa các dân tộc về văn hoá là các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình.

2. Em hãy nhận xét về hành vi của nhân vật, tổ chức trong các trường hợp sau:

a. Gia đình anh A có hành vi cản trở, ngăn cấm anh A trở thành tín đồ của tôn giáo M (đang hoạt động hợp pháp) mặc dù anh rất thích và muốn gia nhập.

b. Sau khi tốt nghiệp Đại học, anh V và chị H tham gia dự án của tỉnh K về giữ gìn và phát huy văn hoá cồng chiêng của dân tộc Ê-đê.

c. Anh K biết một số bạn trong nhóm đăng thông tin trái quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo nhưng vẫn im lặng coi như không biết.

3. Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi

Sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm X, chị A xung phong nhận công tác tại vùng sâu, vùng xa, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Biết được việc này, gia đình của chị A đã khuyên chị không nên chọn đi đến những nơi khó khăn như vậy mà nên ở lại thành phố để làm việc. Tuy nhiên, chị A vẫn kiên định với lựa chọn của mình. Chị muốn góp một phần công sức bé nhỏ để phát triển văn hoá, giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số.

– *Việc làm của chị A có phù hợp với quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc không? Vì sao?*

– *Em có thể làm gì để góp phần bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo?*

4. Em hãy đánh giá hành vi của các nhân vật trong trường hợp sau:

Anh A và chị B quen nhau được một thời gian và hai người quyết định tiến đến hôn nhân. Tuy nhiên, gia đình anh A phản đối vì cho rằng chị B không cùng tôn giáo. Gia đình còn yêu cầu anh A phải tìm người phù hợp để kết hôn. Biết được thông tin, cán bộ xã nơi anh A sinh sống đã tiếp xúc và giải thích cho gia đình anh về vấn đề bình đẳng giữa các tôn giáo, không được cản trở hôn nhân tiến bộ. Sau khi được giải thích, gia đình anh A đã hiểu và đồng ý cho hai anh chị kết hôn.

VẬN DỤNG

1. Em hãy cùng các bạn thảo luận nhóm về thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo ở địa phương em và chia sẻ trước lớp

2. Em hãy cùng các bạn thực hiện một sản phẩm có nội dung thể hiện một số hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo trong đời sống thực tiễn, sau đó chia sẻ trước lớp

CHỦ ĐỀ 8: MỘT SỐ QUYỀN DÂN CHỦ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

BÀI 13 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG THAM GIA QUẢN LÍ NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.
– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.
– Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.
– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

MỞ ĐẦU

Pháp luật quy định về quyền, nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội, nhằm tạo điều kiện và đảm bảo cho công dân làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; tạo sức mạnh tổng hợp để xây dựng và quản lí đất nước.

▶ ***Em hãy cho biết các hình ảnh sau thể hiện quyền và nghĩa vụ gì của công dân***

Nhân dân thôn Pác Bó biểu quyết sáp nhập thôn

(Nguồn: Hoàng Đức Thanh)

Hội thảo lấy ý kiến Luật Nhà ở sửa đổi, Luật Kinh doanh bất động sản sửa đổi

(Nguồn: Trần Đình Hà)

KHÁM PHÁ

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

▶ *Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và thực hiện yêu cầu*

THÔNG TIN 1

Điều 28 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Công dân có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.

2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lí nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân."

THÔNG TIN 2

– Điều 6 Luật Trưng cầu ý dân năm 2015 quy định:

"Quốc hội xem xét, quyết định trưng cầu ý dân về các vấn đề sau đây:

1. Toàn văn Hiến pháp hoặc một số nội dung quan trọng của Hiến pháp;

2. Vấn đề đặc biệt quan trọng về chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của quốc gia;

3. Vấn đề đặc biệt quan trọng về kinh tế – xã hội có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của đất nước;

4. Vấn đề đặc biệt quan trọng khác của đất nước."

– Theo điểm b khoản 2 Điều 76 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định Quốc hội "tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo luật theo quyết định của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (nếu có)" trong thời gian giữa kì họp thứ nhất và kì họp thứ hai.

THÔNG TIN 3

Theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, các công việc ở xã, phường, thị trấn gồm:

– Những nội dung công khai để nhân dân biết: kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm; dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết trên địa bàn; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã; đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí; các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện;...

– Những nội dung nhân dân bàn và quyết định: chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng; hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;...

– Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định: dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của cấp xã; dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở địa phương; dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã;...

– Những nội dung nhân dân giám sát: hoạt động của chính quyền xã; dự toán và quyết toán ngân sách xã; việc thu các loại quỹ, lệ phí; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân tại địa phương;...

Trường hợp

Xã A tổ chức cuộc họp để lấy ý kiến của nhân dân về phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp kênh tiêu. Tham dự cuộc họp, anh B tham gia đóng góp ý kiến sôi nổi, đưa ra được nhiều ý kiến phù hợp với nguyện vọng của nhân dân và quy định của pháp luật.

– Em hãy cho biết nội dung quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội qua các thông tin trên.

– Cho biết xã A, anh B có thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội không. Giải thích vì sao.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

▶ ***Em hãy đọc trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Uỷ ban nhân dân huyện T nhận được đơn tố cáo của người dân đối với một số cán bộ xã P về việc tự ý thu tiền xây dựng nông thôn mới. Kết quả kiểm tra cho thấy các cán bộ này đã tự ý thu 300 triệu đồng từ các hộ dân mà không có chủ trương của xã, vi phạm các quy định và cách thức huy động tiền đóng góp của người dân. Uỷ ban nhân dân xã P đã tiến hành kiểm điểm và xử lí kỉ luật đối với các cán bộ này do có hành vi vi phạm quy chế dân chủ ở cơ sở.

Chỉ ra những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội ở trường hợp trên, cho biết hậu quả của những hành vi này.

3. Đánh giá một số hành vi và thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Năm 2012, Quốc hội tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Sự kiện này được người dân cả nước quan tâm, hưởng ứng. Nhiều tầng lớp nhân dân đã tham gia đóng góp ý kiến rất công phu, tâm huyết về cả nội dung (cụ thể từng chương, từng điều) lẫn từ ngữ, bố cục,... Nhiều ý kiến có sức thuyết phục cao, góp phần giúp Uỷ ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 trong việc hoàn thiện Hiến pháp được hợp lí, khoa học hơn. Điều này vừa là quyền vừa là sự thể hiện trách nhiệm của nhân dân đối với những việc trọng đại của đất nước.

Theo em, việc tham gia góp ý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 có phải là thực hiện quyền công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội không? Vì sao?

Trường hợp 1

Thôn A tổ chức cuộc họp để thông báo với người dân về chính sách cho vay vốn. Ông H không quan tâm nhiều đến hoạt động của địa phương nên khi nhận được thông báo ông đã không tham gia. Tuy nhiên, vợ ông H vẫn sắp xếp đến để tham dự cuộc họp. Nhờ vậy, gia đình ông H đã hiểu được chính sách ưu đãi của Nhà nước và tiến hành các thủ tục để vay vốn và được giải quyết nhanh chóng, minh bạch theo đúng quy định.

Trường hợp 2

Thời gian qua, Uỷ ban nhân dân phường D đã thực hiện tốt các nội dung công khai để dân biết theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Uỷ ban dân dân phường đã niêm yết công khai các thủ tục hành chính trên nhiều lĩnh vực mà nhân dân thường xuyên liên hệ giải quyết; đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí; đặt hòm thư tại trụ sở để nhân dân góp ý;... Điều này mang lại hiệu quả trong việc triển khai thông tin đến người dân. Nhờ đó, người dân thường xuyên đến trụ sở Uỷ ban nhân dân để theo dõi, nắm bắt thông tin cần thiết.

Em có nhận xét gì về hành vi của nhân vật, Uỷ ban nhân dân phường D trong các trường hợp trên?

– Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội:

+ Quyền của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội: Công dân có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.

- Ở phạm vi cả nước, công dân thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội bằng cách tham gia biểu quyết và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.

- Ở phạm vi cơ sở, công dân thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội chủ yếu bằng cách: theo dõi những nội dung công khai; bàn và quyết định những nội dung quan trọng thông qua hình thức bỏ phiếu công khai hoặc bỏ phiếu kín tại các cuộc họp cử tri hoặc thông qua hình thức phát phiếu lấy ý kiến; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; tham gia giám sát những hoạt động của chính quyền theo quy định của pháp luật.

+ Công dân có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội; tôn trọng quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội của người khác; không lợi dụng quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội để vi phạm pháp luật hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác.

+ Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

– Công dân có trách nhiệm tìm hiểu những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội; xây dựng ý thức tự giác thực hiện quy định về quyền này. Đồng thời, vận động những người xung quanh chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết hành vi nào dưới đây thể hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội, giải thích vì sao

a. Bà G tham gia biểu quyết bầu trưởng thôn.

b. Người dân xã B giám sát việc thu các loại quỹ, lệ phí của xã.

c. Cô A tham gia đóng góp ý kiến vào Dự thảo sửa đổi Luật Đất đai.

d. Người dân ở Khu dân cư K tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

e. Anh C yêu cầu Uỷ ban nhân dân xã giải quyết đăng kí khai sinh cho con.

g. Học sinh Trường Trung học phổ thông D tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

2. Em hãy chỉ ra hậu quả của những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội trong các trường hợp sau:

a. Uỷ ban nhân dân thị trấn N không công khai thông tin về giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai để người dân giám sát theo quy định pháp luật. Việc làm này gây bức xúc trong nhân dân, dẫn đến khiếu nại vượt cấp kéo dài, ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về đất đai.

b. Uỷ ban nhân dân phường Y đã không kịp thời tiếp nhận thông tin, ý kiến đóng góp của nhân dân trên địa bàn về quản lí an ninh trật tự. Việc làm này dẫn đến dư luận không tốt trong nhân dân, ảnh hưởng đến đời sống của người dân trên địa bàn.

3. Em hãy đọc các trường hợp sau và đánh giá hành vi thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

a. Ông P và một số cán bộ hưu trí sinh sống tại quận H luôn quan tâm đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Khi có hội nghị lấy ý kiến người dân về dự thảo luật, ông đã tích cực tham gia góp ý kiến. Tuy nhiên, bạn ông P cho rằng đây không phải là trách nhiệm của mình nên không quan tâm.

b. Hệ thống đèn chiếu sáng trên nhiều trục đường ở xã M còn thưa thớt nên ở đây thường xảy ra tai nạn giao thông. Vì thế, xã có chủ trương huy động người dân đóng góp kinh phí để lắp đặt thêm hệ thống đèn trên các trục đường này. Xã M đã lên kế hoạch triển khai công việc và tổ chức họp lấy ý kiến của người dân. Tại cuộc họp, các vấn đề liên quan được đưa ra bàn bạc công khai, dân chủ nên nhận được sự đồng thuận cao. Do đó, chỉ trong vòng một tuần, hệ thống đèn đường đã được chiếu sáng hiệu quả, an toàn.

4. Em hãy đóng vai xử lí tình huống sau:

Để thực hiện dự án xây dựng cầu bắc qua suối ở thôn C, xã A đã quyết định trích ngân sách địa phương để hỗ trợ người dân trong thôn 50% kinh phí, số còn lại chính quyền xã dự định huy động người dân đóng góp. Thôn C đã thông báo về việc tổ chức cuộc họp với mong muốn mọi người thảo luận và cho ý kiến về mức đóng góp kinh phí. Bác M rất hào hứng với thông tin trên nên từ sớm, bác đã sang nhà anh V để đi cùng anh. Nhưng anh V từ chối vì cho rằng xã đã có quyết định, nếu mọi người đến thì cũng không giải quyết được gì.

VẬN DỤNG

Em hãy sưu tầm về một tấm gương thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội, sau đó, chia sẻ trước lớp

BÀI 14 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ BẦU CỬ VÀ ỨNG CỬ

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử.
– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử.
– Phân tích, đánh giá được hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử.
– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử.

MỞ ĐẦU

Thực hiện quyền bầu cử, ứng cử là biện pháp giúp công dân phát huy quyền làm chủ, để bầu ra những người vừa có tài, có đức, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

▶ ***Em hãy chia sẻ những hiểu biết của bản thân về quyền mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đang thực hiện trong hình ảnh dưới đây:***

(Nguồn: Báo Quân đội Nhân dân, ngày 20 – 5 – 2021)

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN 1

– Điều 27 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định".

– Điều 2 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định: "Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của Luật này".

THÔNG TIN 2

Quyền bầu cử, ứng cử của công dân được thực hiện theo nguyên tắc bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định:

"1. Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

2. Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này; khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.

3. Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

4. Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

5. Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.

6. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.

7. Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu "Đã bỏ phiếu" vào thẻ cử tri.

8. Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu."

THÔNG TIN 3

Khoản 1 Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định: "Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri".

THÔNG TIN 4

Điều 37 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định:

"Những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

2. Người đang bị khởi tố bị can.

3. Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Toà án.

4. Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Toà án nhưng chưa được xoá án tích.

5. Người đang chấp hành biện pháp xử lí hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn."

Trường hợp 1

Vào ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, ông A thức dậy sớm để chuẩn bị đi bầu. Vợ ông A (bà H) khuyên không nên đi do tuổi đã cao, thay vào đó, để con gái bỏ phiếu hộ. Tuy nhiên, ông A giải thích cho bà H việc bầu cử là quyền dân chủ cơ bản của công dân về chính trị, thông qua đó, nhân dân thực thi quyền làm chủ của mình. Sau đó, bà H hiểu ra vấn đề và vui vẻ cùng cả nhà đi bỏ phiếu.

Trường hợp 2

Trong cuộc thi "Tìm hiểu về quyền bầu cử, ứng cử" do Trường Trung học phổ thông P tổ chức, B cho biết mọi công dân đủ hai mươi mốt tuổi trở lên thì đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân. Tuy nhiên, C không đồng ý và tranh luận, trong một số trường hợp nhất định công dân không được ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

– Từ Thông tin 2, em hãy cho biết ông A đã thực hiện quyền bầu cử, ứng cử của công dân như thế nào?

– Từ Thông tin 1 và Thông tin 4, em đồng ý với ý kiến của B hay C? Vì sao?

– Pháp luật còn những quy định nào khác về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử? Cho ví dụ minh hoạ.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN 1

Điều 95 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định: "Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lí kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự."

THÔNG TIN 2

Điều 160 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 02 năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

THÔNG TIN 3

Điều 161 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào có trách nhiệm trong việc tổ chức, giám sát việc bầu cử, tổ chức trưng cầu ý dân mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

a) Có tổ chức;

b) Dẫn đến phải tổ chức lại việc bầu cử hoặc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Trường hợp 1

Phường B tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Dù biết được thông tin đó nhưng do có đơn hàng đột xuất, anh A – chủ doanh nghiệp tư nhân G, đã yêu cầu người lao động không đi bầu cử để hoàn thành công việc. Nhiều người lao động muốn thực hiện quyền bầu cử của mình nhưng vì lo sợ bị trừ lương nên đã không đi bầu.

Trường hợp 2

Ông H là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện T. Do lo sợ bạn mình là ông K không trúng cử, ông H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để yêu cầu các cán bộ cấp dưới phải bỏ phiếu cho ông K khiến kết quả bầu cử bị sai lệch. Nhận được tin báo, cơ quan chức năng đã tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin và tiến hành xử lí đối với ông H theo quy định của pháp luật.

– Cho biết hành vi của anh A và ông H đã vi phạm quyền và nghĩa vụ gì của công dân về bầu cử.

– Hãy cho biết hành vi của nhân vật trong các trường hợp trên đã gây ra hậu quả như thế nào.

3. Đánh giá một số hành vi thường gặp và thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Trường hợp 1

Khi đi bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, ông H vì không biết chữ nên nhờ anh A (cán bộ Tổ bầu cử) đọc thông tin của các ứng cử viên, viết phiếu bầu theo sự lựa chọn của mình và bỏ phiếu vào thùng. Anh A vui vẻ viết phiếu bầu giúp ông H nhưng đề nghị ông H phải tự mình bỏ phiếu theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp 2

Tổ bầu cử số 4 (xã Y) mở hòm phiếu để kiểm tra phiếu bầu. Kết quả kiểm đếm cho thấy số phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân xã Y thu về nhiều hơn số phiếu phát ra. Qua xác minh, Uỷ ban Bầu cử xã phát hiện ông G (ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân) đã đề nghị ông T (Tổ trưởng Tổ bầu cử số 4) lấy một số phiếu bầu mang về nhà rồi gạch tên những ứng cử viên khác, để lại tên mình và bỏ vào thùng phiếu. Ông G và ông T đã bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử theo quy định của pháp luật.

Em có nhận xét gì về việc làm của các nhân vật trong hai trường hợp trên?

– Quyền bầu cử và quyền ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực chính trị, thông qua đó, nhân dân thực hiện quyền dân chủ trực tiếp của mình để bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước.

– Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử:

+ Công dân đủ tuổi theo luật định có quyền bầu cử (đủ 18 tuổi trở lên), ứng cử (đủ 21 tuổi trở lên) đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

+ Quyền bầu cử, ứng cử của công dân được thực hiện theo nguyên tắc bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

+ Trong một số trường hợp theo quy định của pháp luật, công dân không được phép thực hiện quyền bầu cử và ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

– Công dân có nghĩa vụ:

+ Tuân thủ Hiến pháp, luật và quy định khác của pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử.

+ Tự mình tham gia bầu cử, nghiên cứu kĩ tiêu chuẩn đại biểu, số lượng ứng cử viên và số đại biểu được bầu tại đơn vị bầu cử.

+ Cân nhắc, lựa chọn kĩ lưỡng, bầu đủ số lượng đại biểu được bầu là những ứng cử viên thật sự tiêu biểu, có kiến thức, năng lực phản ánh được ý chí và nguyện vọng chính đáng của nhân dân với cơ quan dân cử.

+ Phản bác, đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử và mọi luận điệu xuyên tạc chống phá cuộc bầu cử của các thế lực thù địch.

– Hành vi vi phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lí kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

– Công dân cần biết những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử, xây dựng ý thức tự giác tuân thủ và chấp hành; tuyên truyền vận động những người khác chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Ứng cử là phương thức lựa chọn người đại diện, thay mặt cho công dân để làm lãnh đạo, thực hiện chức năng, nhiệm vụ nhất định.

b. Mọi công dân đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ mười tám tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

c. Trong một số trường hợp đặc biệt, cử tri được nhờ người khác bầu cử thay.

d. Việc bỏ phiếu phải được công khai trước sự chứng kiến của các thành viên Tổ bầu cử.

e. Người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì bị tước quyền bầu cử.

2. Em hãy đánh giá hành vi của các nhân vật sau:

a. Anh V (19 tuổi) tự mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân để ra sức giúp ích cho địa phương.

b. Cô Q vận động tất cả cử tri là thành viên trong gia đình và hàng xóm đi bầu cử.

c. Bà N phản bác những luận điệu xuyên tạc trên mạng xã hội về bầu cử, ứng cử trong quá trình tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

d. Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở riêng của chị P (một người khuyết tật vận động) để chị có thể bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Em hãy cho biết trường hợp nào dưới đây được quyền bầu cử, ứng cử/ trường hợp nào không có quyền bầu cử, ứng cử và giải thích

a. Anh P (25 tuổi), bị bệnh tâm thần.

b. Bà G (90 tuổi) do sức yếu nên không thể đi lại được.

c. Ông C bị ung thư và đang điều trị nội trú tại Bệnh viện K.

d. Chị Q đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T khởi tố bị can về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

e. Y bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc do có hành vi gây rối trật tự nơi công cộng theo quyết định của Toà án nhân dân huyện M.

4. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a. Anh K muốn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tại địa phương. Tuy nhiên, do không đủ điều kiện ứng cử theo luật định nên anh K đã liên hệ với một số đối tượng để hợp thức hoá hồ sơ, giấy tờ cá nhân để thực hiện mục đích trên. Khi biết được thông tin, chị N đã tố cáo hành vi của anh K đến cơ quan có thẩm quyền. Sau khi xem xét, cơ quan có thẩm quyền đã quyết định không đưa anh A vào danh sách ứng cử viên vì không đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

b. Để người dân trên địa bàn hiểu và thực hiện được quyền công dân của mình trong bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Uỷ ban nhân dân xã P đã tiến hành tuyên truyền, vận động đến từng hộ gia đình về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử. Nhờ vậy, tỉ lệ cử tri xã P đi bầu đạt 99,9%.

– *Em có nhận xét gì về việc làm của anh K, chị N và Uỷ ban nhân dân xã P?*

– *Em cần làm gì để góp phần bảo đảm quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử?*

VẬN DỤNG

1. Em hãy viết đoạn văn ngắn phê phán một số hành vi vi phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử, sau đó, trình bày trước cả lớp

2. Em hãy cùng các bạn làm một sản phẩm tuyên truyền (báo tường, cẩm nang/ sổ tay bằng giấy hoặc những hình thức khác,...) một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử

BÀI 15 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo.
– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo.
– Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo.
– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo.

MỞ ĐẦU

Khiếu nại, tố cáo là quyền cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011 và Luật Tố cáo năm 2018 là công cụ pháp lí để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

▶ ***Hãy chia sẻ hiểu biết của em về một trường hợp khiếu nại, tố cáo của công dân mà em biết***

KHÁM PHÁ

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo

KHIẾU NẠI

♦ ***Quyền của người khiếu nại***

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Điều 12 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định:

"1. Người khiếu nại có các quyền sau đây:

a) Tự mình khiếu nại.

Trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại;

Trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lí do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được uỷ quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc khiếu nại;

b) Nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc uỷ quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Trường hợp người khiếu nại là người được trợ giúp pháp lí theo quy định của pháp luật thì được nhờ trợ giúp viên pháp lí tư vấn về pháp luật hoặc uỷ quyền cho trợ giúp viên pháp lí khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

c) Tham gia đối thoại hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại;

d) Được biết, đọc, sao chụp, sao chép, tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

đ) Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đang lưu giữ, quản lí thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu đó cho mình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để giao nộp cho người giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

e) Được yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại;

g) Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó;

h) Nhận văn bản trả lời về việc thụ lí giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại;

i) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

k) Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính;

l) Rút khiếu nại."

Trường hợp

Trong quá trình tham gia giao thông, anh A phạm lỗi và bị lực lượng cảnh sát giao thông lập biên bản, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Sau đó, anh A phát hiện lỗi xử phạt chưa đúng với lỗi mình vi phạm nhưng anh A phân vân không biết mình có quyền khiếu nại quyết định hành chính này hay không. Anh A kể chuyện này cho bạn mình là anh H. Anh H cho rằng anh A hoàn toàn có quyền khiếu nại vì đây là quyền cơ bản của công dân. Anh A có thể tự mình khiếu nại hoặc nhờ người khác khiếu nại.

– *Anh A có được khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hay không?*
– *Anh A nên thực hiện quyền đó như thế nào?*
– *Em còn biết các quy định nào khác của pháp luật về quyền khiếu nại?*

♦ ***Nghĩa vụ của người khiếu nại***

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN

Khoản 2 Điều 12 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định:

"2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:

a) Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết;

b) Trình bày trung thực sự việc, đưa ra chứng cứ về tính đúng đắn, hợp lí của việc khiếu nại; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp thông tin, tài liệu đó;

c) Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật này;

d) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật."

Trường hợp

Ông A đã gửi đơn khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất của Uỷ ban nhân dân huyện Y. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, ông A đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ đến cơ quan chức năng.

– *Từ thông tin trên, em hãy cho biết ông A có nghĩa vụ gì khi khiếu nại.*
– *Em hãy nêu các quy định khác của pháp luật về nghĩa vụ của công dân về khiếu nại.*

TỐ CÁO

♦ ***Quyền của người tố cáo***

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Điều 9 Luật Tố cáo năm 2018 quy định:

"1. Người tố cáo có các quyền sau đây:

a) Thực hiện quyền tố cáo theo quy định của Luật này;

b) Được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác;

c) Được thông báo về việc thụ lí hoặc không thụ lí tố cáo, chuyển tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo, kết luận nội dung tố cáo;

d) Tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết;

đ) Rút tố cáo;

e) Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo;

g) Được khen thưởng, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật."

Trường hợp

Trên địa bàn xã M có nhà máy H chuyên sản xuất vật liệu xây dựng. Quá trình sản xuất của nhà máy đã xả chất thải ra môi trường, gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến đời sống người dân. Anh C có ý định tố cáo hành vi xả thải lên cơ quan có thẩm quyền nên đã chia sẻ với một số hộ dân trên địa bàn. Một số đồng tình nhưng một số khác lại cho rằng đây không phải là việc của mình. Tuy nhiên, anh C vẫn quyết tâm làm đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của nhà máy H vì cho rằng đây là quyền và trách nhiệm công dân của mình.

?

– Việc anh C thực hiện quyền tố cáo hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường của nhà máy H có phù với quy định pháp luật không? Vì sao?

– Còn những quy định pháp luật nào khác về quyền tố cáo của công dân mà em biết?

♦ ***Nghĩa vụ của người tố cáo***

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN

Điều 9 Luật Tố cáo năm 2018 quy định:

"2. Người tố cáo có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp thông tin cá nhân quy định tại Điều 23 của Luật này;

b) Trình bày trung thực về nội dung tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo;

d) Hợp tác với người giải quyết tố cáo khi có yêu cầu;

đ) Bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra."

Trường hợp

Ông C tố cáo lên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã M về hành vi vi phạm pháp luật trong khi thi hành công vụ của một công chức xã. Trong quá trình giải quyết, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã M yêu cầu cung cấp tài liệu liên quan thì ông C lại không hợp tác và không cung cấp thông tin. Ông C cho rằng việc giải quyết là trách nhiệm của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã M còn ông chỉ có nghĩa vụ tố cáo sự việc.

– Cho biết ông C đã thực hiện quyền và nghĩa vụ nào của người tố cáo.

– Hãy lấy ví dụ minh hoạ việc thực hiện quy định về quyền và nghĩa vụ của người tố cáo.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

– Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 10 000 000 đồng đến 50 000 000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

a) Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác;

b) Bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Đối với 02 người trở lên;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho mình;

đ) Đối với người đang thi hành công vụ;

e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;

g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỉ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

h) Vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Vì động cơ đê hèn;

b) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỉ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Làm nạn nhân tự sát.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 000 000 đồng đến 50 000 000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

– Điều 166 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực hoặc hành vi khác cản trở việc khiếu nại, tố cáo, việc xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc việc xử lí người bị khiếu nại, tố cáo;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo gây thiệt hại cho người khiếu nại, tố cáo.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Trả thù người khiếu nại, tố cáo;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

d) Dẫn đến biểu tình;

đ) Làm người khiếu nại, tố cáo tự sát.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Trường hợp

Do có mâu thuẫn với ông A (Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã N), bà D đã làm đơn tố cáo với nội dung sai sự thật và chia sẻ thông tin này đến nhiều người nhằm hạ uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông A. Qua kiểm tra, xác minh cơ quan có thẩm quyền xác định nội dung tố cáo là sai sự thật. Ông A đã có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bà D về hành vi vu khống. Nhận thấy sự việc có dấu hiệu tội phạm, cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, mặc dù được minh oan nhưng danh dự, uy tín của ông A đã bị ảnh hưởng.

?

– Theo em, cá nhân tố cáo sai sự thật phải chịu hậu quả gì?

– Em hãy cho biết người bị tố cáo sai sự thật cần làm gì để bảo vệ quyền và lợi ích của mình?

3. Đánh giá một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo

▶ ***Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi***

Tình huống 1

Bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất có diện tích là 100 m^2, nhưng diện tích đất thực tế không đúng theo quy định. Bà N muốn khiếu nại đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được giải quyết. Do bà N thường xuyên ốm đau lại già yếu, bà đã trao đổi với chị H – con gái của bà, để chị thay mình đi khiếu nại. Tuy nhiên, chị H từ chối vì cho rằng mình không có quyền đại diện bà N đi khiếu nại.

Tình huống 2

Anh T biết được hành vi vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ của công chức xã X. Anh đã thực hiện việc tố cáo hành vi vi phạm này tới Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã X và được yêu cầu "trình bày trung thực về nội dung tố cáo cũng như cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo". Anh T đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người tố cáo. Tuy nhiên, anh T lo lắng vì khi cung cấp thông tin thì họ tên, địa chỉ của anh sẽ bị tiết lộ.

?

– Theo em, trong tình huống 1, việc làm của chị H là đúng hay sai? Vì sao?

– Trong tình huống 2, anh T phải vận dụng quy định nào của pháp luật để bảo vệ bí mật cho thông tin cá nhân của mình?

– Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

– Quyền của người khiếu nại:

+ Tự mình khiếu nại hoặc uỷ quyền cho người khác thực hiện việc khiếu nại. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại đều có thể uỷ quyền cho luật sư khiếu nại.

+ Được biết, đọc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ do người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại.

+ Yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng biện pháp khẩn cấp.

+ Tham gia đối thoại hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại.

+ Được khôi phục quyền, lợi ích bị xâm hại.

– Nghĩa vụ của người khiếu nại:

+ Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

+ Đưa ra chứng cứ, thông tin, tài liệu về việc khiếu nại, trình bày trung thực sự việc.

+ Chấp hành quyết định, hành vi bị khiếu nại và quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

– Quyền của người tố cáo: thực hiện tố cáo; được bảo đảm bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác; được thông báo về việc thụ lí hoặc không thụ lí tố cáo, chuyển tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo, kết luận nội dung tố cáo; tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo; được khen thưởng, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; quyền rút lại tố cáo.

– Nghĩa vụ của người tố cáo: cung cấp thông tin cá nhân; trình bày trung thực về nội dung tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo của mình; hợp tác với người giải quyết tố cáo khi có yêu cầu; bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra.

– Người tố cáo và những người khác có liên quan có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lí kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

– Công dân cần nắm được quy định pháp luật về quyền khiếu nại, tố cáo. Không lợi dụng khiếu nại, tố cáo để xâm phạm lợi ích của Nhà nước; quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Có ý thức tự giác thực hiện quy định pháp luật về khiếu nại tố cáo và vận động mọi người cùng thực hiện.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Người khiếu nại phải là người thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

b. Người khiếu nại có quyền uỷ quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

c. Trong thời gian khiếu nại, người khiếu nại không phải chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại.

d. Người tố cáo có quyền được áp dụng các biện pháp bảo vệ khi có nguy hiểm.

e. Người tố cáo phải bồi thường thiệt hại do hành vi tố cáo sai sự thật.

2. Em hãy cho biết hành vi nào dưới đây thể hiện quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo

a. Anh A (công chức của Uỷ ban nhân dân huyện H) không đồng ý với quyết định điều động công tác nên đã gửi đơn khiếu nại đến người đã ra quyết định đó.

b. Chị B không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm về hành vi lấn chiếm lòng lề đường mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại.

c. Bác T là người bị khiếu nại, đã cung cấp thông tin, tài liệu khi người giải quyết khiếu nại yêu cầu.

d. Chị Y đã nộp đơn tố cáo Công ty cổ phần X đến cơ quan chức năng về hành vi xả nước thải chưa qua xử lí ra môi trường của công ty này.

e. Khi cơ quan chức năng yêu cầu, chị V đã trình bày không trung thực về nội dung tố cáo cũng như cung cấp thông tin liên quan mà mình có được.

g. Bị tố cáo oan về hành vi sử dụng, buôn bán trái phép chất ma tuý nên anh N đã giải trình và đưa ra các chứng cứ để chứng minh mình vô tội.

3. Em hãy đánh giá và chỉ ra hậu quả của các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo dưới đây:

a. Nhân viên D phát hiện Giám đốc của cơ quan có hành vi lợi dụng chức vụ để chiếm đoạt tài sản công với số tiền 500 triệu đồng nên đã đưa thông tin này lên mạng xã hội để mọi người biết.

b. Trên đường đi học về, N nhìn thấy anh T điều khiển xe tải chở trái phép các loài động vật quý hiếm. N đã không tố cáo hành vi vi phạm của anh T.

VẬN DỤNG

1. Hãy viết một bức thư chia sẻ với bạn những việc làm tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo của em

2. Em hãy nhận xét về một số hành vi thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo

BÀI 16 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc.
– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc.
– Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc.
– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc.

MỞ ĐẦU

Bảo vệ Tổ quốc là quyền thiêng liêng và nghĩa vụ cao quý của mỗi công dân. Đây là cơ sở để bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia. Đồng thời, là cơ sở quan trọng để xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

▶ *Em hãy quan sát hình ảnh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi*

THÔNG TIN

Trong cuộc gặp gỡ, nói chuyện và giao nhiệm vụ cho cán bộ Đại đoàn quân Tiên phong tại Đền Hùng, Bác Hồ đã có câu nói bất hủ: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Bác Hồ với Đại đoàn quân Tiên phong tại Đền Hùng
(Nguồn: Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam)

?

Em có suy nghĩ gì về câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

– Điều 11 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

2. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị."

– Điều 44 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất".

– Điều 46 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng".

– Điều 6 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định:

"1. Công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự có nghĩa vụ phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân.

2. Công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự trong thời bình nếu tự nguyện và quân đội có nhu cầu thì được phục vụ tại ngũ."

– Khoản 2 Điều 5 Luật Quốc phòng năm 2018 quy định:

"Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc; phải thực hiện nghĩa vụ quân sự; có nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân; chấp hành biện pháp của Nhà nước và người có thẩm quyền trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan."

– Điều 8 Luật An ninh quốc gia năm 2004 quy định:

"Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật."

– Khoản 1 Điều 31 Luật Biên giới quốc gia năm 2003 quy định:

"1. Xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là nhiệm vụ của Nhà nước và của toàn dân, trước hết là của chính quyền, nhân dân khu vực biên giới và các lực lượng vũ trang nhân dân."

– Khoản 3 Điều 4 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"3. Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm."

Trường hợp 1

Xã M triển khai mô hình Tổ nhân dân tự quản bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Anh A tự nguyện tham gia các hoạt động tuần tra, phòng chống tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Hoạt động của Tổ nhân dân tự quản đã góp phần xây dựng khu dân cư an toàn, không có tệ nạn xã hội.

Trường hợp 2

Xã P ở huyện Y là một xã biên giới. Thực hiện phong trào "Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới" lực lượng Bộ đội Biên phòng trên địa bàn đã phối hợp với chính quyền địa phương thành lập Tổ tự quản, vận động các hộ gia đình tham gia kí cam kết tự quản đường biên, cột mốc biên giới quốc gia. Qua công tác tuyên truyền, tất cả người dân trên địa bàn hiểu được bảo vệ an ninh quốc gia, biên giới lãnh thổ đất nước là quyền, nghĩa vụ công dân. Nhờ vậy, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn phát triển, đạt nhiều thành tích. Đây là điểm sáng trong thực hiện phong trào tại huyện.

?

– *Từ thông tin trên, em giải thích như thế nào quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ Tổ quốc?*

– *Theo em, quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc được biểu hiện như thế nào trong những trường hợp trên?*

– *Việc làm của các chủ thể trong hai trường hợp trên có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội?*

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

– Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào không chấp hành đúng quy định của pháp luật về đăng kí nghĩa vụ quân sự, không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, lệnh gọi tập trung huấn luyện, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Tự gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của mình;

b) Phạm tội trong thời chiến;

c) Lôi kéo người khác phạm tội".

Hành vi trốn tránh nghĩa vụ quân sự có thể dẫn đến hậu quả bị xử lí hành chính hoặc hình sự."

– Điều 4 Nghị định 120/2013/NĐ-CP quy định:

"Phạt tiền từ 1 500 000 đồng đến 2 500 000 đồng đối với hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm tập trung ghi trong lệnh gọi nhập ngũ mà không có lí do chính đáng."

– Khoản 1, 2 Điều 5 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia quy định:

"1. Phạt tiền từ 30 000 000 đồng đến 50 000 000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Thăm dò địa chất, khai thác tài nguyên, khoáng sản theo giấy phép làm hư hại dấu hiệu đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới, cọc dấu, vật đánh dấu đường biên giới, cột cờ, bia chủ quyền trên các đảo, điểm cơ sở; công trình phòng thủ vùng biển, công trình biên giới;

b) Đổ đất đá, chất thải xuống sông, suối biên giới.

2. Phạt tiền từ 50 000 000 đồng đến 75 000 000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm hư hại mốc quốc giới, cọc dấu, dấu hiệu đường biên giới, vật đánh dấu đường biên giới, cột cờ, điểm cơ sở, bia chủ quyền trên các đảo;

b) Làm thay đổi dòng chảy sông, suối biên giới hoặc làm ảnh hưởng đến đường biên giới quốc gia;

c) Xây dựng công trình kiên cố trong phạm vi 30 mét tính từ đường biên giới trên đất liền tuyến biên giới Việt Nam – Trung Quốc hoặc 100 mét tính từ đường biên giới trên đất liền tuyến biên giới Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia;

d) Xây dựng trái phép công trình trên sông, suối biên giới."

Trường hợp 1

T (20 tuổi), đã trúng tuyển nghĩa vụ quân sự. Nhưng khi Ban Chỉ huy Quân sự huyện có lệnh gọi nhập ngũ thì T lại trốn tránh, không chấp hành. T bị xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2 000 000 đồng và buộc thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Trường hợp 2

Toà án Nhân dân tỉnh H tiến hành xét xử vụ án hình sự về hành vi phá hoại cột mốc, làm sai lệch đường biên giới quốc gia của bị cáo C. Hội đồng xét xử tuyên bị cáo C bảy năm tù giam vì hành vi gây phương hại đến an ninh quốc gia. Bản án nhận được sự đồng tình của dư luận, góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

?

– Pháp luật có những hình thức xử phạt nào đối với hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ Tổ quốc? Lấy ví dụ minh hoạ.

– Theo em, hành vi mà nhân vật đã thực hiện trong các trường hợp trên gây hậu quả gì cho đất nước?

3. Đánh giá một số hành vi thường gặp và thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp 1

Khi sử dụng mạng xã hội, A và B (học sinh lớp 11) nhận được lời mời tham gia nhóm có đăng tải những thông tin không đúng sự thật, gây nguy hại cho an ninh quốc gia. A không tham gia vì đây là hành vi vi phạm pháp luật và đã trình báo cơ quan Công an về nhóm này. Vì tò mò muốn tìm hiểu nội dung mà nhóm này đăng tải nên B đã tham gia và bình luận, tỏ thái độ đồng tình với những bài đăng trên nhóm.

Trường hợp 2

Trường Trung học phổ thông M hưởng ứng chương trình "Góp đá xây Trường Sa" nhằm góp phần xây dựng biển đảo, thềm lục địa thiêng liêng của Tổ quốc. Bạn A tích cực tham gia, đồng thời vận động các bạn cùng lớp và người thân đóng góp cho chương trình.

– Hãy nhận xét về hành vi của nhân vật trong các trường hợp trên.

– Em hãy nêu một số việc làm phù hợp với quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc mà em biết.

– Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc:

+ Quyền bảo vệ Tổ quốc: Bảo vệ Tổ quốc là quyền thiêng liêng của mỗi công dân.

+ Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc:

- Trung thành với Tổ quốc.
- Thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia, biên giới quốc gia và bảo đảm về an ninh trật tự, phòng chống tội phạm.

+ Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị. Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc tuỳ theo mức độ có thể bị xử lí kỉ luật, hành chính hoặc hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường.

– Công dân cần tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ Tổ quốc, xây dựng ý thức tự giác thực hiện quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ Tổ quốc; đồng thời, có trách nhiệm vận động những người xung quanh chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ này.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Nghĩa vụ quân sự là bắt buộc đối với mọi người.

b. Trốn tránh nghĩa vụ quân sự chỉ bị xử phạt hành chính.

c. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất.

d. Xây dựng, bảo vệ lãnh thổ biên giới quốc gia chỉ là nhiệm vụ của lực lượng vũ trang.

e. Phòng chống tội phạm không phải là nội dung của quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc.

2. Em hãy nêu đánh giá về hành vi của nhân vật trong các câu sau:

a. Anh A chia sẻ những thông tin sai sự thật về an ninh trật tự trên mạng xã hội.

b. Anh C tích cực tham gia phong trào ngư dân bám biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo.

c. Bạn B không báo cho các cơ quan và người có trách nhiệm khi phát hiện hành vi gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

d. Chị D tham gia tuyên truyền, vận động mọi người tham gia phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc".

3. Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu

a. Tổ dân phố H tổ chức mô hình "Hệ thống camera giám sát đảm bảo an ninh trật tự". Đây là một mô hình hay trong phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc". Bà K rất vui khi biết thông tin này và tham gia đóng góp thực hiện vì tình hình an ninh trật tự trên địa bàn sẽ có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, bà T không đóng góp vì gia đình bà đã lắp đặt camera. Không những thế, bà T còn khuyên hàng xóm không tham gia hoạt động này.

b. Nhà ông N nằm cạnh suối biên giới thuộc địa bàn xã X. Trong quá trình tu sửa nhà, ông N đã mang chất thải, đất đá đổ xuống suối biên giới làm thay đổi dòng chảy, ảnh hưởng đến đường biên giới quốc gia. Sự việc bị phát hiện, ông N bị cơ quan có thẩm quyền phạt vi phạm hành chính 75 triệu đồng và buộc khắc phục hậu quả.

– *Cho biết nhận xét của em về hành vi của nhận vật trong các trường hợp trên.*

– *Nêu hành động cần có khi phát hiện hành vi vi phạm về quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ Tổ quốc.*

– *Hãy chia sẻ với các bạn một hoạt động thể hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ Tổ quốc mà em đã tham gia.*

c. Ban chỉ đạo phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc – phòng chống tội phạm huyện Y tổng kết phong trào sau ba năm thực hiện. Trong ba năm, toàn huyện đã tổ chức được 100 cuộc tuyên truyền pháp luật cho 42 000 lượt thanh, thiếu niên tham gia xây dựng, biên soạn, phát hành hàng nghìn tranh, ảnh, tờ rơi, tờ dán, tài liệu tuyên truyền về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội,... Thông qua phong trào, người dân đã phát hiện, thông báo cho cơ quan Công an hàng trăm tin báo về tội phạm, tệ nạn xã hội, góp phần giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

– *Em hãy đánh giá việc làm của huyện Y trong trường hợp trên.*

– *Hãy chia sẻ một tấm gương về phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa phương em sinh sống.*

VẬN DỤNG

1. Em hãy thiết kế một sản phẩm tuyên truyền (tờ gấp, báo tường, áp phích,...) có nội dung thể hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ Tổ quốc

2. Em hãy lập kế hoạch và thực hiện việc tuân thủ quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ Tổ quốc

CHỦ ĐỀ 9: MỘT SỐ QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

BÀI 17 QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ THÂN THỂ, ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO HỘ VỀ TÍNH MẠNG, SỨC KHOẺ, DANH DỰ VÀ NHÂN PHẨM

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm trong một số tình huống đơn giản.

– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.

MỞ ĐẦU

Cá nhân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm. Các quyền này được Hiến pháp năm 2013 và các luật có liên quan ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện.

▶ ***Theo em, bạo lực học đường có phải là hành vi vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm không? Vì sao?***

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN 1

Khoản 1, 2 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khoẻ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

2. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định."

THÔNG TIN 2

– Điều 33 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"Cá nhân có quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật."

– Điều 34 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"1. Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.

2. Cá nhân có quyền yêu cầu Toà án bác bỏ thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của mình."

– Điều 10 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định:

"Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.

Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, việc bắt, tạm giữ, tạm giam người phải theo quy định của Bộ luật này. Nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khoẻ của con người."

Trường hợp 1

Chị H đang đi xe đạp trên phần đường dành cho xe thô sơ thì bị anh K điều khiển xe gắn máy đi ngược chiều gây tai nạn. Hành vi của anh K làm hư hỏng xe đạp của chị H và khiến chị bị gãy tay.

Trường hợp 2

Do chị D thường xuyên bị ông M, lãnh đạo cơ quan gây khó khăn trong công việc nên anh T, chồng chị D đã viết bài đăng trên một trang thông tin điện tử xuyên tạc việc ông M sử dụng ngân sách của đơn vị sai mục đích. Ông M nhờ chị V là Chủ tịch Công đoàn khuyên vợ chồng chị D nên cải chính nội dung bài viết nhưng chị D từ chối.

– Theo em, việc làm của nhân vật trong các trường hợp trên có phù hợp với quy định pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm không? Vì sao?

– Em biết các quy định nào khác của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm?

2. Hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp 1

H là nhân viên bán hàng tại cửa hàng thời trang của vợ chồng anh M. Do cửa hàng bị mất quần áo nên vợ chồng anh M đã giữ H ở lại cửa hàng để tra hỏi. Mặc dù H khẳng định là mình không lấy quần áo, nhưng vợ chồng anh M cho rằng H ngoan cố nên đã đe doạ, ép buộc H nhận là người lấy đồ. Vợ anh M còn ghi hình quá trình tra hỏi, sau đó lan truyền thông tin H chính là người đã trộm cắp tài sản tại cửa hàng của mình.

Trường hợp 2

Xuất phát từ việc anh A mượn tiền chị B nhưng không trả nên chị B đã nhờ anh C đòi nợ. Trên đường đến nhà anh A, phát hiện anh đang điều khiển xe gắn máy chạy trên đường, anh C đuổi theo bắt, giữ anh A và dùng tay đánh vào mặt anh A dẫn đến chảy máu mũi. Sau đó, chị B và anh C còn ép buộc anh A lên ô tô và chở về nhà chị B.

– Em hãy cho biết hành vi của nhân vật trong hai trường hợp trên có bị pháp luật xử lí không. Giải thích lí do.

– Hãy nêu một số hành vi xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm khác mà em biết.

3. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm và trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quyền này

a. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

– Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác mà tỉ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hoá chất nguy hiểm;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

đ) Có tổ chức;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lí vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác do được thuê;

i) Có tính chất côn đồ;

k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lí do công vụ của nạn nhân."

– Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 10 000 000 đồng đến 50 000 000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

a) Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác;

b) Bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền.

– Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

– Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình quy định:

"3. Phạt tiền từ 2 000 000 đồng đến 3 000 000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Có hành vi khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm, lăng mạ, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 và Điều 54 Nghị định này;

b) Tổ chức, thuê, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, kích động người khác cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ người khác hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự"...

Trường hợp

Do có mâu thuẫn cá nhân với anh A, anh B đã đăng nhiều bài viết trên các trang mạng xã hội bịa đặt thông tin, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của anh A. Sau khi anh B đăng tải thông tin, đã có nhiều người bình luận, chia sẻ. Thấy việc làm nói trên của anh B ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của mình nên anh A đã làm đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lí. Cơ quan chức năng đã ra quyết định xử phạt hành chính anh B về hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác với mức phạt tiền là 3 000 000 đồng.

– Theo em, hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm sẽ để lại hậu quả gì cho cá nhân và xã hội?

– Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm sẽ phải gánh chịu những trách nhiệm pháp lí gì?

– Em có suy nghĩ gì về hành vi của anh B trong trường hợp trên?

b. Trách nhiệm thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp 1

Chị A, chị B và một số bạn bè thường xuyên đóng góp tài chính để cùng nhau tổ chức hoạt động từ thiện, cứu trợ người nghèo. Trong quá trình hoạt động, giữa chị A và chị B phát sinh mâu thuẫn về các khoản chi tiêu chưa có giấy tờ xác nhận. Chị B đưa các thông tin không đúng sự thật về chị A lên tài khoản mạng xã hội của mình. Biết được việc này, anh C khuyên chị B không nên làm như vậy vì đó là hành vi xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác. Sau đó, chị B đã hiểu vấn đề và gỡ các bài đăng.

Trường hợp 2

Anh G đặt bốn vé xe khách nhưng khi lên xe chỉ còn lại ba chỗ trống. Do bức xúc, anh đã có hành vi lăng mạ, chửi bới nhân viên nhà xe và yêu cầu gặp chủ xe để giải quyết. Thấy sự việc trên, một hành khách đi cùng xe đã lên tiếng can ngăn anh G.

– Em hãy đánh giá về cách xử sự của nhân vật trong các trường hợp trên.

– Cho biết vì sao mọi người phải tôn trọng quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

– Cho biết em cần làm gì để bảo vệ bản thân trước nguy cơ bị xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

– Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.

– Cá nhân có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm. Việc bắt, giam, giữ người phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định.

– Mọi người có nghĩa vụ tuân thủ quy định pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm, tôn trọng các quyền này của cá nhân.

– Pháp luật nghiêm cấm các hành vi tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khoẻ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

– Hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm tuỳ theo tính chất, mức độ có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính hoặc xử lí hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

– Công dân cần có trách nhiệm học tập, nắm vững những quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; xây dựng ý thức tự giác thực hiện quy định các quyền này; có trách nhiệm vận động những người xung quanh chấp hành.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Hành vi xâm phạm đến sức khoẻ của người khác thì luôn bị xử lí về hình sự.

b. Chia sẻ các thông tin không đúng sự thật chỉ phải chịu trách nhiệm hành chính.

c. Ai cũng có quyền bắt người nếu có thông tin cho rằng người đó đã thực hiện hành vi phạm tội.

d. Cơ quan điều tra tạm giữ hình sự người phạm tội đúng pháp luật thì không xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể.

e. Pháp luật quy định quyền bất khả xâm phạm về thân thể là nhằm mục đích ngăn chặn hành vi bắt, giữ người tuỳ tiện.

2. Em có nhận xét gì về hành vi của các nhân vật trong những tình huống sau:

a. M vượt đèn đỏ, đâm xe vào ông N, khiến ông bị gãy chân.

b. Chị V trình báo với các cơ quan chức năng về hành vi thường xuyên đánh đập, hành hạ con mình của anh H.

c. Anh D do chưa đòi được khoản tiền mà chị C vay nên đã chặn đường bắt giữ chị C, đồng thời quay phim, chụp ảnh nói chị C lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

d. Chị A lên Cơ quan điều tra tố giác anh B có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị.

3. Em hãy chỉ ra hậu quả của hành vi trong các trường hợp sau:

a. Nghi ngờ anh M tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, ông N là công an viên đã gửi giấy triệu tập, yêu cầu anh M tới trụ sở Cơ quan công an để lấy lời khai. Mặc dù anh M đã cung cấp các bằng chứng chứng minh mình ngoại phạm, không liên

quan đến hành vi vi phạm nhưng ông N vẫn giữ anh M ở tại trụ sở Cơ quan công an trong 48 giờ mà không ra bất kì quyết định tạm giữ theo quy định của pháp luật. Việc làm của ông N đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của anh M.

b. Anh H và chị K là hàng xóm của nhau. Một hôm, thấy chị K vứt rác sang nhà mình nên anh H đã nhắc nhở. Hai bên lời qua tiếng lại. Nghe thấy cãi vã, vợ anh H chạy ra dùng hung khí đánh vào đầu chị K, khiến chị bị thương tật vĩnh viễn 15%. Hành vi của vợ anh H bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bị phạt một năm tù giam.

4. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a. Nhà ông M thường xuyên bị mất trộm. Một lần nọ, A vào nhà ông M trộm cắp tài sản nhưng bị ông M phát hiện và bắt giữ. Thay vì báo cho cơ quan công an để giải quyết thì ông M đã trói A lại để tra hỏi về các lần mà nhà ông M bị mất tài sản trước đây. Mặc dù A chỉ thừa nhận vào nhà ông M trộm cắp tài sản lần này, nhưng ông M vẫn giữ A tại nhà mình một ngày, sau đó ông M mới giao nộp A cho Cơ quan công an để xử lí.

b. Trong một lần đi dự tiệc sinh nhật của A, do có mâu thuẫn từ trước với anh H, anh C đã có lời lẽ lăng mạ anh H. Do bị xúc phạm trước đám đông, anh H bức xúc, rủ thêm các anh D, anh E chặn đường đánh anh C. Anh D từ chối tham gia vì đó là hành vi vi phạm pháp luật.

– Em có nhận xét gì về hành vi của nhân vật trong các trường hợp trên?

– Nếu em là anh H, em sẽ đưa ra phương án để giải quyết như thế nào?

VẬN DỤNG

1. Em hãy thiết kế một sản phẩm tuyên truyền về nội dung quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

Gợi ý: Hình thức sản phẩm có thể là áp phích, tờ gấp,...

2. Vận dụng một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm, em hãy đánh giá những hành vi vi phạm quyền này mà em sưu tầm được

BÀI 18 QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ CHỖ Ở

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở trong một số tình huống đơn giản.

– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.

MỞ ĐẦU

Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở là quyền hiến định, được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận, bảo vệ. Do đó, đảm bảo quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân.

▶ ***Em hãy chia sẻ về một vụ xâm nhập chỗ ở bất hợp pháp mà em biết***

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN 1

Điều 22 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp.

2. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.

3. Việc khám xét chỗ ở do luật định."

THÔNG TIN 2

– Điều 12 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định: "Không ai được xâm phạm trái pháp luật chỗ ở."

Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định: "Việc khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án."

Trường hợp

A và B là bạn thân đã lâu. Nhà của A rất gần nhà của B nên mỗi khi rảnh rỗi A thường sang chơi. Một hôm, A sang nhà B như thường lệ, thấy không có ai ở nhà, cửa lại không khoá, nên A đã tự ý mở cửa vào nhà, lên phòng của B để đọc truyện.

?

– Theo em, việc làm của A có phù hợp với quy định pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở không? Vì sao?

– Em biết quy định nào khác của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở?

2. Hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở

▶ ***Em hãy đọc thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN

Khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây xâm phạm chỗ ở của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a) Khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác;

b) Dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực, gây sức ép về tinh thần hoặc thủ đoạn trái pháp luật khác buộc người khác phải rời khỏi chỗ ở hợp pháp của họ;

c) Dùng mọi thủ đoạn trái pháp luật nhằm chiếm, giữ chỗ ở hoặc cản trở trái phép, không cho người đang ở hoặc quản lí hợp pháp chỗ ở được vào chỗ ở của họ;

d) Tự ý xâm nhập chỗ ở của người khác mà không được sự đồng ý của chủ nhà hoặc người quản lí hợp pháp."

Trường hợp 1

Bà A vay tiền của anh B nhưng chưa trả được nên anh B đã rủ anh C đến nhà bà để đòi nợ. Mặc dù không được sự đồng ý của bà A nhưng anh B và anh C đã có hành vi dùng vũ lực đe doạ, ở lại nhà bà A nhằm mục đích buộc bà phải trả tiền.

Trường hợp 2

Công ty N xây dựng khu tập thể liền kề với đất của ông C để làm chỗ ở cho công nhân. Ông C cho rằng khu tập thể nằm trên phần đất của mình nên các bên xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, thay vì khởi kiện vụ việc để giải quyết theo quy định của pháp luật, ông C đã có hành vi đe doạ, đuổi công nhân ra khỏi khu tập thể, đồng thời vứt bỏ đồ đạc của họ.

– Em hãy cho biết hành vi nào của anh B, anh C vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở?

– Theo em, anh B và anh C có bị pháp luật xử lí không? Vì sao?

3. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở và trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở

a. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở

▶ ***Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Trường hợp 1

Đi làm về, ông T phát hiện trong nhà mất chiếc xe đạp. Nghi ngờ ông K – người cùng xóm lấy xe đạp của mình, ông T đã tự ý phá khoá, đột nhập vào nhà ông K để lục soát, nhưng bị ông K phát hiện. Sau đó, ông K đã làm đơn tố giác hành vi vi phạm của ông T. Ông T đã bị Toà án xét xử, tuyên phạt một năm cải tạo không giam giữ về tội xâm phạm trái phép chỗ ở của người khác.

Trường hợp 2

Bà V cho chị H thuê nhà trong vòng hai năm với giá thuê là 10 triệu đồng/tháng, đặt cọc 20 triệu đồng. Do chị H chậm thanh toán tiền năm ngày nên bà V đề nghị chị H ra khỏi nhà, đồng thời giữ lại toàn bộ tiền cọc chị đã thanh toán.

Theo em, hành vi của các nhân vật trong những trường hợp trên gây ra hậu quả gì?

b. Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở

▶ ***Em hãy đọc trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

Trường hợp

Trong kì nghỉ hè, A được bố mẹ cho về quê thăm ông bà ngoại. Một buổi chiều, lúc đang nằm hóng mát ngoài sân, em họ của A là H đến rủ A đi chơi. Trên đường đi ngang qua nhà ông Q thấy cây xoài có nhiều trái, H rủ A trèo rào vào để hái xoài. A không đồng ý và giải thích với H rằng không nên làm như vậy vì tôn trọng quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở không chỉ là hành vi văn minh mà còn là việc làm tuân thủ pháp luật.

– Hãy cho biết ý kiến của em về việc làm của A và H.

– Em hãy cho biết những việc làm thể hiện trách nhiệm trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

– Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở là quyền hiến định:

+ Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp. Chỗ ở hợp pháp là nơi được sử dụng để sinh sống, thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của công dân, bao gồm: nhà ở, tàu, thuyền, phương tiện khác có khả năng di chuyển hoặc chỗ ở khác theo quy định của pháp luật;

+ Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý;

+ Việc khám xét chỗ ở của công dân chỉ được phép thực hiện trong những trường hợp pháp luật quy định và phải tuân thủ đúng trình tự thủ tục luật định.

– Mọi người có nghĩa vụ tuân thủ quy định pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, tôn trọng quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của người khác.

– Pháp luật nghiêm cấm các hành vi khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác, đuổi trái pháp luật người khác ra khỏi chỗ ở của họ, chiếm giữ chỗ ở hoặc cản trở trái pháp luật người đang ở hoặc người đang quản lí hợp pháp chỗ ở của họ, xâm nhập trái pháp luật chỗ ở của người khác.

– Hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

– Công dân cần có trách nhiệm học tập, nắm vững những quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, tự giác thực hiện quy định về quyền này, vận động những người xung quanh chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về bất khả xâm phạm về chỗ ở.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Chiếm giữ chỗ ở của người khác thì phải chịu trách nhiệm hình sự.

b. Bất kì chỗ ở nào mà công dân dùng vào mục đích cư trú thì đều được pháp luật bảo vệ.

c. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó cho phép, trừ trường hợp luật có quy định.

d. Cơ quan công an có thể khám xét chỗ ở của công dân khi có dấu hiệu nghi vấn tại đó có công cụ, phương tiện phạm tội.

2. Em hãy đưa ra đánh giá của mình về các hành vi sau:

a. Anh A tích cực tham gia tuyên truyền quy định pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

b. Bạn T xin phép và được sự đồng ý của chủ nhà mới được vào nhà họ để khảo sát ý kiến.

c. Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nhà của anh A khi chưa có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát đối với lệnh khám xét.

d. Bà D cho thuê nhà nhưng khi chưa hết hạn hợp đồng thuê, bà đã yêu cầu người thuê ra khỏi nhà.

3. Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu

a. Ông A và bà B tranh chấp ngôi nhà mà vợ chồng bà B cùng các con chưa thành niên đang cư trú hợp pháp. Các bên đã khởi kiện vụ việc tranh chấp nhà tại Toà án. Trong khi chờ Toà án giải quyết, lợi dụng lúc gia đình bà B đi vắng, ông A cùng một số người đã phá khoá cửa, di chuyển đồ đạc của bà B ra khỏi nhà và chiếm giữ trái phép nhà của bà B làm cho gia đình bà B không còn chỗ ở.

Hãy phân tích hành vi của ông A, từ đó rút ra bài học cho bản thân.

b. Anh M và chị N kết hôn với nhau đã hơn 10 năm. Tài sản chung của hai vợ chồng là một ngôi nhà hai tầng khá khang trang. Vì nhiều lí do khác nhau, hai vợ chồng anh chị quyết định li hôn. Trong thời gian chờ Toà án giải quyết yêu cầu phân chia tài sản, nhân khi chị N đi vắng, anh M đã thay hệ thống khoá mới và không cho chị N về lại nhà của mình. Không có chỗ ở, chị N phải về nhà cha mẹ đẻ để ngủ nhờ.

– Cho biết đánh giá của em về hành vi của anh M.

– Đưa ra cách ứng xử của em trong trường hợp nếu là chị N.

4. Nhận xét hành vi của các nhân vật trong tình huống sau:

Trên đường đi học về, bạn N thấy có người lạ mặt đang tìm cách mở khoá cổng để vào nhà hàng xóm. N nói: "Có người lạ đang tìm cách vào nhà bác hàng xóm, chúng ta phải tìm cách báo cho bác ấy hoặc báo công an". Nghe vậy, M trả lời: "Họ vào nhà hàng xóm chứ có vào nhà mình đâu mà quan tâm". N đáp: "Chúng ta phải có trách nhiệm trình báo những hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở".

VẬN DỤNG

1. Em hãy lấy một ví dụ về hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở để phân tích hậu quả, từ đó rút ra bài học về trách nhiệm của bản thân

2. Em hãy sưu tầm câu chuyện về tấm gương tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Sau đó, chia sẻ với các bạn cùng lớp

BÀI 19 QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM AN TOÀN VÀ BÍ MẬT THƯ TÍN, ĐIỆN THOẠI, ĐIỆN TÍN

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trung học phổ thông trong thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.

MỞ ĐẦU

Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là một trong những quyền tự do cơ bản của công dân được pháp luật quy định. Nội dung của quyền này không chỉ thể hiện sự tôn trọng đối với các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của cá nhân mà còn góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ khỏi các hành vi vi phạm.

▶ *Em hãy đọc thông tin dưới đây và thực hiện yêu cầu*

THÔNG TIN

Điều 12 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền năm 1948 quy định:

"Không ai phải chịu sự can thiệp một cách tuỳ tiện vào sự riêng tư, gia đình, nơi ở hoặc thư tín, cũng như bị xúc phạm danh dự hoặc uy tín cá nhân. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp và xâm phạm như vậy."

Em hãy nêu những quyền con người được đề cập trong Điều 12 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền do Liên Hợp Quốc thông qua năm 1948.

KHÁM PHÁ

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín

▶ *Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và thực hiện yêu cầu*

THÔNG TIN

– Khoản 2 Điều 21 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác".

– Khoản 3 Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định".

– Khoản 2 Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định: "Khi có căn cứ để nhận định trong thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án thì có thể khám xét thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử".

Trường hợp 1

Bố D đi làm và dặn D ở nhà nếu có người giao thư thì nhận giúp bố. Khi D đang học bài thì nhân viên bưu điện đến chuyển phát thư. Sau khi nhận thư, mặc dù rất tò mò về nội dung nhưng D không tự ý bóc mở.

Trường hợp 2

Chị A và chị P cùng làm việc tại phòng kế toán Công ty M. Một hôm, chị A mượn điện thoại của chị P để gọi điện. Trong lúc chị P ra ngoài, chị A đã tự ý đọc tin nhắn nên biết việc chị P dự định chuyển sang công ty khác. Chị A đã chụp lại thông tin này và chia sẻ cho mọi người trong công ty.

– Em hãy cho biết quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín được thể hiện như thế nào qua thông tin trên.

– Cho biết nhận xét của em về hành vi của D trong trường hợp 1.

– Em hãy chỉ ra hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín trong trường hợp 2.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN 1

– Điều 159 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác.

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, đã bị xử lí kỉ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20 000 000 đồng đến 50 000 000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:

a) Chiếm đoạt thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông dưới bất kì hình thức nào;

b) Cố ý làm hư hỏng, thất lạc hoặc cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông;

c) Nghe, ghi âm cuộc đàm thoại trái pháp luật;

d) Khám xét, thu giữ thư tín, điện tín trái pháp luật;

đ) Hành vi khác xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín, telex, fax hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Tiết lộ các thông tin đã chiếm đoạt, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác;

đ) Làm nạn nhân tự sát.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 000 000 đồng đến 20 000 000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Nghị định số 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử quy định:

– Khoản 4 Điều 10

"Phạt tiền từ 20 000 000 đồng đến 30 000 000 đồng đối với một trong các hành vi như sau:

a) Bóc mở bưu gửi trái pháp luật;

b) Tráo đổi nội dung bưu gửi;

c) Chiếm đoạt, trộm cắp bưu gửi có trị giá dưới 2 000 000 đồng hoặc huỷ bưu gửi trái pháp luật;

d) Không phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đình chỉ, tạm đình chỉ vận chuyển, phát bưu gửi hoặc kiểm tra, xử lí bưu gửi hoặc cung cấp thông tin về sử dụng dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật."

– Điểm o, p, q, v khoản 3 Điều 102

"Phạt tiền từ 10 000 000 đồng đến 20 000 000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

o) Chiếm đoạt thư, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa trên mạng dưới bất kì hình thức nào;

p) Cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa trên mạng;

q) Nghe, ghi âm cuộc đàm thoại trái pháp luật;

r) Thu giữ thư, điện báo, điện tín trái pháp luật."

Trường hợp

Anh K là nhân viên bưu điện. Trong lúc làm việc, anh K thấy chị H – người có mâu thuẫn với mình từ trước đến gửi thư nên anh K đã bóc mở thư ra xem mà không chuyển đi. Sự việc bị phát hiện, anh K đã bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính.

?

– Hành vi của anh K vi phạm quy định nào của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín?

– Hành vi của anh K gây ra hậu quả gì?

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Trường hợp 1

Trên đường đi học về, M và X nhặt được lá thư. Đoán rằng lá thư này do bưu tá đánh rơi trong lúc đi giao hàng nên M và X đã đứng lại đợi. Một lúc lâu mà vẫn không thấy người nào đến tìm, M nói rằng nên để lá thư này lại chỗ cũ rồi về nhà. Nhưng X không đồng ý và đề nghị giao lại cho bưu điện. Sau đó, cả hai đã cùng đến bưu điện để trả lá thư.

Trường hợp 2

Trong giờ làm việc, anh A mượn máy tính xách tay của anh B để giải quyết một số công việc. Trong lúc sử dụng, anh A đã tự ý mở và nghe bản ghi âm cuộc đàm thoại cá nhân của anh B. Phát hiện điều này, anh B đã yêu cầu anh A chấm dứt hành vi trên vì xâm phạm đến quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín. Anh B nhận ra hành vi của mình là không đúng nên đã xin lỗi anh A.

?

– Em có nhận xét gì về hành vi của những nhân vật trong các trường hợp trên?

– Theo em, mọi người có trách nhiệm gì trong thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín?

– Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín:

+ Mọi người được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín; việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định. Khi có căn cứ để nhận định trong thư tín, điện tín có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án thì có thể khám xét thư tín, điện tín.

+ Công dân có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật về quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín; tôn trọng và không xâm phạm quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của người khác.

+ Trách nhiệm pháp lí: Hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định.

– Công dân có trách nhiệm tìm hiểu những quy định của pháp luật về quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín; tự giác thực hiện và vận động những người xung quanh chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Vợ chồng không được phép xem tin nhắn điện thoại của nhau.

b. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

c. Người có thẩm quyền được khám xét thư tín để phục vụ công tác điều tra tội phạm.

d. Hành vi vi phạm quyền được đảm bảo an toàn thư tín, điện thoại, điện tín tuỳ theo tính chất, mức độ có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Em hãy nhận xét về hành vi của các nhân vật trong những trường hợp sau:

a. Nghe chuông điện thoại của K reo, H đã tự ý trả lời điện thoại khi chưa được K đồng ý.

b. Vì có tính đa nghi, anh T đã bí mật cài phần mềm nghe lén vào điện thoại của bạn gái để thu thập thông tin.

c. Cô T là người giúp việc của gia đình bà M. Cô thường xuyên giúp bà M gửi thư cho người thân và chưa lần nào tự ý mở những bức thư này ra xem.

d. Hai sinh viên D, V cùng thuê một phòng trọ gần trường để thuận tiện cho việc học tập. Mỗi lần D gọi điện hỏi thăm gia đình, V thường nghe lén vì tính tò mò.

3. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a. Anh A và chị B là nhân viên kinh doanh làm việc cùng công ty. Để đạt chỉ tiêu bán hàng của mình, anh A mở email cá nhân của chị B và lấy danh sách khách hàng. Nhờ vậy, doanh số bán hàng của anh A tăng lên trong khi chị B không đạt chỉ tiêu. Điều này khiến chị B rất lo lắng và căng thẳng vì thu nhập bị ảnh hưởng.

b. Sau nhiều lần bị nhắc nhở do không hoàn thành công việc, anh T cho rằng giám đốc khắt khe và đang làm khó mình. Lợi dụng buổi tối khi đồng nghiệp đã về hết, anh T đã mở khoá tủ hồ sơ của giám đốc, lấy đi một số thư, tài liệu cá nhân quan trọng. Sự việc bị phát hiện, anh T đã bị sa thải.

?

– *Trong các trường hợp trên, hành vi nào đã vi phạm quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân và hậu quả của những hành vi này là gì?*

– *Em rút ra bài học gì về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín qua các trường hợp trên?*

4. Em hãy đóng vai xử lí tình huống sau:

Bạn V đi ra ngoài nhưng không mang theo điện thoại. Về đến nhà, thấy mẹ đang dùng điện thoại của mình để xem tin nhắn, V đã giải thích với mẹ việc tự ý sử dụng điện thoại của người khác là xâm phạm quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

VẬN DỤNG

1. Em hãy sưu tầm một số hành vi vi phạm quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và chỉ ra hậu quả của những hành vi vi phạm này, sau đó chia sẻ cùng bạn bè

2. Em hãy cùng các bạn viết kịch bản và đóng vai một tiểu phẩm thể hiện nội dung quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín

BÀI 20 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ TỰ DO NGÔN LUẬN, BÁO CHÍ VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.

– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.

– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.

– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin trong một số tình huống đơn giản.

– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.

MỞ ĐẦU

Quyền và nghĩa vụ về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin là một trong những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Các quyền này đóng vai trò quan trọng cho việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là biểu hiện trực tiếp cho quan điểm, chính sách về quyền con người của Đảng và Nhà nước ta.

▶ ***Em hãy đọc thông tin dưới đây và thực hiện yêu cầu***

Khoản 2 Điều 19 Công ước Quốc tế về các quyền chính trị, dân sự năm 1966 quy định:

"Mọi người có quyền tự do biểu đạt. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kì phương tiện thông tin đại chúng nào tuỳ theo sự lựa chọn của họ."

– Cho biết những quyền tự do dân chủ được đề cập trong thông tin trên.

– Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về những quyền tự do dân chủ đó.

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin

▶ *Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và thực hiện yêu cầu*

THÔNG TIN 1

– Điều 25 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định."

THÔNG TIN 2

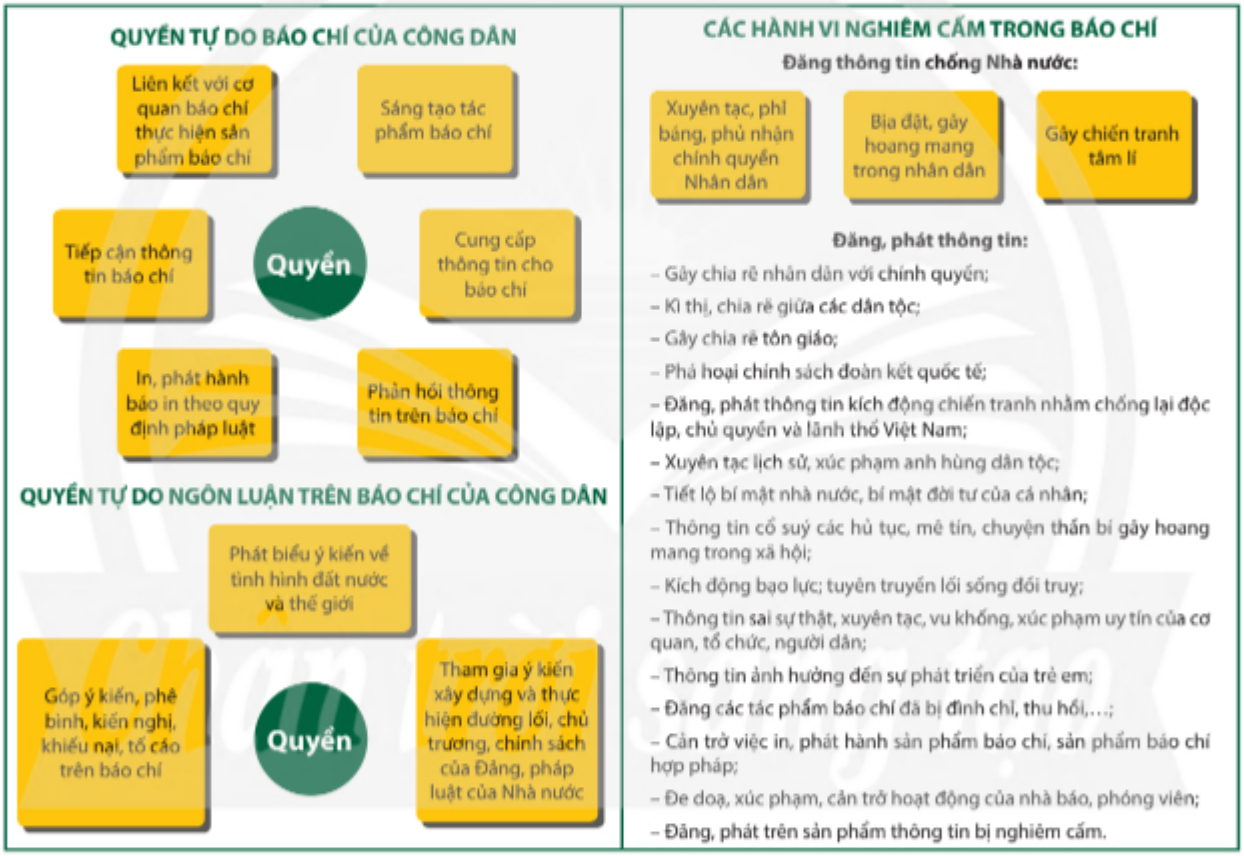

(Trích *Điều 9, 10, 11 Luật Báo chí năm 2016*)

THÔNG TIN 3

Khoản 2 Điều 2 và Điều 5, 6, 7, 8 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định:

– Khoản 2 Điều 2: "Tiếp cận thông tin là việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin".

– Điều 8

"1. Công dân có quyền:

a) Được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời;

b) Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Công dân có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin;

b) Không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp;

c) Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin."

Điều 5, 6, 7 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định:

– Điều 5

"Công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật này; được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 7 của Luật này."

– Điều 6

"1. Thông tin thuộc bí mật nhà nước, bao gồm những thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của luật. Khi thông tin thuộc bí mật nhà nước được giải mật thì công dân được tiếp cận theo quy định của Luật này.

2. Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khoẻ của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ."

– Điều 7

"1. Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

2. Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý."

Trường hợp 1

Lợi dụng tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh trên địa bàn huyện Y, một số cá nhân đã đưa ra những thông tin sai sự thật trên các trang mạng xã hội, tạo tâm lí hoang mang và gây nhiều khó khăn cho công tác phòng, chống dịch bệnh. Biết được sự việc, Công an huyện Y đã triệu tập, xử lí nghiêm những đối tượng đăng tải, chia sẻ thông tin sai sự thật lên mạng xã hội theo quy định của pháp luật.

Trường hợp 2

Trong quá trình sản xuất, Công ty X xả nước thải chưa qua xử lí ra môi trường. Người dân sinh sống xung quanh khu vực đã phản ánh thông tin vụ việc này cho chính quyền địa phương và Toà soạn báo K. Toà soạn đã cử phóng viên đến làm việc, xác minh thông tin kịp thời, viết bài đưa lên báo chí. Tuy nhiên, Công ty X đã có hành vi ngăn cản, đe doạ, không cho phóng viên tác nghiệp.

– Trình bày nội dung quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin được thể hiện qua các thông tin trên.

– Cho biết các chủ thể trong trường hợp 1, 2 đã vi phạm quy định nào của quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.

– Em hãy cho biết công dân có quyền gì trong tiếp cận thông tin. Cho ví dụ về các loại thông tin được tiếp cận.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin

▶ ***Em hãy đọc thông tin, trường hợp sau và thực hiện yêu cầu***

THÔNG TIN

Điều 167 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân, đã bị xử lí kỉ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 05 năm."

Trường hợp 1

Qua công tác kiểm tra, Đội Quản lí thị trường số 10 (Chi cục Quản lí thị trường thành phố H) đã niêm phong và tịch thu hơn hai tấn xúc xích của Công ty V vì cho rằng trong sản phẩm của công ty này có chất Sodium nitrate 251 có thể gây ung thư. Thông tin này được ông M (nhân viên Công ty V) cung cấp cho báo chí và đăng tải khá nhiều. Tuy nhiên, không lâu sau đó, các cơ quan chuyên môn đã kết luận chính thức rằng Sodium nitrate 251 là chất phụ gia thực phẩm an toàn. Cơ sở này được minh oan, nhưng vì những thông tin sai sự thật được đăng tải trên báo chí trước đó nên công ty không thể tiêu thụ sản phẩm. Mặc dù nỗ lực, Công ty V chỉ khôi phục được khoảng 20% sản lượng hàng bán ra so với giai đoạn trước đó, gây thiệt hại hàng tỉ đồng doanh thu.

Trường hợp 2

Do có mâu thuẫn với A từ trước nên B đã đăng tải nhiều bài viết bịa đặt, nói xấu A trên mạng xã hội vì cho rằng mình có quyền tự do ngôn luận, do vậy có thể đăng bài viết với bất kì nội dung nào. A phát hiện sự việc yêu cầu B xoá bài đăng và xin lỗi mình nhưng B không thực hiện.

– Chỉ ra hành vi vi phạm của các nhân vật trong trường hợp 1, 2.

– Em hãy xác định và phân tích hậu quả do hành vi vi phạm của các nhân vật trong trường hợp 1, 2 gây ra.

▶ ***Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

Trường hợp 1

Chị A có nhu cầu tìm hiểu thông tin về thu hồi đất và phương án bồi thường trên địa bàn tỉnh B. Chị đã liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B để được cung cấp thông tin. Thực hiện quy định pháp luật về tiếp cận thông tin, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cung cấp đầy đủ thông tin mà chị B đề nghị, đồng thời hướng dẫn chị theo dõi thông tin đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử về tài nguyên và môi trường của tỉnh.

Trường hợp 2

Qua theo dõi trên các phương tiện thông tin đại chúng, anh C biết được dự thảo Luật Đất đai đang trong quá trình lấy ý kiến của nhân dân. Anh muốn tham gia đóng góp ý kiến nhưng anh D cho rằng người dân chỉ cần tập trung vào việc làm ăn, không cần quan tâm đến việc sửa đổi luật hay các vấn đề xã hội khác.

– *Em có nhận xét như thế nào về việc làm của nhân vật, cơ quan nhà nước trong các trường hợp trên?*

– *Theo em, anh C nên tham gia góp ý dự thảo Luật Đất đai không? Vì sao?*

– Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin:

+ Công dân có quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin theo quy định của Hiến pháp năm 2013. Khi thực hiện các quyền này, công dân có nghĩa vụ tuân thủ và chấp hành pháp luật về các quyền này và các nghĩa vụ khác có liên quan.

+ Biểu hiện của quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin:

- Mọi người được tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin, ý kiến của mình đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội dưới hình thức bằng lời nói, văn bản hoặc dưới bản điện tử hay dưới hình thức khác.
- Công dân được sáng tạo tác phẩm báo chí, tiếp cận, cung cấp thông tin cho báo chí, phản hồi thông tin trên báo chí, liên kết với cơ quan báo chí thực hiện sản phẩm báo chí, in và phát hành báo in theo quy định pháp luật.
- Công dân được chủ động tiếp cận các thông tin do cơ quan nhà nước nắm giữ việc thực hiện quyền này theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.
- Công dân có nghĩa vụ tôn trọng quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của người khác. Pháp luật nghiêm cấm lợi dụng quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin để xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

+ Hành vi xâm phạm quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của người khác tuỳ theo tính chất, mức độ có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

– Công dân có trách nhiệm biết những quy định của pháp luật về quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin, xây dựng ý thức tự giác thực hiện và vận động những người xung quanh chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Theo quy định của pháp luật, quyền tự do ngôn luận không bị giới hạn.

b. Công dân có quyền sáng tạo sản phẩm báo chí và cung cấp thông tin cho báo chí.

c. Công dân không bị giới hạn trong việc tiếp cận các loại thông tin.

d. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

e. Pháp luật nghiêm cấm lợi dụng quyền tự do ngôn luận để xâm hại quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức khác.

2. Theo em, những hành vi sau đây có phù hợp với quy định về quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin không? Vì sao?

a. Bạn A tham gia đóng góp ý kiến cho dự thảo Luật Trẻ em (sửa đổi).

b. Bạn B viết những tin ngắn tuyên truyền về Hiến pháp năm 2013 để đăng lên bản tin của phường nơi mình cư trú.

c. Ông Y yêu cầu được tiếp cận thông tin liên quan đến an ninh quốc gia.

d. Anh D liên hệ Toà soạn báo C để phản ánh tình hình ô nhiễm tiếng ồn ở địa bàn mình cư trú.

e. Mẹ của B không cho B tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin trên địa bàn sinh sống.

3. Em hãy thực hiện các bài tập sau:

a. Ông B yêu cầu Uỷ ban nhân dân huyện D cung cấp thông tin về quy hoạch đất đai và bảng giá đất trên địa bàn. Sau khi được cung cấp thông tin, ông B đã chỉnh sửa, làm sai lệch thông tin và chia sẻ cho nhiều người. Biết được sự việc, bà C khuyên ông nên dừng ngay những hành vi vi phạm nghĩa vụ công dân về tiếp cận thông tin. Nhưng ông B cho rằng những thông tin này đã cung cấp cho ông thì ông có quyền chỉnh sửa, thay đổi.

b. Nhằm phổ biến quy định về quyền tự do ngôn luận đến người dân, huyện Y triển khai tuyên truyền bằng các hình thức treo băng rôn, khẩu hiệu, phát tờ rơi. Sau các

hoạt động này, người dân trên địa bàn đã hiểu rõ hơn về quyền tự do ngôn luận, qua đó, thực hiện tốt quy định pháp luật về quyền này.

– *Em hãy nhận xét, đánh giá về hành vi của các chủ thể trong hai trường hợp trên.*

– *Em hãy nêu một số hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin mà em biết.*

4. Em hãy đọc trường hợp sau và thực hiện yêu cầu

Qua tìm hiểu thông tin, bạn D (học sinh lớp 11) được biết báo M đang tuyển cộng tác viên cho mảng tin tức học đường. D đã mạnh dạn liên hệ với Toà soạn báo M và nhận được thư mời cộng tác. Từ đó, D đã có nhiều bài viết lan toả những thông tin tích cực về ngôi trường D đang theo học.

– *Em hãy đánh giá về việc làm của bạn D.*

– *Em hãy kể ra ba hành vi tuân thủ quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin mà em biết.*

VẬN DỤNG

1. Em hãy sưu tầm một số hoạt động thể hiện việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin ở địa phương nơi em sinh sống

2. Em hãy thực hiện những việc làm phù hợp với quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin và chia sẻ cùng các bạn

BÀI 21 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ TỰ DO TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO

Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo trong một số tình huống đơn giản.
– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.

MỞ ĐẦU

Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo của công dân Việt Nam được quy định trong Hiến pháp và được cụ thể hoá trong Luật Tín ngưỡng tôn, giáo năm 2016. Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để mọi người thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; phát huy các giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo và tín ngưỡng trong đời sống xã hội.

▶ ***Em hãy kể tên một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam mà em biết***

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN 1

– Điều 24 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật."

THÔNG TIN 2

Điều 6 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định:

"1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

2. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lí, giáo luật tôn giáo.

3. Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo.

4. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác.

5. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo."

THÔNG TIN 3

– Điều 5 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định:

"Các hành vi bị nghiêm cấm:

1. Phân biệt đối xử, kì thị vì lí do tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo:

a)Xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường;

b)Xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khoẻ, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác;

c) Cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân;

d) Chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

5. Lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi."

– Khoản 1 Điều 9 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định:

"1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan."

Trường hợp 1

Chị H và gia đình chị đều theo đạo Y. Đến khi lấy chồng, chị không muốn theo đạo Y để theo đạo P, cùng với đạo của chồng chị. Khi biết tin, mẹ chị H không đồng ý, còn bố chị H không ngăn cản vì ông cho rằng đây là quyền tự do của công dân, không ai có thể ngăn cản người khác theo hoặc không theo tôn giáo nào.

Trường hợp 2

Vì biết bà K là người tin vào thần thánh, D đã thuyết phục bà tham gia cúng sao để giải hạn, cầu tài lộc. Lợi dụng nghi lễ này, D cho biết bà K đang bị thần linh quở phạt và yêu cầu bà đưa mình 15 000 000 đồng để mua lễ vật cầu thần linh bỏ qua.

Trường hợp 3

Anh A và chị B là vợ chồng. Chị B là người theo tôn giáo và thường đi cầu nguyện nhằm mong muốn có một cuộc sống bình an, tốt đẹp. Nhưng theo anh A, việc thực hành tôn giáo của chị B rất mất thời gian, không mang lại lợi ích kinh tế cho gia đình. Chị B không đồng ý vì đây là quyền tự do của công dân về tôn giáo, tín ngưỡng. Tuy nhiên, anh A vẫn phản đối và thường xuyên lên án, cấm đoán không cho chị thực hành tôn giáo của mình.

?

– Từ các thông tin 1, 2 và 3, em hãy cho biết hành vi của nhân vật trong các trường hợp trên là đúng hay sai? Vì sao?

– Pháp luật còn những quy định nào khác về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo?

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo

▶ ***Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi***

THÔNG TIN 1

Khoản 1 Điều 64 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định:

"1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lí vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật."

THÔNG TIN 2

Điều 164 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác ngăn cản hoặc ép buộc người khác thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, đã

bị xử lí kỉ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

+ Có tổ chức;
+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
+ Phạm tội 02 lần trở lên;
+ Dẫn đến biểu tình;
+ Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

THÔNG TIN 3

Khoản 1 và 3 Điều 24 Luật Xử lí vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định:

"1. Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lí nhà nước đối với cá nhân được quy định như sau: Phạt tiền đến 30 000 000 đồng: hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bạo lực gia đình; lưu trữ; tín ngưỡng, tôn giáo; thi đua, khen thưởng; hành chính tư pháp; dân số; vệ sinh môi trường; thống kê; đối ngoại.

3. Mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân."

Trường hợp 1

Bản tin thời sự của Đài truyền hình K đưa tin về việc đối tượng G và H lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để truyền đạo trái phép, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Các đối tượng này đã bị cơ quan chức năng khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Trường hợp 2

Trên đường đi học về, M thấy có hai người lạ chủ động bắt chuyện với bà N (mẹ của M) ở trước nhà. Họ lôi kéo bà N tham gia vào Hội thánh T. Từng xem tin tức trên đài truyền hình, M nhận ra đây là một tổ chức tôn giáo hoạt động trái pháp luật nên thông tin lại cho bà N. Mặc dù bị đe doạ nếu không gia nhập thì gia đình sẽ gặp rắc rối nhưng vì được thông báo kịp thời nên bà N đã mời họ rời khỏi nhà. Đồng thời, M cũng tuyên truyền cho hàng xóm về các hành vi lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật của những người tham gia Hội thánh T.

?

– *Từ các thông tin 1, 2 và 3, em có nhận xét gì về hành vi của nhân vật trong các trường hợp trên?*
– *Hành vi của nhân vật trong các trường hợp 1 và 2 sẽ bị xử lí như thế nào?*
– *Học sinh cần làm gì để thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?*

– Một số quy định cơ bản của pháp luật về nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo:
  + Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; theo hoặc không theo một tôn giáo nào.
  + Mọi người phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác.
  + Khi tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo, mọi người có nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
– Hành vi vi phạm pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lí kỉ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
– Công dân có trách nhiệm:
  + Tuân thủ Hiến pháp, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và quy định khác của pháp luật có liên quan;
  + Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác;
  + Tôn trọng những lễ hội tín ngưỡng, hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng của mọi tôn giáo;
  + Tôn trọng những cơ sở thờ tự như đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác;
  + Không được bài xích, gây mất đoàn kết, chia rẽ giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo và những người không có tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau;
  + Tuyên truyền và lên án các hành vi mê tín dị đoan;
  + Lên án, đấu tranh với các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường, đạo đức xã hội, thân thể, sức khoẻ, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Mọi người có quyền theo bất kì tôn giáo nào và bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

b. Chỉ có những người theo tôn giáo mới được bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

c. Mọi người khi đã theo một tín ngưỡng, tôn giáo nào đó thì không có quyền thôi không theo tín ngưỡng, tôn giáo đó nữa.

d. Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Em hãy nhận xét hành vi của nhân vật trong các trường hợp sau:

a. K (Đoàn viên thanh niên) tích cực tham gia hoạt động tuyên truyền các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương.

b. Ông A thông qua các buổi giảng đạo, truyền đạo cho bà con trong khu vực, giúp mọi người thấu hiểu hơn lẽ phải, đạo đức, lối sống cũng như chấp hành tốt các quy định pháp luật của Nhà nước.

c. Anh P (cán bộ Phường Y) hỗ trợ nhiệt tình người dân thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a. Trên địa bàn huyện A có nhiều cơ sở tôn giáo hoạt động, các đối tượng phản động ở nước ngoài đã liên hệ với các chức sắc tôn giáo và đề nghị họ không thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, các chức sắc tôn giáo tại đây đã từ chối và thông tin kịp thời đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi của các đối tượng trên để có biện pháp ngăn chặn và xử lí.

b. Tại bữa tiệc liên hoan cuối năm với nhiều khách hàng của tập đoàn M, khi trao đổi về tôn giáo cùng các thành viên công ty, anh T cho rằng tôn giáo P là ưu việt nhất và khuyên mọi người nên thực hành tôn giáo này. Bên cạnh đó, anh T còn có hành vi hạ thấp vai trò của các tôn giáo khác nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết giữa các tôn giáo.

Em đánh giá như thế nào về hành vi của nhân vật trong các trường hợp trên?

4. Em hãy đọc trường hợp sau và nhận xét về hành vi của K

Anh K tự ý xây dựng các cơ sở thờ tự trái phép để lôi kéo người dân tham gia, kêu gọi quyên góp nhằm trục lợi bất chính. Sau khi biết được hành vi của anh K, anh D (hàng xóm của anh K) đã nhắc nhở, yêu cầu anh K chấm dứt hành vi của mình và tuyên truyền mọi người xung quanh không nên tin theo những hành vi vi phạm của anh K. Tuy nhiên, anh K vẫn không chấm dứt hành vi của mình.

VẬN DỤNG

1. Em hãy xây dựng một kịch bản và diễn trước lớp để tuyên truyền, phê phán các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo

2. Em hãy sưu tầm và phân tích những việc làm thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH	TRANG
Bãi nhiệm	Là việc cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kì.	98
Cảnh cáo	Là một hình thức xử lí hành vi vi phạm khi một cá nhân, tổ chức vi phạm kỉ luật, hành chính hoặc hình sự.	84, 106, 143
Chỉ số giá tiêu dùng	*Consumer Price Index* (CPI) là chỉ số biểu hiện tương đối mức độ biến động của giá bán lẻ trung bình cho giỏ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng trong sinh hoạt của người dân theo thời gian, có đơn vị tính là phần trăm. Sự biến động của CPI còn có thể gây ra lạm phát hoặc giảm phát.	20
Chức sắc	Tín đồ được tổ chức tôn giáo phong phẩm hoặc suy cử để giữ phẩm vị trong tổ chức.	91, 156, 160
Công chức	Công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội Nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an Nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.	54, 80, 98,...
Công trái	Một hình thức tín dụng nhà nước, biện pháp để Chính phủ huy động nguồn lực tài chính của các thành phần trong xã hội, để từ đó thực hiện những mục tiêu công của Nhà nước đã đề ra.	24
Cử tri	Người có quyền bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử cơ quan đại biểu của nhân dân (Quốc hội và Hội đồng nhân dân) và có quyền bỏ phiếu bãi nhiệm các đại biểu do mình bầu ra khi các đại biểu đó không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.	101, 104, 105,...

Dân chủ	Một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là một hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền; có quá trình ra đời, phát triển cùng với lịch sử xã hội của nhân loại.	75, 76, 147,...
Đầu tư công	Hoạt động đầu tư của Nhà nước vào các chương trình, dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội và đầu tư vào các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế – xã hội.	23, 24, 52,...
Hành chính	Hoạt động chấp hành và điều hành của một tổ chức theo những trình tự, quy định nhằm đạt được mục tiêu đã xác định của tổ chức.	66, 72, 74,...
Khiếu nại	Việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật Khiếu nại quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỉ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.	98, 102, 111,...
Sodium Nitrate 251	Là phụ gia thực phẩm được phép sử dụng đối với sản phẩm ủ chín hoàn toàn (kể cả bề mặt) với hàm lượng 35mg/kg.	151
Tạm giam	Biện pháp cách li bị can, bị cáo với xã hội trong thời gian nhất định nhằm ngăn chặn hành vi trốn tránh pháp luật, cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội của bị can, bị cáo; bảo đảm cho việc điều tra, truy tố, xét xử được thuận lợi.	128, 130, 156,...
Tạm giữ	Biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang để cách li họ với xã hội trong một thời gian cần thiết nhằm ngăn chặn người đó tiếp tục phạm tội, cản trở điều tra và xác định sự liên quan của họ đối với tội phạm.	104, 128, 156,...
Tăng trưởng kinh tế	Sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc tổng sản lượng quốc dân (GNP) trong một thời gian nhất định.	9, 21

Tín ngưỡng	Niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng.	155, 156, 157,...
Tố cáo	Việc cá nhân theo thủ tục quy định của Luật Tố cáo báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kì cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.	98, 102, 111,...
Tổ chức tôn giáo	Tập hợp tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo.	91, 93, 156,...
Tôn giáo	Niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lí, giáo luật, lễ nghi và tổ chức.	158, 159, 160,...
Tư pháp	Dùng để chỉ các cơ quan toà án; việc xét xử các hành vi vi phạm pháp luật và các vụ kiện tụng trong nhân dân, hoạt động của các cơ quan điều tra, kiểm sát, truy tố, xét xử và thi hành án.	130, 158
Trưng cầu ý dân	Việc Nhà nước tổ chức để cử tri cả nước trực tiếp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước theo quy định của Luật Trưng cầu ý dân năm 2015.	98, 105, 106,...
Viên chức	Công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.	80

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHAN ANH TUẤN – NGUYỄN QUỐC HƯNG

Biên tập kĩ – mĩ thuật: LÊ TRỌNG SƠN

Thiết kế sách: HUỲNH THỊ TRÚC LINH

Trình bày bìa: TỐNG THANH THẢO

Sửa bản in: PHAN ANH TUẤN – NGUYỄN LÊ NHẬT VY

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11 (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số:

In……bản, (QĐ in số….) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:…….

Cơ sở in:……

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày…. tháng…. năm 20….

In xong và nộp lưu chiểu tháng…. năm 20….

Mã số ISBN:

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 11, Tập một
2. Toán 11, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 11
4. Ngữ văn 11, Tập một
5. Ngữ văn 11, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11
7. Tiếng Anh 11
   Friends Global - Student Book
8. Lịch sử 11
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 11
10. Địa lí 11
11. Chuyên đề học tập Địa lí 11
12. Giáo dục kinh tế và pháp luật 11
13. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11
14. Vật lí 11
15. Chuyên đề học tập Vật lí 11
16. Hoá học 11
17. Chuyên đề học tập Hoá học 11
18. Sinh học 11
19. Chuyên đề học tập Sinh học 11
20. Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
21. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
22. Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
23. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Âm nhạc 11
25. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11
26. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (1)
27. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (2)
28. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.